

Chủ biên GS.TSKH TRẦN THẾ TỰC

Kỹ thuật Cải tạo Vườn tạp



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

Kỹ thuật

CẢI TẠO VƯỜN TẬP

GS. TSKH TRẦN THẾ TỤC

**KỸ THUẬT
CẢI TẠO VƯỜN TẠP**

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

LỜI GIỚI THIỆU

Vườn tạp hiểu một cách giản đơn là vườn quảng canh, là vườn đầu tư lao động, vật tư ít hàm lượng kỹ thuật thấp, hiệu quả kinh tế kém. Vườn tạp là vườn trồng nhiều loại cây ăn quả theo kiểu “mùa nào thức đó” để cải thiện dinh dưỡng trong khẩu phần ăn hàng ngày của gia đình.

Vườn tạp có thể là vườn trồng một loại cây nhưng nhiều giống khác nhau, tuổi cây khác nhau dẫn đến trái cây không cùng chủng loại, kích thước to nhỏ, màu sắc quả không đồng nhất và giá trị kinh tế thấp.

Hiểu theo nghĩa đó thì diện tích vườn tạp ở nước ta còn rất nhiều. Cải tạo vườn tạp là một yêu cầu cấp thiết của người làm vườn trong xu thế hội nhập cạnh tranh phát triển nền nông nghiệp hàng hoá.

Hiện nay trong sản xuất đã có rất nhiều mô hình cải tạo vườn tạp đem lại hiệu quả kinh tế cao cho thu nhập trên dưới 100 triệu đồng/ha/năm, có rất nhiều kỹ thuật mới đã được Bộ NN và PTNT công nhận và cho áp dụng vào sản xuất như các giống cây ăn quả đầu dòng đã qua bình tuyển, các giống cây ăn quả có mũi sạch bệnh tạo ra từ ghép đỉnh sinh trưởng, kỹ thuật ghép cải tạo cửa

đốn làm trẻ hóa cây gốc ghép đoạn cành giống mới chất lượng tốt hơn, kỹ thuật đốn tỉa tạo tán, kỹ thuật tỉa quả bao quả để có chùm quả đồng đều không bị sâu bệnh gặm nhấm, kỹ thuật kích thích ra hoa quả trái vụ...

*Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Trần Thế Tục - chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực cây ăn quả của Việt Nam đã dày công hướng dẫn chỉ đạo triển khai cải tạo vườn tạp, tổng kết đúc rút và viết cuốn sách **“Kỹ thuật cải tạo vườn tạp”** theo yêu cầu của dự án: **“Chuyển đổi cơ cấu VAC trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao”** do Hội Làm vườn Việt Nam chủ trì.*

Cuốn sách này chắc chắn sẽ bổ ích cho người làm vườn nhưng tất nhiên không tránh khỏi những sơ suất. Rất mong được sự góp ý và lượng thứ của độc giả.

GS. TS Ngô Thế Dân

PCT. Thường trực Hội Làm vườn Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Diện tích cây ăn quả ở nước ta không ngừng tăng trong những năm qua. Theo tài liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, diện tích cây ăn quả Việt Nam qua 10 năm (1995 - 2004) đã tăng từ 364,4 nghìn ha lên 747,8 nghìn ha, tăng 216%, tốc độ bình quân hàng năm đạt 8,9%/năm với sản lượng khoảng 6,2 triệu tấn năm 2004.

Tuy diện tích cây ăn quả tăng nhanh, nhưng vì công tác giống làm chưa tốt, việc hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng cho nông dân chưa được đều khắp và đầy đủ... Do đó năng suất một số loại cây ăn quả chủ yếu còn thấp, chất lượng quả chưa cao, sản xuất cây ăn quả vẫn ở tình trạng nhỏ lẻ, phân tán, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế. Do đó sản xuất cây ăn quả ở nước ta chưa phát huy hết tiềm năng và ưu thế sản phẩm cây ăn quả nhiệt đới của mình. Có thể nói hiện nay sức cạnh tranh về cây ăn quả của Việt Nam so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan... là còn thấp.

Vì vậy việc cải tạo vườn tạp đặt ra trước đây và hiện nay là rất cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược đối với việc

phát triển nghề vườn ở nước ta trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Tình trạng không đồng đều về giống dẫn đến sự chênh lệch khá lớn về năng suất, chất lượng khiến sản phẩm thiếu sự cạnh tranh là do nhiều nguyên nhân gây ra và có cả tính lịch sử của một thời kỳ mở rộng diện tích ô at, tuy có đề cập đến quy hoạch tổng thể nhưng vẫn thể hiện tính tự phát ở nhiều địa phương và nhiều vùng trong nước. Hiện nay vẫn chưa có bản đồ quy hoạch cây ăn quả chung cho cả nước. Một số tỉnh có tiềm năng và đất đai, khí hậu và lao động để sản xuất cây ăn quả song còn bỏ ngỏ. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên chưa xác định được cây ăn quả chủ lực để sản xuất hàng hóa nhằm bổ sung vào cơ cấu cây trồng nông nghiệp của Tỉnh để góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở địa phương.

Việc nghiên cứu gốc ghép cây ăn quả cho các đối tượng cam quýt, bưởi, vải, nhãn, xoài, sầu riêng... trong chương trình giống quốc gia 2001 - 2005 cũng chưa được chú ý đúng mức.

Cuốn sách “ Kỹ thuật cải tạo vườn tạp” không sao thể hiện được những vấn đề thời sự trong nghề trồng cây ăn quả của nước ta hiện nay mà chỉ tập hợp được các kết quả

điều tra nghiên cứu, chỉ đạo cải tạo vườn tạp ở một số nơi nhất định, với một số loại cây ăn quả tương đối phổ biến như nhãn, vải, xoài, bưởi, hồng để giúp người làm vườn và bạn đọc tham khảo, vận dụng.

Vì vườn tạp ở nước ta nằm trong một không gian và thời gian rất rộng, nhiều đồng nghiệp và chủ vườn ở các vùng trong nước cũng đã có những kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm rất có kết quả. Để làm rõ thêm nội dung khi trình bày, chúng tôi xin mạn phép được trích đăng nhằm giúp bạn đọc hiểu rõ hơn. Tác giả xin có lời cảm ơn.

Vườn tạp tuy đã có từ lâu, song nghiên cứu về vườn tạp và cải tạo vườn tạp lại còn rất mới, kinh nghiệm còn chưa tích lũy được nhiều, với lại tri thức nghề nghiệp của bản thân cũng còn nhiều hạn chế, chắc chắn cuốn sách còn có thiếu sót, nhược điểm. Rất mong bạn đọc lượng thứ và chỉ ra những chỗ còn chưa được rõ để lần tái bản sau được tốt hơn.

Tác giả

VƯỜN Ở VIỆT NAM VÀ CÁC LOẠI HÌNH VƯỜN

1. Vườn là gì? Đặc điểm và chức năng

- Vườn là gì: vườn là khu đất rộng hay hẹp, thường có rào dậu, được thiết kế, xây dựng và chăm sóc đặc biệt để sản xuất ra những thứ ăn được như rau, quả... hoặc những thứ không ăn được như hoa, cây cảnh, cây làm thuốc, cây giống... và phục vụ cho du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng hoặc các mục đích khác như văn hoá, khoa học, phúc lợi... (Theo từ điển Bách khoa Nông nghiệp, 1991).

- Đặc điểm và chức năng của vườn:

+ Tổng diện tích vườn chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất nông nghiệp; tổng diện tích các loại cây trồng trong vườn như cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản, rau, cây nguyên vật liệu... chỉ chiếm khoảng 10% đất nông nghiệp.

+ Vườn là mô hình bổ sung cho ruộng đồng. Đồng ruộng trồng cây hàng năm ngắn ngày, số loại cây trồng hạn chế. Cây lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi. Cây công nghiệp hàng năm, rau quả. Các loài cây trong vườn nhiều hơn gấp bội, rất phong phú, phần lớn là cây lâu năm: cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản, cây vật liệu nguyên liệu, hoa cây cảnh, rau và một số cây thực phẩm chịu bóng có thể trồng xen trong vườn.

Sản phẩm vườn là một hợp phần quan trọng và không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp. Cung cấp nhiều mặt hàng cho thị trường trong nước và xuất khẩu, có giá trị lớn.

+ Hệ thống canh tác vườn Việt Nam là một kiểu vườn nhiệt đới hỗn loài, tập hợp nhiều loài cây trồng trên một diện tích, tận dụng ánh sáng với những cây có tầng, tán khác nhau, yêu cầu ánh sáng khác nhau, tận dụng diện tích với phương thức tầng vụ, trồng xen. Vườn là một phương thức canh tác đạt hiệu quả sử dụng tài nguyên môi trường (đất, nước, ánh sáng), áp dụng các kỹ thuật thâm canh cao.

+ Vườn tạo công ăn việc làm để sử dụng nhân lực trong những thời vụ và thời gian nghỉ việc đồng ruộng; vị trí vườn ở liền nhà trên khu thổ cư, không mất công đi lại như ra đồng ruộng là điều kiện thuận lợi để sử dụng lao động phụ trong gia đình một cách tốt nhất. Người nông dân căn cứ vào khả năng nhân lực của gia đình, diện tích đồng ruộng hiện đang có, yêu cầu của thị trường để hoạch định quy mô vườn và cơ cấu cây trong vườn.

+ Ngoài chức năng kinh tế, vườn còn có chức năng văn hoá xã hội: phúc lợi công cộng, nghiên cứu tài nguyên, bảo vệ sinh thái và tài nguyên (công viên, vườn

quốc gia, vườn du lịch sinh thái...). Đặc biệt đối với những vùng có khí hậu khắc nghiệt như nắng nóng, khô hạn, gió Lào, bão lụt, sương muối, mùa đông nhiệt độ xuống quá thấp ở vùng núi cao. Vườn có ý nghĩa về mặt sinh thái đối với cuộc sống của cư dân tại chỗ.

2. Các loại hình vườn

2.1. Vườn nhà: tiếng địa phương các tỉnh miền Trung gọi là nương (vườn).

Vườn nhà còn gọi là vườn gia đình vì trên đất vườn tọa lạc ngôi nhà, nơi sinh sống của nhiều thế hệ dưới mái nhà chung. Tùy theo điều kiện của từng nơi mà vườn có thể bao quanh nhà, hoặc nhà đặt ở trước vườn sau (như ở Đồng bằng sông Cửu Long) hoặc nhà ở phía cuối vườn.

Tùy theo điều kiện diện tích vườn rộng hẹp khác nhau, ở vào các vùng sinh thái khí hậu đất đai khác nhau, kinh nghiệm điều hành và kỹ năng lao động của các thành viên trong gia đình của mỗi nơi mà cơ cấu cây trồng trong vườn rất khác nhau bao gồm: cây lương thực, các loại rau, cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản, cây làm thuốc, cây rừng...

Sản phẩm vườn gia đình trước hết là để cải thiện bữa ăn, cải thiện đời sống cho gia đình, vùng nào thích hợp

với loại cây gì thì trồng cây ấy, quanh năm có thu hoạch, mùa nào thức ấy. Gia đình giảm được việc đi mua thức ăn hàng ngày, khi thừa thì đem trao đổi.

Những vùng có khí hậu khô nóng, thiếu nước, có gió Lào người ta thường chọn các cây chịu hạn, có tán rộng, tán lá dày như mít, xoài, me... để làm cây che bóng, giảm bớt nhiệt độ ngoài trời và trong nhà để cải thiện môi trường sinh sống.

Thiết kế vườn nhà ở đây gồm có hàng rào vừa bảo vệ vừa cho thu hoạch, những cây thân gỗ chen cây thân thảo nhiều tầng, nhiều lớp, những cây cần nhiều ánh sáng ở tầng trên, cây có nhu cầu ánh sáng trung tính ở tầng giữa, những cây chịu bóng ở tầng dưới cùng thêm những loại cây leo (hồ tiêu), cây ưa nước như dọc mùng, củ ấu. Các tầng cây này cũng có bộ rễ ăn nông sâu khác nhau để chia nhau dinh dưỡng và nước ở các tầng đất.

Trong vườn nhà còn bố trí khu ao thả cá, vừa nuôi cá vừa để lấy nước tưới cho cây và cả chuồng chăn nuôi theo mô hình VAC để cung cấp phân bón cho cây.

Trong các loại hình vườn hiện nay ở nước ta, vườn nhà là loại hình khá phổ biến trong các vùng kinh tế sinh thái, có vị trí quan trọng trong việc cải thiện dinh dưỡng trong

gia đình và tăng thu nhập của từng hộ. Song nhìn chung phần lớn là vườn tạp. Đó là những vườn quảng canh, đầu tư lao động vật tư ít, hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp, hiệu quả kinh tế kém.

Hướng phát triển của vườn gia đình là:

a) Bố trí lại cơ cấu vườn theo hướng nông nghiệp sinh thái tổng hợp, nhất là thâm canh một loại cây trồng (giống tốt, quy trình kỹ thuật tiến bộ...) theo quy hoạch của từng vùng, hướng dẫn các gia đình trong vùng tổ chức sản xuất những loại sản phẩm có giá trị cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

b) Những vùng đã có vườn “Hàng hoá” truyền thống với những đặc sản quý ở từng địa phương như bưởi Năm Roi, bưởi Da Xanh, bưởi Phúc Trạch, nhãn lồng Hưng Yên, nhãn Hương Chi, nhãn xoong Cơm vàng, sầu riêng Chín Hoá, sầu riêng Ri6, vú sữa Lò Rèn - Vĩnh Kim, măng cụt Bến Tre, xoài cát Hoà Lộc, cam Xã Đoài, mơ Bạch Thông (Bắc Cạn)... thì cần bảo vệ và phát triển, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để làm ra những sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn GAP) đáp ứng thị trường trong nước và có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại khi xuất khẩu.

2.2. Vườn trường:

Nhiều vườn trường đã có từ lâu ở nước ta và ở hầu hết các nước. Lúc đầu có mục đích để dạy học, chủ yếu là vườn thực tập sinh học cho học sinh, trong vườn trường nhiều nơi đã thu thập những giống cây đặc sản của địa phương, hướng dẫn cho học sinh cách trồng trọt, chăm sóc, cắt tỉa, tạo hình, bón phân, tưới nước... để cây sinh trưởng ra hoa kết quả tốt, đạt được năng suất cao và phẩm chất tốt. Ngày nay vườn trường đã mở rộng ra các mục đích khác như lao động hướng nghiệp cho học sinh, phổ biến kỹ thuật đến các gia đình thông qua các em học sinh. Nhiều vườn đã làm thêm được sản phẩm kể cả sản phẩm hàng hoá cho xã hội, góp phần xây dựng trường lớp, cải thiện đời sống cho học sinh và giáo viên. Các điển hình như vườn vải thiều trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, vườn xoài trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Bắc Cạn...

2.3. Vườn chùa:

Ở nước ta hầu hết các chùa đều có vườn, nhiều nơi lại có ao. Một số vườn chùa đã được xây dựng và chăm sóc tốt cùng với kiến trúc nhà chùa tạo ra một khung cảnh thanh tịnh và hài hoà phù hợp với cuộc sống của người tu hành, nhiều nơi ao được quản lý tốt cũng đã đem lại một

nguồn thu nhập đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho người tu hành yên tâm lo việc đạo.

Những cây được lựa chọn trồng trong vườn chùa thường có giá trị biểu trưng đối với Phật giáo:

- Bồ đề: biểu trưng cho sự thành đạo của Đức Phật
- Cây sen: biểu trưng cho sự thanh sạch, không bị ô nhiễm bởi danh lợi ở thế gian như hoa sen sinh ra từ bùn nhưng không bị hôi tanh mùi bùn.
- Cây mít: người Việt Nam coi mít là cây gỗ quý, dùng để tạc tượng, dùng làm các đồ thờ cúng, không bao giờ làm ghế ngồi hay ngưỡng cửa.
- Cây chè: nước chè giúp cho người tu hành được luôn luôn sáng khoái, tỉnh táo, đặc biệt là cho ngồi thiền.
- Các loại hoa: hoa lan, hoa đại, hoa huệ, hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mận, hoa chuối.
- Các loại cây ăn quả: mít, chuối, cam, hồng, khế⁽¹⁾...

(1) Sách “Việt Nam 234 chuyện độc đáo” NXB Thanh niên, 2006 có viết về cây khế ở chùa Từ Hiếu ở thôn Dương Xuân Thượng III, xã Xuân Thủy TP.Huế. Theo thầy Từ Hoà cây khế này do vị sư tổ Hải Thiệu trồng thời Tự Đức cách đây hơn 100 năm. Cây cao 2m, đường kính tán 2,5m quả to gấp rưỡi quả khế thường, rất sai quả, quả chín ruột đỏ, nếu để trên cây không hái vẫn không rụng, chỉ khó quắt, quả vàng ươm tưởng đã chín ăn thấy chất, quả chín do ăn ngọt đậm.

- Các loại cây làm thuốc: nơi vườn chùa rộng, nhà chùa còn trồng cây thuốc để chữa bệnh cho dân chúng.

2.4. Vườn phủ đệ ở Huế:

Chế độ phong kiến nào cũng hay có lệ phong tước vị cho thân nhân trong dòng họ mình. Nhất là “Chính hệ” anh em của vua, rồi đến các “Bàng hệ”... hoàng thân quốc thích. Càng quan hệ huyết tộc càng được tước vị lớn. Tước vị cao nhất là “Vương tước” (Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương...). Những thân vương hoặc những hoàng thân quốc thích đặc biệt thường có đất để xây dựng phủ đệ riêng chẳng xa hoàng thành bao nhiêu. Phần nhiều các phủ đệ đều chọn chỗ gần sông nơi phong cảnh đẹp, nên thơ mà toạ lạc. Vườn phủ đệ thường có vòng thành bao bọc xung quanh, trở cửa vòm bên trên có biển mang tên phủ đệ. Bên trong là vườn bao bọc ở giữa là nhà cửa. Vườn bao gồm phần để trồng hoa, cây cảnh, hòn non bộ, giả sơn... phần khác trồng cây ăn quả như khế, mít, ổi, quýt, bưởi... Có phủ đệ còn sưu tập chim quý như công, yến... hoặc sinh vật lạ hiếm từ nơi khác đem về. (Theo Liễu Thượng Văn, 1998).

Vườn phủ đệ không chú trọng kinh tế hoa lợi như vườn nhà (dân gian) mà là nơi tập hợp các nhân sĩ, trí thức, nghệ sĩ lui tới ở các “Biệt phủ”. Nơi này dễ dàng biến

thành các trung tâm quy tụ những sinh hoạt văn hoá thời bấy giờ: âm nhạc, ca múa, kịch tuồng, ca Huế, hò vè dân gian cùng các nghệ thuật truyền thống Huế khác.

Sau cách mạng tháng 8, trải qua 2 cuộc chiến tranh vườn phủ đệ hầu như đã tàn tạ, vườn Huế bị phá vỡ do mật độ tăng trưởng dân cư, do tốc độ đô thị hoá, nhiều vườn phủ đệ ở Huế đã bị băm nhỏ, có chăng chỉ để lại dấu tích một thời xưa cũ.

2.5. Vườn lăng tẩm:

Ở nước ta vườn lăng tẩm chỉ có ở Huế, là cố đô của Triều Nguyễn. Lăng tẩm các vua Triều Nguyễn là những công trình nghệ thuật độc đáo mang nhiều nét tổng hợp mà thành, trong đó không chỉ có kiến trúc là đại biểu duy nhất cho tổng thể của mỗi lăng tẩm, mà còn có sự phối trí cảnh quan. Ví dụ bài trí cây cảnh, hồ sen, lối đi lại với đôi thông vi vút bao quanh đẹp như tranh thủy mặc.

Lăng mộ các vua Triều Nguyễn tuy không nhiều như Lăng Gia Long, Lăng Minh Mạng, Lăng Thiệu Trị, Lăng Tự Đức, Lăng Đồng Khánh, Lăng Khải Định... nhưng cũng đã hình thành nên hệ thống lăng mộ các Đế vương mang ý nghĩa lịch sử, văn hoá và ngày nay là địa điểm du lịch hấp dẫn của cố đô Huế.

2.6. Vườn thượng uyển:

Còn gọi là vườn vua, vườn cơ hạ là nơi để các Hoàng Đế dạo chơi khi bước ra ngoài cung điện. Vườn thượng uyển ở nước ta cũng như ở Trung Quốc được xây dựng ở trong Hoàng cung, với diện tích không lớn lắm nhưng chắc chắn trong đó phải là nơi trồng hoa cây cảnh, nuôi chim thú... quý hiếm từ mọi vùng của đất nước, là sản phẩm “Tiến vua” ngày trước của các địa phương.

Ngày nay vườn thượng uyển không còn dấu vết, hoa chẳng còn bắt gặp được một ít trong thi ca cũ nhưng có lẽ cũng không vì thế mà chúng ta bỏ quên một loại hình vườn đã từng xuất hiện trước đây ở cố đô Huế.

2.7. Vườn du lịch sinh thái:

Vườn du lịch sinh thái cũng có nhiệm vụ như vườn nhà (vườn gia đình) song ngày nay ở miệt vườn đồng bằng sông Cửu Long⁽¹⁾, vườn cây trái Lái Thiêu (tỉnh Bình Dương) lại là những vùng du lịch sinh thái được nhiều du khách trong nước và người nước ngoài đến Việt Nam đi du lịch ưa thích.

(1) Bao gồm vùng đất phù sa ven sông Tiền và sông Hậu ở Sa Đéc, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Bến Tre...

Vườn cây trái ở đây là một công viên lớn, vườn nọ nối vườn kia, là nơi dạo chơi và nghỉ ngơi thoải mái, gần gũi thiên nhiên, được tự do ném các loại quả theo ý thích do chủ vườn hái từ trên cây xuống. Mùa nào quả ấy, vị ngọt và thơm thấm vào lưỡi gây nên sự xung động mạnh đối với khách.

Đi quanh các vườn một vòng, khách được mời ngồi nghỉ dưới mái nhà cột bằng tre, lợp lá dừa nước êm mát, chủ nhà mời uống nước dừa và các loại nước ép của các thứ quả khác, được nghe các cô gái miệt vườn hát các điệu hò nổi tiếng và đờn ca tài tử. Sau là đi thăm các xưởng chế biến bánh kẹo dừa, tổ đan lát hàng mỹ nghệ từ thân lá cây lục bình phơi khô...

Trước khi về du khách còn có thể mua một túi trái cây sản phẩm “Cây nhà lá vườn” với giá gốc có đủ bao, túi, làn hoặc sọt để đựng mang về.

Vườn du lịch sinh thái rất hấp dẫn du khách, mang lại hiệu ích nhiều mặt cho nhà vườn và hiện nay nhiều nơi trong nước đang tích cực triển khai mạnh mẽ loại hình vườn này.

2.8. Vườn quốc gia:

Là khu bảo tồn thiên nhiên do Nhà nước quyết định

thành lập, nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác và phá huỷ tự nhiên trong đó nhằm bảo vệ nguyên vẹn các hệ sinh thái, bảo tồn nguyên vị loài động vật, thực vật, bảo tồn nguồn gen tự nhiên có giá trị khoa học, kinh tế, giải trí, giáo dục và thẩm mĩ. Hệ thống sinh thái trong khu vườn quốc gia phải được giữ nguyên trạng, không có sự can thiệp của con người vào môi trường vật lí và các hệ động vật và thực vật... Vườn quốc gia là đối tượng quản lý theo một quy chế nghiêm ngặt do Nhà nước ban hành. Vườn quốc gia thường được xây dựng tại các danh lam thắng cảnh, nơi có nhiều tài nguyên quý giá, nhất là tài nguyên sinh vật dùng làm nơi nghiên cứu tự nhiên nguyên sinh hoặc làm nơi du lịch, nghỉ ngơi.

Dưới đây là một số vườn quốc gia của Việt Nam: vườn quốc gia Ba Vì, vườn quốc gia Bạch Mã, vườn quốc gia Cát Bà, vườn quốc gia Cát Tiên, vườn quốc gia Côn Đảo, vườn quốc gia Cúc Phương, vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, vườn quốc gia Tam Đảo, vườn quốc gia Tràm Chim, vườn quốc gia Xuân Sơn...

3. Vị trí cây ăn quả trong vườn ở các vùng trong nước

Điều tra nghiên cứu nhiều vườn gia đình ở các vùng trong nước đều thấy có trồng nhiều cây ăn quả và cây ăn

quả chiếm ưu thế trong số cây có mặt trong vườn. Thường gặp là chuối, xoài, ổi, mít, vải, nhãn, hồng xiêm, cam quýt, bưởi... Trồng cây ăn quả trong vườn ngoài việc cải thiện dinh dưỡng cho người, tăng thêm thu nhập bằng bán quả ra thị trường, còn để lấy gỗ, làm cây che bóng mát, cây nguồn mật để nuôi ong... Trong thế kỷ trước ngay trong những năm tháng khó khăn về lương thực của 2 cuộc chiến tranh, vẫn có những vùng quê có đời sống khá hơn nhờ nghề trồng cây ăn quả đặc sản của địa phương. Sau ngày thống nhất đất nước, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới sản xuất lương thực đã đạt được những thành tựu to lớn, không những đảm bảo an ninh lương thực cho cả nước mà còn để xuất khẩu, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất cây ăn quả phát triển.

Thực tiễn sản xuất nông nghiệp trong những năm qua ở nhiều vùng trong nước cây ăn quả có vị trí quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, góp phần làm tăng thêm giá trị kinh tế cho những diện tích đất trồng lúa và hoa màu năng suất thấp, kém hiệu quả nhờ được chuyển sang trồng cây ăn quả. Ví dụ: trồng vải thiều, trồng ổi ở huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương; trồng nhãn ở Hưng Yên; trồng bưởi Diễn ở Hà Tây; trồng na ở huyện Châu Thành (tỉnh Tây Ninh)...

Trồng cây ăn quả trong vườn gia đình mang lại nguồn thu nhập cao cho các hộ nông dân, giúp họ xoá đói giảm nghèo vươn lên sung túc và giàu có. Điều này không còn là ước mơ mà đã là hiện thực ở nhiều nơi như Lục Ngạn, Thanh Hà trồng vải thiều; Hưng Yên trồng nhãn; Bình Thuận trồng thanh long; huyện Cái Bè (Tiền Giang) trồng xoài Cát Hoà Lộc; huyện Bình Minh (Vĩnh Long) trồng bưởi Năm Roi; Bến Tre trồng bưởi Da xanh, măng cụt, sầu riêng sữa cơm vàng hạt lép (gọi tắt là sầu riêng Chín Hoá)...

Đặc biệt ở miền núi vai trò vườn gia đình đối với cuộc sống của người dân vùng cao rất quan trọng, là nguồn cung cấp sản phẩm để bảo đảm dinh dưỡng, bảo vệ sức khoẻ và phục vụ bữa ăn hàng ngày. Chính vì vậy trên quan điểm phát triển nông nghiệp bền vững thì việc nghiên cứu các giải pháp tác động nhằm phát triển vườn gia đình theo hướng đa dạng và bền vững góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống và phục vụ sức khoẻ cho cộng đồng ở nông thôn vùng cao là rất cần thiết và cần được quan tâm hơn.

TỔNG QUAN

VỀ SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ

VÀ NHU CẦU CẢI TẠO VƯỜN TẠP Ở NƯỚC TA

I. TỔNG QUAN VỀ SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ CHỦ YẾU Ở NƯỚC TA

Nghề trồng cây ăn quả đã có ở Việt Nam cách đây 2000 năm. Các công trình khảo cổ cho biết Việt Nam có nghề trồng lúa rất sớm. Chủ nhân các nền văn minh Hoà Bình, Bắc Sơn, Quỳnh Văn đã biết nuôi chó, biết trồng trọt một số cây ăn quả cây có củ, rau đậu, dưa... (Lịch sử Việt Nam, tập I, 1971). Các tác giả người Trung Quốc trong sách Dị vật chí, Nam phương thảo mộc trạng, Tể dân yếu thuật (từ thế kỷ I - VI) có kể lại rằng bấy giờ ở Việt Nam nhà nào cũng có vườn trồng rau và cây ăn quả. Nông thôn Giao Châu có đủ các loại chuối, vải, nhãn, cam quýt, dưa, khế, sấu, trám, vải, táo, lựu, mơ... Cây ăn quả đã sớm quen thuộc trong đời sống của người Việt qua các chuyện cổ tích: sự tích dưa hấu, quả thị trong

chuyện Tắm Cám, quả khế trong chuyện cây khế, quả sầu riêng trong sự tích trái sầu riêng... Tục bày mâm ngũ quả ngày Tết là một phong tục đã vượt ra ngoài phạm vi chùa đền để trở thành tập quán vừa có ý nghĩa thực dụng, vừa mang tính thẩm mỹ phổ biến trong dân gian mọi miền đất nước.

Mặc dù có điều kiện khí hậu đất đai rất thuận tiện cho cây ăn quả phát triển nhưng do nhiều năm chiến tranh, hoàn cảnh kinh tế của đất nước có nhiều khó khăn, nghề trồng cây ăn quả ở nước ta ở vào tình trạng kém phát triển, sản xuất chủ yếu để tiêu thụ trong nước, lượng hàng hoá để xuất khẩu ít, chất lượng thấp.

Sau ngày thống nhất đất nước (năm 1975) nghề trồng cây ăn quả ở nước ta được phục hồi và phát triển.

Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương chính sách để phát triển nông nghiệp toàn diện, trong đó chú ý phát triển nghề trồng cây ăn quả. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986) sản xuất lương thực đã đạt được những tiến bộ lớn, vừa đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu vừa tạo điều kiện cho sản xuất cây ăn quả phát triển. Diện tích cây ăn quả ở nước ta không ngừng tăng trưởng. Theo tài liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn diện tích cây ăn quả Việt Nam qua 10 năm (1995 - 2004) đã tăng từ 364,4 ngàn ha lên đến 747.803ha, tăng 216%, tốc độ tăng bình quân 8,9%/năm với sản lượng khoảng 6,2 triệu tấn năm 2004 (năm 1995 là 3,46 triệu tấn)

Trong tổng số diện tích cây ăn quả cả nước năm 2004 là 747.803ha. Nhân có diện tích lớn nhất đạt 122.686ha chiếm 16,4% tổng diện tích cây ăn quả các loại, sau nhân là cây có múi (111.299ha, chiếm 15,3%), chuối đứng thứ 3 (102.691ha chiếm 14%), vải xếp thứ 4 (86.936ha, chiếm 11,7%), xoài có diện tích lớn đứng thứ 5 (79.369ha chiếm 10,6%) ngoài ra còn có dừa, sầu riêng, thanh long, măng cụt, vú sữa, hồng, đào, mận, mơ... (*Xem Bảng 1*: Diện tích năng suất sản lượng một số cây ăn quả chủ lực, trang 29 và 30).

Nhìn chung diện tích và sản lượng cây ăn quả ở nước ta trong 10 năm trở lại đây tăng khá nhanh. Song năng suất một số loại cây ăn quả chủ yếu còn thấp, chất lượng quả chưa cao, sản xuất cây ăn quả vẫn ở tình trạng nhỏ lẻ, phân tán, tự phát, ở quy mô toàn quốc cũng như trong từng địa phương còn thể hiện sự thiếu quy hoạch. Việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất cây ăn quả ở nước ta còn nhiều hạn chế. Do đó khả năng

canh tranh của các loại quả của nước ta trên thị trường thế giới còn rất yếu kém so với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực như Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Philippin, Malaixia...

Đáng chú ý vườn tạp là hiện tượng khá phổ biến thường gặp ở hầu hết các vùng trồng cây ăn quả ở nước ta. Tuy rằng quy mô vườn cây có khác nhau, ở các vùng sinh thái khác nhau trong nước, đặc điểm chung của vườn tạp là trong vườn trồng nhiều loại cây ăn quả, có loại vườn tuy trồng chỉ một chủng loại cây song giống khác nhau, hình thức nhân giống khác nhau (gieo hạt, chiết cành, ghép) tuổi cây trong vườn khác nhau... Chủ vườn thiếu hiểu biết kỹ thuật, thiếu vốn nên chăm sóc quản lý vườn cây tùy tiện dẫn đến một kết quả chung là năng suất thấp, hiệu quả kinh tế thu được từ sản phẩm của vườn rất thấp.

Cây ăn quả	Chỉ tiêu	Cả nước	Miền Bắc	Miền Nam
Xoài	Diện tích (ha)	79.369	9.756	69.613
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	51.489	4.968	46.521
	Năng suất (tạ/ha)	61,0	37,7	63,5
	Sản lượng (tấn)	314.202	18.757	295.445
Nhãn	Diện tích (ha)	122.686	44.202	78.484
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	92.915	26.607	66.308
	Năng suất (tạ/ha)	65,6	42,0	75,9
	Sản lượng (tấn)	585.886	110.755	473.131
Vải	Diện tích (ha)	86.936	86.936	-
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	67.844	67.844	-
	Năng suất (tạ/ha)	45,6	45,6	-
	Sản lượng (tấn)	309.153	309.153	-

Cây ăn quả	Chỉ tiêu	Cả nước	Miền Bắc	Miền Nam
Cây có múi	Diện tích (ha)	111.299	37.302	73.997
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	73.194	25.781	47.413
	Năng suất (tạ/ha)	102,5	82,8	113,0
	Sản lượng (tấn)	750.238	213.466	535.766
Chuối	Diện tích (ha)	102.091	44.953	57.138
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	92.167	41.360	50.807
	Năng suất (tạ/ha)	146,9	166,1	131,2
	Sản lượng (tấn)	1.353.811	687.055	666.756
Dứa	Diện tích (ha)	44.271	17.595	26.676
	Diện tích cho sản phẩm (ha)	34.402	12.460	21.942
	Năng suất (tạ/ha)	120,6	108,9	127,2
	Sản lượng (tấn)	414.863	135.702	279.161

Bảng 1: Diện tích năng suất sản lượng một số cây ăn quả chủ lực

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2005

II. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC CẢI TẠO VƯỜN TẠP

1. Thực trạng vườn tạp ở các vùng trong nước

Từ khoảng đầu những năm 90 của thế kỷ trước, diện tích cây ăn quả ở các vùng trong nước tăng lên khá nhanh. Do thiếu quy hoạch và xác định loại cây ăn quả chính của từng vùng, từng địa phương nên chủ vườn ai thích cây gì thì trồng cây ấy, họ thấy trên thị trường một loại quả nào đấy bán có giá là bằng mọi cách tìm mua cho được để về trồng. Lúc bấy giờ ta cũng chưa có đủ các cơ sở sản xuất cây giống tốt, đủ tiêu chuẩn, sạch bệnh (đối với cây có múi như cam quýt chẳng hạn), lại chưa được hướng dẫn quy trình trồng và chăm sóc đến nơi đến chốn nên sau 3 - 4 năm trồng khi cây có quả không đạt được như mong muốn ban đầu nên đã phải chặt bỏ để lại trồng cây khác.

Tình trạng vườn tạp (đối với cây ăn quả) rõ nhất là ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Chính quyền các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bến Tre, Cần Thơ... đã có các giải pháp giúp dân cải tạo vườn tạp để trở thành các vườn chuyên.

Ví dụ:

- Trong 2 năm 1992 - 1993 tỉnh Tiền Giang đã cho bà

con nông dân vay 5,5 tỷ đồng để cải tạo vườn tạp (Nguyễn Danh Văn, 1994) với phong trào “Xóa vườn hoang, cải tạo vườn tạp, thâm canh cây trồng hiện có và hình thành cây đặc sản có giá trị kinh tế cao”. Qua phong trào này tỉnh Tiền Giang đã cải tạo được 25.000ha vườn tạp thành vườn chuyên canh cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao.

- Tỉnh Bến Tre cũng cho 4100 hộ nông dân vay 5,5 tỉ đồng vốn trung hạn để cải tạo 1.242 vườn tạp thành vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như cam, nhãn, chanh, chôm chôm. (Báo Nhân dân 14 - 2 - 1994).

- Tỉnh Vĩnh Long đầu tư 4 tỉ đồng để cải tạo vườn tạp. Ngân hàng của tỉnh đã nâng mức đầu tư cho nông dân vay vốn từ 4 triệu đồng/ha lên 6 triệu đồng/ha để cải tạo 24.300ha vườn tạp thành vườn chuyên canh trong tổng số 32.000ha cây ăn quả của tỉnh (Lao động số 49/97 ngày 27 - 3 - 1997). Trước đó năm 2002 Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Long đã cho 2600 hộ nông dân vay 36 tỉ đồng (Tín dụng trung hạn và dài hạn để cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả chuyên canh). Nhờ có nguồn vốn này và nguồn vốn tự có 6 tháng đầu năm 2002 các nhà vườn đã chuyển đổi thêm 929ha vườn tạp và hơn 1200ha đất trồng lúa kém hiệu quả thành

vườn chuyên cây ăn trái đặc sản như bưởi Năm Roi, xoài cát Hoà Lộc, cam sành, sầu riêng, nhãn...

Vườn tạp không chỉ ở miệt vườn Đồng bằng sông Cửu Long mà còn rất phổ biến ở miền Trung và miền Bắc. Theo Vũ Khắc Nhuận (1996) diện tích vườn tạp ở tỉnh Bình Thuận chiếm 74% tổng số diện tích cây ăn quả của tỉnh. Đồng Nai 45%, Sông Tiền, Sông Hậu (cũ) 55%. Ở miền Bắc diện tích vườn tạp cũng tương tự: Thanh Hoá 61%, Bắc Giang 68%, Lạng Sơn 53%, Quảng Ninh 53%, Yên Bái 76%, Hà Nội 83.9% (Nguyễn Văn Khanh, 2002).

Trần Kông Mậu (2002) nêu hiện trạng sử dụng đất toàn quốc năm 2000, phần về đất nông nghiệp trong đó có 628.464ha đất vườn tạp.

2. Các loại hình vườn tạp

Dựa trên các kết quả nghiên cứu của các dự án phát triển cây ăn quả ở một số vùng trong nước và kết quả điều tra khảo sát thực trạng vườn tạp ở Hà Nội, Sơn La (cây ăn quả dọc đường số 6) Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Thơ, Đà Lạt (Lâm Đồng), Buôn Ma Thuột (Đăklăk)... chúng tôi nhận thấy có các loại hình vườn tạp sau đây:

(1) Vườn trồng lẫn lộn nhiều loại cây ăn quả (có từ 3 giống hoặc loài trở lên). Vị trí trồng bố trí tùy tiện, sử dụng không gian không hợp lý. Trong quần thể cây trồng ở vườn các mối tương hỗ giữa các cây cùng loài và khác loài diễn biến theo chiều hướng nghịch nhiều hơn thuận, có sự cạnh tranh gay gắt về ánh sáng, nguồn dinh dưỡng, nước, độ ẩm.

(2) Vườn chỉ có 1 - 2 chủng loại cây ăn quả nhưng chất lượng giống không đảm bảo. Rất nhiều trường hợp chủ vườn mua cây giống qua người buôn nên không kiểm soát được tiêu chuẩn chất lượng và cây có sạch bệnh hay không. Cũng có trường hợp họ tự chiết lấy các cây đã mang bệnh đem trồng hoặc cho bạn bè (đối với cây có múi như cam quýt).

(3) Vườn tuy đạt được tiêu chuẩn về giống, chỉ trồng 1 - 2 chủng loại cây song việc đầu tư, chăm sóc, bón phân quản lý vườn cây không đúng mức, dẫn đến cây trong vườn sinh trưởng kém, chậm ra hoa, kém đậu quả, sâu bệnh không được phòng trừ kịp thời... do đó năng suất thấp, chất lượng kém. Vì vậy thu nhập hàng năm trên vườn thấp.

(4) Vườn trồng cây ăn quả xen với nhiều loại cây khác như khoai, sắn, các loại đậu đỗ; với các loại cây lấy gỗ

như lát hoa, gió trăm, sưa, cây keo, các loại cây khác như cây mây, tre, lá cọ... Trong vườn nhìn không ra được nhóm cây nào là cây chủ lực. Loại vườn này thường cho thu nhập rất kém.

Kết quả điều tra cây ăn quả các huyện ngoại thành Hà Nội (2001 - 2002) cho thấy, hầu hết các vườn tạp chỉ cho giá trị sản xuất từ 5,6 triệu - 34,7 triệu đồng/ha/năm. Trong khi đó thu nhập vườn cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long (theo Nguyễn Minh Châu, 2000):

- Trồng nhãn: 60 - 70 triệu đồng/ha
- Trồng cam quýt: 100 triệu đồng/ha
- Trồng dứa: 20 triệu đồng/ha
- Trồng xoài: 50 triệu đồng/ha
- Trồng sầu riêng: 50 - 60 triệu đồng/ha.

3. Cải tạo vườn tạp là yêu cầu hết sức cấp thiết đối với người làm vườn

Thực trạng phát triển sản xuất cây ăn quả cho thấy nhu cầu cải tạo và vấn đề nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm cây ăn quả hiện nay là rất cần thiết và là một trong những vấn đề sống còn để nâng cao hiệu quả sản xuất trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế trong một tương

lại không xa của nghề trồng cây ăn quả nước ta. Tình trạng không đồng đều về giống, quy trình kỹ thuật thâm canh thực hiện không đầy đủ, việc chăm bón tùy tiện dẫn đến sự chênh lệch khá lớn về chất lượng, sản phẩm kém khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Do đó thu nhập của người làm vườn sẽ thấp, không có điều kiện để đầu tư thâm canh tiếp và đặc biệt sẽ ảnh hưởng lớn đến thu nhập hàng năm.

Người làm vườn hơn lúc nào hết cần chủ động, sớm có kế hoạch cải tạo vườn tạp để vườn cây ăn quả nhà mình có năng suất cao, chất lượng tốt, đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm để tăng thu nhập mang lại hiệu quả kinh tế cao, cải thiện môi trường sống.

Muốn cải tạo vườn tạp được tốt người làm vườn cần có:

- Hiểu biết về kiến thức chuyên môn của nghề làm vườn, cụ thể hơn là các đối tượng cây ăn quả trồng và kinh doanh trong vườn.
- Có thông tin kinh tế thị trường về cây ăn quả.
- Nắm được chủ trương chính sách phát triển kinh tế của địa phương nói chung, nông nghiệp và cây ăn quả nói riêng.
- Phải có một nguồn lực về tài chính nhất định để đầu tư và cải tạo vườn tạp.

NHỮNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÓ THỂ ÁP DỤNG ĐỂ CẢI TẠO VƯỜN TẠP

1. Về công tác chọn tạo giống

Công tác chọn tạo giống cây ăn quả được đẩy mạnh từ ngày thành lập các Viện: Viện Nghiên cứu Rau Quả (3 - 3 - 1990), Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam (9 - 12 - 1997) - tiền thân là Trung tâm cây ăn quả Long Định (thành lập tháng 4 - 1994) và đã có nhiều giống mới ra đời phục vụ kịp thời cho yêu cầu sản xuất cây ăn quả trong cả nước. Cho đến cuối năm 2004 các Viện nghiên cứu cây ăn quả các trang trại giống cây trồng của các tỉnh và thông qua các Hội thi trái cây ngon ở nhiều tỉnh trong nước đã chọn tạo được 29 giống cây ăn quả trong đó có 3 giống dưa hấu, 5 giống xoài, 5 giống sầu riêng, 2 giống chôm chôm, 5 giống nhãn, 2 giống cam quýt, 4 giống bưởi, 2 giống dứa, 1 giống ổi (*Xem Phần phụ lục*) và trong tháng 6 - 7 - 2006 Hội đồng khoa học của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục công nhận chính thức thêm một số giống mới như thanh long ruột đỏ Long

Định 1, cam Valencia 2, các giống vải chín sớm Bình Khê, Yên Hưng, các giống nhãn chín muộn HTML, PHM99.11, PHM99.2.1, các giống dứa Cayen Trung Quốc, Cayen Thái Lan... Công tác chọn tạo các giống mới (cây ăn quả) đang được tiếp tục ở nhiều tỉnh và đang có nhiều triển vọng tốt.

Các chủ vườn có thể căn cứ vào yêu cầu cụ thể của mình để chọn các giống mới đã được công nhận để cải tạo vườn tạp của mình.

Song song với việc chọn lọc các giống mới, giống gốc ghép cũng được chú ý để phù hợp với các tổ hợp ghép cây ăn quả.

Ví dụ: ở Đồng bằng sông Cửu Long đối với cam quýt dùng gốc ghép *Citrus Volkameriana*, ở miền Bắc: bưởi chua, cháp Thái Bình; gốc ghép cho vải thiều Thanh Hà dùng hạt các giống vải chua, vải chín sớm, còn gốc ghép cho các giống nhãn thường dùng giống nhãn thóc, hoặc nhãn nước. Ở Bình Thuận dùng gốc ghép giống nhãn địa phương chịu nóng, chịu hạn làm gốc ghép cho nhãn xuống cơm vàng đã thành công mở ra một triển vọng mới cho vùng đất khô hạn vùng duyên hải Nam Trung bộ. Gốc ghép cho xoài ở miền Nam dùng xoài bưởi, xoài cát, xoài canh nông, Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam

cũng đã sử dụng gốc ghép cùng giống với mắt ghép, miền Bắc dùng các giống xoài địa phương, mắc chai...

Tuy có nhiều cố gắng trong việc tìm chọn các gốc ghép cho các giống cây ăn quả chủ yếu như vừa kể trên song chương trình giống cây trồng vật nuôi trong 5 năm qua (2001 - 2005) còn chưa chú ý nhiều đến gốc ghép cho cây ăn quả.

2. Về kỹ thuật nhân giống

Các kết quả nghiên cứu đã thu được bao gồm hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống các giống nhãn, vải, xoài và các cây ăn quả khác bằng phương pháp ghép nêm đoạn cành cho tỷ lệ sống và năng suất vườn cao (*Xem Phân phụ lục (ảnh)*); quy trình kỹ thuật nhân giống dựa Cayen bằng biện pháp giâm hom thân và hom nách lá, biện pháp kỹ thuật huỷ đỉnh sinh trưởng để nâng cao hệ số nhân giống từ 1 chồi giống sau một chu kỳ nhân giống đã nhân được 45 - 50 chồi giống có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn trồng mới.

3. Kỹ thuật tạo tán, tỉa cành

Đã chú ý tạo tán, tỉa cành đối với nhiều loại cây ăn quả như cam quýt, bưởi, xoài, vải, nhãn, táo gai... Với cây xoài, kết quả nghiên cứu kỹ thuật cắt tỉa cành đã điều

chính được thời gian ra hoa của một số giống xoài trồng ở các tỉnh miền Bắc, làm chậm thời gian nở hoa và tránh được cho xoài nở hoa vào các tháng mưa ẩm trong mùa xuân làm tăng tỷ lệ đậu hoa, đậu quả.

Cách làm cụ thể đối với giống xoài GL₆:

Sau khi thu hoạch quả tiến hành cắt cành (đối với cây 5 tuổi). Sau cắt cành khoảng 1 tuần các mầm ngủ phía dưới vết cắt đồng loạt bật chồi. Trong khi đó ở những cây để tự nhiên sau khi thu hoạch quả phải mất gần 1 tháng các mầm ngủ trên cành mang quả vừa được thu hoạch mới xuất hiện chồi mới. Những cành có nhiều quả vừa được thu hái, không có khả năng ra lộc mới hoặc lộc mới chỉ xuất hiện trên những cành này vào tận vụ xuân năm sau.

Thời vụ cắt cành sau khi thu quả tiến hành càng sớm càng có lợi cho quá trình hình thành và sinh trưởng của lộc, ở 2 thời vụ cắt sớm vào 5/8 và 15/8 cành thu có đến 3 đợt lộc. Các thời vụ sau đó như 25/8, 5/9, 15/9, 25/9 các đợt lộc trên cành thu giảm đi. Thậm chí ở thời vụ cắt muộn 25/9 cây chỉ có khả năng ra 1 đợt lộc mới. Cành mẹ vụ thu chính là những cành ra hoa, cho quả vào năm sau. Như ta đã biết cành mẹ vụ thu được hình thành sau khi thu hái quả khỏi cây. Trên cành thu thông thường có

từ 1 đến 3 đợt lộc. Nếu số lượng đợt lộc trên cành thu nhiều thì cành dài, mập, số lượng lá nhiều và diện tích lá lớn. Khi đợt lộc cuối trên cành thu phát triển đầy đủ, lá chuyển màu xanh đậm và những cành này được xem là đã thành thực. Sau một thời gian ngừng sinh trưởng để tích lũy các chất hữu cơ cần thiết cho quá trình ra hoa, những cành này bước vào giai đoạn ra hoa đậu quả và phát triển quả.

Thí nghiệm cho thấy cắt cành vào 5 - 15/8 cho năng suất quả cao nhất (25 - 26.5kg quả/cây, còn ở công thức đối chứng không cắt chỉ đạt 3.37 kg/cây).

Chú ý: Sau khi cắt cành, các mầm ngủ dưới vết cắt đồng loạt bật chồi, số chồi này đạt 5 - 10 chồi. Khi chồi bật dài độ 5cm cần tỉa bỏ chỉ để lại 2 - 3 chồi dùng làm cành mẹ.

4. Phân bón và kỹ thuật bón phân

Các kết quả về nghiên cứu phân bón cho các loại cây ăn quả nhiệt đới như xoài cát Hoà Lộc, dứa Cayenne, nhãn tiêu da bò, măng cụt, bưởi Năm Roi, na dai, thanh long ruột đỏ, sầu riêng... của Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam cho thấy các loại phân hữu cơ, phân vô cơ NPK các loại phân bón lá (Grow more, Mastergro, Poly-

feed...) có tác dụng rõ rệt đến năng suất và phẩm chất quả.

Ví dụ: với cây bưởi đường lá cam 8 tuổi trên đất phù sa ven sông Đồng Nai bón 800g N + 500g P_2O_5 + 700g K_2O /cây/năm giúp cây bưởi ra nhiều chồi non hơn, cây sinh trưởng mạnh hơn, năng suất cao hơn: đạt 108 quả/cây và năng suất 119.2 kg/cây/năm. So đối chứng bón P: P_2O_5 : K_2O là 540 : 540 : 520 số quả chỉ đạt 93.5 quả/cây và năng suất 86.8kg/cây/năm.

Nếu cần biết rõ hơn về từng cây, xin tìm đọc trên các kỷ yếu khoa học của Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam.

“Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ rau quả” các năm 2000 - 2001, 2001- 2002, 2002 - 2003.

Từ các kết quả nghiên cứu này Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đã xây dựng công thức phân bón NPK, hữu cơ cho thanh long ruột đỏ, nhãn tiêu da bò, xoài cát Hoà Lộc, dứa Cayen, măng cụt, sầu riêng.

Ở miền Bắc, Viện Nghiên cứu Rau Quả đã có kết luận về liều lượng bón phân cho dứa Cayen. Đạt hiệu quả về năng suất và chất lượng cao khi bón 8 - 10gN + 4 - 5g P_2O_5 + 15 - 20g/ K_2O /cây. Phun bổ sung axit Borix

nồng độ 0,2% vào hai thời điểm trước khi nở hoa và sau khi nở hoa. Năng suất đạt cao nhất 78.8 - 79.0 tấn/ha.

Ngoài thí nghiệm phân bón cho dừa, Viện còn có các thí nghiệm và phân bón cho vài thiếu...

Về phân bón cho cây ăn quả cần xác định liều lượng và loại phân bón dựa trên tình trạng phát triển của cây:

- Tuổi cây: cây càng lớn, lượng phân bón cần tăng
- Tình hình sinh trưởng của cây: cây yếu, cành tán lá kém xum xuê thì nên bổ sung lượng phân bón nhiều hơn.
- Năng suất vụ trước: vụ trước cho nhiều quả, vụ sau cần phải tăng cường lượng phân bón nhiều hơn.

Các thời kỳ bón phân cho cây ăn quả:

Đối với cây đang cho quả, tốt nhất chia làm 4 lần trong một năm:

- *Lần thứ nhất*: Sau khi thu hoạch

Mục đích: là để phục hồi cho cây sau thu hoạch, thúc đẩy cành mùa thu, coi đây là lần bón cơ bản trong cả năm. Trong lần này bón toàn bộ phân chuồng, 80% lượng phân lân, 30% lượng phân đạm và 30% lượng kali.

- *Lần thứ 2*: Bón trước khi trổ hoa

Mục đích thúc đẩy quá trình phân hoá mầm hoa. Lần bón này còn có mục đích nhằm thúc hoa và nuôi lộc xuân. Bón 30% lượng đạm cả năm, 20% lượng lân và 30% lượng kali.

- *Lần thứ 3*: bón vào giai đoạn sau khi đậu quả

Lúc này cây cần cung cấp đầy đủ dinh dưỡng, nếu không sẽ rụng nhiều quả non. Lần này chỉ bón 20% phân đạm và cần thiết thì bón thêm các loại phân bón lá như Grow more, kích phát tố Thiên nông...

- *Lần bón thứ 4*: bón thúc quả

Vào giai đoạn từ 1,5 đến 2,5 tháng sau khi đậu quả để bổ sung dinh dưỡng giúp quả phát triển. Ở lần bón này sử dụng toàn bộ lượng đạm còn lại, 40% kali. Để giảm nứt quả có thể bổ sung thêm phân canxi và lưu huỳnh (S) và các chất vi lượng để đạt được năng suất cao và chất lượng quả tốt.

5. Kỹ thuật bao quả

Đã nghiên cứu thành công việc bao chùm quả đối với nho ăn tươi NH01-48 (ở Nha Hố, tỉnh Ninh Thuận) với xoài, (giống GL6 ở huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, ở Viện Nghiên cứu Rau Quả tại Gia Lâm), ngoài ra trong

sản xuất nhiều nơi đã bao (lông) chùm nhãn, bao quả ổi, bao buồng chuối...

Đây là một tiến bộ kỹ thuật để giảm thiểu số lần phun thuốc đối với cây ăn quả, bảo đảm an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm tăng năng suất và chất lượng quả: mã quả đẹp hơn, có tính thương phẩm cao hơn so với không bao quả (*Xem Phần phụ lục (ảnh)*).

Tuỳ theo loại quả mà xác định thời kỳ bao thích hợp, và chọn túi bao chuyên dụng rẽ và có hiệu quả cao. Ví dụ: túi bao giấy dai hiện có trên thị trường của Công ty Hoa Mai/Mai Xuân hoặc túi bao của nhỏ có thể dùng loại giấy can bần đồ, hay loại túi chuyên dụng mưa không ướt, thoáng khí, còn đối với chùm nhãn người ta đã dùng bao cối, hay rọ đan bằng tre, nứa để bao.

Chú ý:

- Trước khi bao nên phun thuốc trừ nấm và nếu là chùm quả thì nên tỉa quả, loại đi những quả nhỏ kém phát triển, quả quá chen chúc trên chùm, quả bị sâu bệnh ...
- Trước lúc thu hoạch độ 1 tuần đến 10 ngày cần tháo bỏ bao, để có ánh sáng trực tiếp khiến mã quả thêm đẹp. Ví dụ: với bưởi, ổi, nho và xoài...

6. Các kỹ thuật để điều khiển ra hoa và quả trái vụ

Để cung cấp cho thị trường vào thời kỳ thiếu quả và bán được giá cao so với quả chính vụ. Đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thắp điện sáng ban đêm cho thanh long vào mùa đông. Vì thanh long thuộc nhóm cây ăn quả ngày dài. Vào thời kỳ đó ngày ngắn nên không ra hoa được.

Đối với sầu riêng dùng biện pháp xiết nước khống chế không cho cây sinh trưởng rễ cây hầu như ngừng sinh trưởng. Sau một thời gian thích hợp, bón phân tưới nước trở lại thật đậm và cây trở hoa.

Đối với vải, nhãn, măng cụt thì dùng biện pháp khoanh vỏ cũng có tác dụng giúp cây ra hoa và có quả ở vụ nghịch (quả trái vụ).

Riêng đối với vải thiếu nếu vụ đông mà cây ra nhiều lộc đông thì phải có biện pháp khống chế. Không cho lộc đông phát triển thì năm sau mới có quả.

- Biện pháp hoá học: sử dụng các chất điều hoà sinh trưởng để điều khiển cho cây ra hoa.

- + Dừa dùng Ethrel 25ppm, CaC_2 (đất đèn) 20g/lít để xử lý cho dừa ra hoa.

+ Xoài dùng Paclobutrazol (PBZ) 1 - 2g a.i/m tưới vào đất khi lá được 2 - 3 tháng tuổi kết hợp với Thiouré nồng độ 0,3-0,5% sau khi xử lý PBZ 3 tháng để điều khiển xoài ra hoa trái vụ.

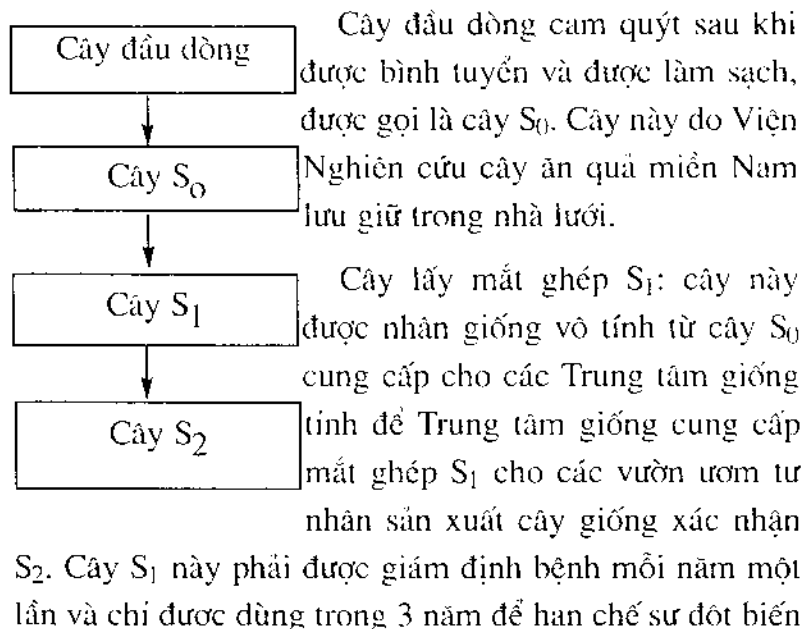
+ Với nhãn: dùng Clorat kali (KClO_3).

Với giống nhãn tiêu da bò, ở giai đoạn lá lụa với liều lượng $30\text{g}/1\text{m}^2$ tán cây, pha với 10 lít nước khuấy đều tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây (vùng tưới cách gốc 40 - 50cm trở lên. Ba ngày sau tiếp tục tưới nước nhẹ xung quanh vùng tán cây để giúp cho cây hấp thụ hết lượng hóa chất đã tưới. Sau khi xử lý khoảng 20 - 25 ngày nhãn sẽ ra nụ, 20 ngày sau nữa hoa sẽ nở rộ. Thời gian xử lý: tháng 12 đến tháng 2 năm sau. KClO_3 là chất dễ cháy nổ khi tiếp xúc với các loại hoá chất khác như phân bón có chứa Ammonium, thuốc bảo vệ thực vật gốc đồng hay lưu huỳnh; khi va chạm hay có sự ma sát và đặc biệt gặp lửa và nhiệt độ cao. Vì vậy việc bảo quản clorat kali phải hết sức cẩn thận, tránh xa những chất dễ cháy, tránh lửa, tránh va chạm, ma sát... bảo quản trong điều kiện khô mát.

7. Các thành tựu về bảo vệ thực vật đối với cây ăn quả như sử dụng kỹ thuật ghép đỉnh sinh trưởng đã làm sạch bệnh greening (vàng lá cam) trên cam quýt.

Bằng kỹ thuật vi ghép đỉnh sinh trưởng và chẩn đoán bệnh greening bằng phương pháp PCR, Viện Bảo vệ Thực vật, Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đã có được tập đoàn gồm nhiều dòng/giống cây có mùi sạch bệnh (Viện Bảo vệ thực vật có 30 dòng/giống, Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam bảo tồn tại nhà lưới tập đoàn giống gốc các dòng vô tính cấp S_0 sạch bệnh có 16 chủng loại với 107 cây).

Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đưa ra sơ đồ Hệ thống sản xuất cây có mùi hoàn hảo như sau:



do việc lấy mắt ghép sinh ra đến 2000 mắt ghép/cây/năm.

Cây xác nhận do vườn ươm tư nhân sản xuất. Mắt ghép S_1 lấy từ Trung tâm giống tỉnh hoặc ở Viện nghiên cứu cây ăn quả. Chỉ có cây xác nhận S_2 (sạch bệnh) mới được lưu hành. Cây không rõ nguồn gốc không được lưu hành và hệ thống sản xuất cây giống sạch bệnh chịu sự kiểm tra thường xuyên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh.

Sơ đồ hệ thống sản xuất cây giống có múi sạch bệnh còn chờ quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Song đối với người làm vườn nhất là những vườn sản xuất cây có múi thì đây là một quy trình tốt, giúp cho việc sản xuất cây giống cây có múi (Citrus) có chất lượng hơn, đảm bảo cho vườn cây khỏe mạnh, có năng suất cao, chất lượng đồng đều và tốt.

- Về công tác bảo vệ thực vật đối với cây ăn quả, nhận thức của người làm vườn đã có nhiều tiến bộ hơn trước, nhất là nguyên tắc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Nói chung thuốc bảo vệ thực vật rất độc với người, động vật và môi trường sinh thái. Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng và chống ô nhiễm môi trường, khi sử dụng thuốc hoá học bảo vệ thực vật phải sao cho hợp lý.

Muốn vậy phải thực hiện theo 4 đúng (theo tài liệu tập huấn nông dân, Viện Bảo vệ thực vật, 2005).

- + Sử dụng thuốc có hiệu quả.

- + An toàn khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Phải đi găng, đeo khẩu trang, mặc quần áo bảo vệ lao động khi pha thuốc và phun thuốc cho cây. Không phun thuốc ngược chiều gió.

- Không ăn uống, hút thuốc trong khi sử dụng thuốc.

- Tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo sạch sau khi phun thuốc.

- Không đổ, bỏ thuốc thừa, rửa dụng cụ phun thuốc vào các nguồn nước.

- + Sơ cứu khi ngộ độc thuốc:

- * Nếu thuốc dính vào da: rửa ngay bằng nhiều nước sạch và xả phòng loại bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.

- * Nếu thuốc dính vào mắt: rửa ngay mắt dưới vòi nước sạch chảy trong vòng 10 - 15 phút.

- * Nếu hít phải hơi thuốc: đưa ngay bệnh nhân ra nơi thoáng mát nghỉ ngơi.

- * Nếu nuốt phải thuốc: đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

+ Triệt để tuân thủ thời gian cách ly.

Thời gian cách ly là khoảng thời gian tối thiểu (ngày) được luật pháp quy định kể từ ngày phun thuốc lần cuối cùng đến lúc thu hoạch nông sản (các loại quả). Việc quy định thời gian cách ly của từng loại thuốc bảo vệ thực vật nhằm có đủ thời gian để thuốc đó phân giải tới mức không còn ảnh hưởng xấu đến cơ thể con người và gia súc tiêu thụ những nông sản đã phun thuốc đó. Đây là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đang được cả xã hội quan tâm.

- Phun thuốc phải hạn chế hoặc tiêu diệt dịch hại ở mức cao nhất.
- Đạt được năng suất cao hơn so với không phun thuốc

Đúng lúc:

- Phun lúc sâu non tuổi nhỏ, mật độ cao, vết bệnh mới phát triển.
- Không phun thuốc lúc cây đang nở hoa hoặc sắp thu hoạch, trời sắp mưa to, gió lớn, trời đang nắng nóng.

Đúng thuốc:

- Loại sinh vật nào gây hại gì thì dùng thuốc đó: sâu hại dùng thuốc trừ sâu, bệnh hại dùng thuốc trừ bệnh, cỏ dại dùng thuốc trừ cỏ.
- Không nên dùng một loại thuốc liên tục nhiều lần mà phải thay đổi để tránh quen thuốc.

Đúng liều lượng, nồng độ sử dụng:

- Lượng thuốc cần dùng và lượng thuốc pha vào một bình phun phải đúng theo hướng dẫn ghi trên nhãn của loại đó.

Đúng cách:

- Phải tuân tự thực hiện thao tác pha thuốc đúng hướng dẫn; không hỗn hợp nhiều loại thuốc.
- Tuỳ loại dịch hại mà phun lên ngọn, phun vào thân bẹ lá hay rắc vào đất vào gốc.

8. Thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch

Thu hoạch và bảo quản là khâu cuối cùng trong sản xuất cây và ăn quả có ảnh hưởng đến năng suất, phẩm chất của quả và khả năng cho quả ở năm sau. Có thể nói công đoạn sau thu hoạch các sản phẩm quả là khâu rất quan trọng cần được chú ý để giảm thiểu các tổn thất sau thu hoạch ở tất cả các khâu từ thu hái, bao gói, vận chuyển, bảo quản đến chế biến, tiêu thụ.

8.1. Thu hoạch:

a) Xác định thời điểm thu hoạch:

Để xác định thời điểm thu hoạch một cách chính xác người ta đưa ra khái niệm về độ chín: độ chín sinh lý và độ chín thương phẩm.

- Độ chín sinh lý (độ chín thu hái): là giai đoạn phát triển mà ở đó các loại quả tự nó đã hoàn tất sự sinh trưởng tự nhiên bảo đảm quá trình chín đang xảy ra và lúc này đã có thể thu hoạch được.

- Độ chín thương phẩm: là một thời điểm nhất định trong giai đoạn của quả, đáp ứng được mục đích sử dụng cụ thể của người (ăn tươi hay chế biến, bán ở gần hay phải vận chuyển đi xa, bán cho thị trường nào...)

Thông thường độ chín sinh lý và độ chín thương phẩm khác nhau, tuy nhiên cũng có trường hợp trùng nhau.

b) Tầm quan trọng của việc thu hoạch đúng độ chín:

Thu hoạch quả quá sớm hoặc quá muộn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng (ví dụ hàm lượng đường còn thấp, các chất thơm chưa hình thành đầy đủ, màu sắc quả chưa đẹp ...) và khả năng bảo quản kém.

Quả nếu được thu hoạch đúng độ chín, vỏ quả sẽ có màu sắc đẹp, mùi vị đặc trưng làm tăng giá trị cảm giác; dự trữ được nhiều nguyên liệu cho quá trình hô hấp sau thu hoạch; có ít khí khổng trong tế bào do đó giảm bớt cường độ thoát hơi nước, có lớp cutin dày hơn làm tăng cường sức chống chịu với ngoại cảnh, với các va đập sinh học và sự xâm nhập của các vi sinh vật gây bệnh.

Nếu thu hoạch muộn, để quả lâu trên cây cũng làm giảm phẩm chất, một số loại quả bị khô xộp và còn ảnh hưởng đến vụ ra hoa và quả năm sau.

c) Phương pháp đánh giá độ chín:

- Phương pháp vật lý:

Đánh giá bằng các chỉ tiêu vật lý như màu sắc, mùi vị, hình dạng, kích thước, độ cứng...

Ví dụ:

+ Quả cam quýt xuất hiện 1/3 - 1/4 diện tích vỏ quả màu vàng da cam hay đỏ da cam.

+ Quả xoài khi già thu hoạch được là lúc vai quả vượt qua đầu núp quả, vỏ quả màu nhạt đến vàng dần, thịt quả có màu vàng da cam, xuất hiện có mùi thơm.

+ Quả dưa: quả màu xanh nhạt, có một vài mắt ở đáy quả bắt đầu chuyển màu vàng.

+ Quả vải: vỏ quả từ màu xanh vàng chuyển sang hồng lan ra từ cuống quả.

+ Quả hồng xiêm: cuống quả nhỏ lại, tai vểnh lên (lá đài không còn dính vào vỏ quả như trước, lớp phấn trên bề mặt rụng hết, bong dần ra, vỏ quả màu xanh vàng và nhẵn.

+ Quả na: vỏ quả chuyển màu vàng xanh, mắt đã nở, khe hở giữa các mắt nông.

- Phương pháp hoá học:

Xác định thông qua các chỉ tiêu chính của thành phần hoá học quả như hàm lượng chất khô hoà tan, độ axit, độ đường, hàm lượng protein.

- Tính thời gian từ khi đậu quả:

Ví dụ:

+ Chuối: thu hoạch sau trổ hoa 2,5 - 3 tháng.

+ Dứa: giống dứa ta từ khi ra hoa đến quả chín 150 ngày, giống dứa tây (dứa hoa, dứa Phú Thọ) 120 ngày, dứa Cayen: 180 ngày.

+ Các giống xoài: từ 100 - 120 ngày.

+ Các giống bưởi: 7 tháng - 7 tháng rưỡi.

+ Các giống hồng xiêm: dao động từ 8 - 10 tháng.

Bị chú: cùng giống cây ăn quả nhưng trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch sẽ sớm hơn so với trồng ở các tỉnh miền Bắc; vài thiếu trồng ở Đăklăk thu hoạch sớm hơn trồng ở Lục Ngạn, Thanh Hà từ 3 - 4 tuần. còn trồng ở Quảng Bình thu sớm hơn khoảng 20 ngày.

d) Kỹ thuật thu hái:

- Nên dùng kéo để cắt quả. Động tác cắt quả càng nhẹ nhàng, tránh xây xát vỏ.

- Thu hái vào hôm nắng ráo, tránh vào ngày mưa, tránh vào thời điểm nắng gắt. Tốt nhất vào buổi sáng lúc 7 - 8 giờ, vào buổi chiều lúc 4 - 5 giờ.

- Hái xong không nên để dồn vào từng đống, mà nên trải thành lớp mỏng để dưới gốc cây, không để phơi ngoài nắng.

- Sau khi hái nên phân loại theo cấp độ lớn, lau sạch quả bọc quả trong túi PE hoặc giấy bần mỏng trước khi xếp vào sọt, thùng gỗ hoặc thùng các tông trước lúc đem đi tiêu thụ.

8.2. *Bảo quản:*

a) Mục đích của bảo quản:

- Nhằm kéo dài thời vụ cung cấp quả tươi, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng tại mọi nơi vào mọi thời điểm trong năm. Tăng thu nhập, tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất và kinh doanh cây ăn quả. Tăng thu nhập cho người nông dân.

- Phục vụ cho xuất khẩu.

- Điều hoà việc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

b) Các phương pháp bảo quản quả:

* Bảo quản lạnh:

Bảo quản lạnh là phương pháp được dùng phổ biến hiện nay để bảo quản các sản phẩm tươi sống trong đó có

các loại quả, vì có ưu điểm nổi bật là hiệu quả bảo quản cao, sản phẩm được bảo quản lạnh không gây ra các ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ người tiêu dùng.

Trong quá trình bảo quản lạnh, để tránh mất nước, hầu hết các loại quả phải giữ ẩm độ không khí 90 - 95%.

Ví dụ:

- Cam quýt: bảo quản trong kho lạnh, xe lạnh ở nhiệt độ 1 - 3⁰C, ẩm độ không khí 85%.

- Xoài: nhiệt độ bảo quản 5 - 11⁰C, ẩm độ 85 - 90%.

- Vải: nhiệt độ bảo quản 3 - 5⁰C, ẩm độ 85 - 90%.

- Chuối: nhiệt độ bảo quản 13 - 16⁰C, ẩm độ không khí 90 - 95%.

- Dứa: nhiệt độ bảo quản 8 - 10⁰C, ẩm độ không khí 90 - 95%.

* Bảo quản trong môi trường khí quyển điều chỉnh:

Trong quá trình bảo quản để giữ cho quả lâu hỏng, người ta có thể khống chế nồng độ và tỉ lệ các loại khí trong kho bảo quản, trong các túi bảo quản, chủ yếu là O₂ và CO₂.

Ở Quảng Đông Trung Quốc, vải bảo quản ở nhiệt độ

1 - 3⁰C giữ cho nồng độ O₂ là 5% và CO₂ là 3% là có thể bảo quản được trong một tháng (quả loại một đạt 32,26%, loại 2 đạt 54,18%, loại 3: 11,57%, loại 4 đạt 1,97%. Đối với 2 giống Nuômixur và Hoài chí, còn giống vải Quế vị thì nồng độ CO₂ phải đạt 5%. Nếu nồng độ CO₂ tăng lên 8% thì sau một tháng bảo quản, vị quả sẽ biến mất.

Tuy đây là một phương pháp bảo quản tiên tiến, song điều kiện vật chất, thiết bị của người trồng cây ăn quả của ta còn ở trình độ thấp nên chưa thể ứng dụng được vào sản xuất được nhiều.

* Bảo quản bằng phương pháp xử lý hoá chất:

Cách bảo quản này vừa hạn chế được sâu bệnh (nhất là bệnh) vừa giữ được quả tươi lâu nhưng phải rất thận trọng với dư lượng hoá chất trong quả, ảnh hưởng đến vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khoẻ cộng đồng.

* Bảo quản bằng chiếu xạ:

Việc áp dụng chiếu tia bức xạ để bảo quản quả, ngăn ngừa các tổn thất sau thu hoạch đã được nghiên cứu từ những năm 60. Nguyên lý của việc chiếu xạ: gây trở ngại cho quá trình hoạt động trao đổi chất của quả, làm chậm quá trình chín và già cỗi, cải thiện phẩm chất, vô hiệu

hoá các bào tử, khuẩn ty không xâm nhập vào bề mặt và các mô bên trong, ức chế sự hoạt động của các vi sinh vật gây thối quả.

Các tia của Coban 60, Cs_{137} (Cs_{137}) thường dùng để xử lý, có thể xử lý được cả quả đã đóng gói trong thùng giấy hoặc thùng gỗ. Hiệu quả thì đã rõ, song cũng có những tác dụng phụ như làm cho màu sắc quả hơi tối (màu đỏ thì thành đỏ sẫm) quả mềm đi, nước trong quả tăng, các vitamin E, A và C dễ bị các tia xạ làm giảm.

Ngoài các phương pháp trên để bảo quản quả người ta còn sử dụng các phương pháp khác như:

- Loại trừ khí Ethylen (vì Ethylen kích thích quá trình chín của quả) bằng $KMnO_4$.
- Bảo quản quả trong môi trường có áp suất thấp.
- Bảo quản quả bằng màng tổng hợp, trong túi nilông mỗi túi 0,5 - 1kg...

ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU, ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN CÂY ĂN QUẢ Ở CÁC VÙNG TRONG NƯỚC VÀ HƯỚNG CHỌN LỰA CÁC GIỐNG TỐT, CÓ ƯU THẾ CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG ĐỂ CẢI TẠO VƯỜN TẬP

I. ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (ĐBSH)

1. Đặc điểm khí hậu đất đai

Vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm 11 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh.

Khí hậu: Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc Việt Nam là khí hậu nhiệt đới gió mùa: có mùa đông lạnh chịu ảnh hưởng của các hệ thống gió mùa từ biển Đông và lục địa phương Bắc, tạo nên một hình thái khí hậu không giống như một nơi nào ở cùng vĩ độ trên thế giới.

Nhiệt độ bình quân năm $23 - 24^{\circ}\text{C}$. Mùa đông năm rét nhất nhiệt độ xuống 10°C . Tổng tích nhiệt $8500 - 8700^{\circ}\text{C}$. Số giờ nắng: $1600 - 1700$ giờ/năm. Lượng mưa $1600 - 2000\text{mm}$, mùa mưa kéo dài 6 tháng (tháng 5 đến tháng 10) từ tháng 11 đến tháng 4 ít mưa. Độ ẩm không khí $88 - 95\%$. Từ tháng 10 - 12: lạnh và khô, tháng 1 - 3: rét và ẩm, tháng 4 - 9: nắng và ẩm.

Nhược điểm chung của khí hậu Đồng bằng sông Hồng là mùa hè - thu (tháng 5 - 10) nhiệt độ cao, nắng nhiều, mưa nhiều (85% lượng mưa cả năm) và thường có bão. Mùa Đông Xuân (tháng 11 - 4) nhiệt độ thấp, nắng ít, mưa ít, bốc hơi mạnh, gió mùa Đông Bắc...

Đất đai:

Theo tài liệu của Viện Quy hoạch và TKNN (1993) thì trong vùng có 10 loại đất từ G1 - G10 như đất cát, đất mặn, đất phèn, đất phù sa ngoài đê, đất phù sa trong đê, đất đỏ vàng, đất đỏ trên đá vôi, đất bạc màu... và 33 đơn vị đất đai với tổng diện tích là 787.352ha trong đó 22 đơn vị (số 1 - 22) thuộc đồng bằng (chiếm $89,2\%$) và 11 đơn vị thuộc đồi núi (chiếm $10,8\%$).

Dựa theo yêu cầu sử dụng để phân hạng đất có thể chia ra:

- Đất trồng lúa nước.
- Đất trồng lúa nước + cây trồng cạn ngắn ngày.
- Đất chuyên trồng cây cạn ngắn ngày.
- Đất chuyên trồng cây lâu năm (trong đó có cây ăn quả): tầng đất dày, thoát nước, thành phần cơ giới không quá nặng hoặc quá cát.

Những năm trước đây để bảo đảm an ninh lương thực, Nhà nước quy định không được dùng đất lúa để trồng các cây khác, nhưng hiện nay Nhà nước cho phép được chuyển đổi cơ cấu cây trồng có thể trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn trên đất trồng lúa năng suất thấp và bấp bênh.

Vì vậy đã có những mô hình chuyển đổi trồng cây ăn quả trên đất lúa như vải thiều ở Hải Dương, nhãn ở Hưng Yên, cam quýt ở Văn Giang (Hưng Yên).

2. Cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng

Ở vùng Đồng bằng sông Hồng có hơn 20 loại cây ăn quả thường gặp, thuộc 2 nhóm nguồn gốc chủ yếu là:

- Cây ăn quả nhiệt đới: chuối, dưa, xoài, đu đủ, hồng xiêm, na, mít, táo ta, ổi, dưa hấu, gioi, khế.
- Cây ăn quả á nhiệt đới: nhãn, vải, cam quýt, chanh, bưởi, hồng.

Đặc biệt cây ăn quả đặc sản ở vùng này được người tiêu dùng trong nước ưa thích và nổi tiếng trong cả nước như vải thiều Thanh Hà (Hải Dương), nhãn lồng Hưng Yên, chuối ngự Đại Hoàng, hồng Nhân hậu (huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam), cam Canh, bưởi Diễn (Từ Liêm, Hà Nội), mơ Hương Tích, hồng Thạch Thất (Hà Tây)... trong đó vải, nhãn còn để xuất khẩu.

3. Những loại cây ăn quả đặc sản của vùng Đồng bằng sông Hồng có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu

Khi cải tạo vườn tạp tùy theo khí hậu, đất đai, thị trường, tình hình kinh tế xã hội của địa phương để chọn các giống phù hợp.

- Vải thiều Thanh Hà.
- Các giống vải chín sớm: Bình Khê, Yên Hưng, Phúc Hòa, Hùng Long.
- Nhãn lồng Hưng Yên: các dòng chín sớm, chính vụ, chín muộn.
- Các giống xoài: GL₁, GL₂, GL₆.
- Chuối ngự Đại Hoàng (huyện Lý Nhân, Hà Nam).
- Hồng Nhân hậu (huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam).

- Các giống cam quýt: cam Canh, bưởi Diễn, cam Valencia-2, cam Xã Đoài, cam Vân du.

- Các giống táo ta: đào vàng, má hồng, táo xuân.

II. VÙNG ĐÔNG BẮC

1. Đặc điểm khí hậu, đất đai

Vùng Đông Bắc bao gồm 11 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái.

Vùng Đông Bắc có vị trí quan trọng: tiếp giáp với Trung Quốc, giáp Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh - có thành phố du lịch Hạ Long, có điều kiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông khá thuận lợi. So với các vùng khác ở trong nước vùng Đông bắc có điều kiện sinh thái đa dạng để phát triển nhiều chủng loại cây ăn quả có nguồn gốc địa lý khác nhau như á nhiệt đới, nhiệt đới và ôn đới. Một số huyện thuộc các tỉnh miền núi vùng Đông bắc nằm ở độ cao 600 - 1500m so mặt biển Sapa, Bắc Hà (Lào Cai), Đồng Văn, Hoàng Su Phì (Hà Giang), Ngân Sơn (Bắc Cạn), Trùng Khánh, Nguyên Bình (Cao Bằng), Mẫu Sơn, Bắc Sơn (Lạng Sơn)... Có mùa đông khá lạnh rất thích hợp để phát triển cây ăn quả ôn đới là lợi thế mà các địa phương khác không có được.

1.1. Khí hậu:

Về nhiệt độ: Chia thành 3 tiểu vùng.

- Vùng có tổng tích nhiệt năm $< 7000^{\circ}\text{C}$ thường ở độ cao $\geq 700\text{m}$ như Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Ngân Sơn (Bắc Cạn). Nhiệt độ trung bình năm $< 19^{\circ}\text{C}$, tháng 12, tháng 1 nhiệt độ $< 10^{\circ}\text{C}$. Đây là vùng thích hợp trồng cây ăn quả ôn đới lê, táo, táo tây, dâu tây...

- Vùng có tổng tích nhiệt $7000 - 8000^{\circ}\text{C}$ Cao Bằng, Lạng Sơn và phía Bắc tỉnh Quảng Ninh. Nhiệt độ trung bình năm $21 - 22^{\circ}\text{C}$, có 4 - 5 tháng nhiệt độ trung bình $< 20^{\circ}\text{C}$, tháng lạnh nhất nhiệt độ trung bình $13,4^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối $-0,4^{\circ}\text{C}$ đến $2,1^{\circ}\text{C}$. Vùng này thích hợp trồng các loại cây ăn quả á nhiệt đới.

- Vùng có tổng tích nhiệt $> 8000^{\circ}\text{C}$ bao gồm các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Lạng Sơn (Hữu Lũng)... Nhiệt độ bình quân năm $22 - 23,3^{\circ}\text{C}$, có 4 - 5 tháng nhiệt độ $< 20^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối $-1,0$ đến $-2,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ trung bình tháng 1 $11,6 - 13^{\circ}\text{C}$. Vùng này thích hợp trồng cây ăn quả á nhiệt đới như nhãn, vải, cam quýt, hồng... và cây ăn quả nhiệt đới: chuối, dưa, mít, na, đu đủ, xoài...

Về lượng mưa: chia 3 tiểu vùng dưới đây.

- Nơi có lượng mưa bình quân < 1400mm, tỉnh Cao Bằng (trừ Hà Quảng, Trùng Khánh), tỉnh Lạng Sơn (trừ Bắc Sơn).

- Vùng có lượng mưa từ 1400 - 2400mm.

+ Nơi có lượng mưa 1400 - 2000mm: Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên (trừ thành phố Thái Nguyên) đảo Cô Tô, huyện Đông Triều, Bắc Sơn, Hà Quảng và Trùng Khánh.

+ Lượng mưa từ 2000 - 2400mm: thành phố Thái Nguyên, Hòn Gai, Cẩm Phả (Quảng Ninh).

+ Vùng có lượng mưa > 2400mm: Tiên Yên, Móng Cái (Quảng Ninh) lượng mưa 2500 - 3000mm vùng núi cao Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 2589mm, Bắc Quang (Hà Giang) > 3000mm. Đây là vùng mưa lớn ở nước ta. Ngoài ra trong các vùng thường có mưa phùn (≥ 20 ngày/năm).

Mùa mưa trong vùng từ tháng 4, 5 đến tháng 9, 10 lượng mưa chiếm trên 85% tổng lượng mưa cả năm, và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5.

Ngoài ra ở miền núi còn xuất hiện sương muối vào cuối tháng 12 đầu tháng 1 (Hà Quảng, Trùng Khánh, Bắc Sơn, Lạng Sơn, Hữu Lũng...).

+ Năng: số giờ nắng trong năm giảm dần từ Nam lên Bắc (từ 1700 - 1800 giờ/năm giảm xuống 1420 - 1593 giờ/năm).

Độ ẩm không khí trung bình 84%.

1.2. Đất đai:

Đất đai rất đa dạng: địa hình phức tạp, chia cắt và độ dốc lớn. Theo kết quả điều tra phân loại đất của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp năm 1995 (tổng hợp trên bản đồ 1:250.000) ở 6 tỉnh vùng Đông bắc (Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh) tổng diện tích đất tự nhiên 3.2979912ha được chia thành 14 nhóm đất cơ bản, đó là: đất cồn cát ven sông (C), đất mặn (SM), đất phù sa (P), đất thung lũng dốc tụ (D), đất xám bạc màu (B), đất nâu đỏ trên macmabazơ trung tính (Fk), đất nâu đỏ trên đá vôi (Fv), đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs), đất đỏ vàng trên đá mácma axit (Fa), đất vàng nhạt trên đá cát (Fq), đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp), đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (FI) và đất xói mòn trơ sỏi đá (E).

Vũ Thiện Chính (1999) đi sâu nghiên cứu một số loại đất có liên quan đến cây ăn quả của vùng Đông Bắc:

- Đất nâu đỏ macmabazơ và trung tính (Fk) thích hợp

trồng cam quýt, nhãn, vải tập trung nhiều nhất ở tỉnh Cao Bằng.

- Đất nâu đỏ trên đá vôi (Fv) phân bố ở chân đồi và thung lũng đá vôi ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn... nhiều vùng đã trồng mơ, mận, na trên đất này.

- Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (FS).

Đây là loại đất có diện tích lớn nhất vùng. Đất này thích hợp với nhiều loại cây ăn quả như: hồng, vải, nhãn, cam quýt, mận, mơ.

- Đất đỏ vàng trên macma axit (Fa): phân bố ở các tỉnh (trừ Bắc Giang). Đất đồi núi, dốc, tầng đất mỏng đến trung bình, thành phần cơ giới nhẹ, chua $pH_{KCl} 4,0-4,5$. Đất thích hợp trồng hồng và cây đặc sản như hồi.

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq) có thể trồng hồng và cây đặc sản như hồi.

- Đất vàng trên phù sa cổ (Fq): đất phân bố tập trung ở Đông Triều (Quảng Ninh), Lục Ngạn, Lục Nam (Bắc Giang), Hữu Lũng (Lạng Sơn) và rải rác ở phía Nam tỉnh Thái Nguyên. Đất thích hợp cho cam quýt, vải, nhãn.

Với loại đất phù sa nói chung rất thích hợp trồng cây ăn quả nhất là chuối, bưởi... nhưng trong vùng Đông bắc

trên 80% là đất dốc, vì vậy nên dành đất phù sa vùng đất thấp, đất bằng cho sản xuất lương thực, ngoại trừ trường hợp có các ký kết thương mại với các đối tác nước ngoài, khi trồng các loại cây ăn quả kể trên cho hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa rõ rệt.

Cây ăn quả vùng Đông bắc.

Tập đoàn giống cây ăn quả ở vùng này rất đa dạng và phong phú thuộc 3 nhóm cây ăn quả ở nước ta:

- Nhóm cây ăn quả nhiệt đới: chuối, dứa, xoài, đu đủ, hồng xiêm, mít, na, táo ta, ổi, gioi, khế...

- Nhóm cây ăn quả á nhiệt đới: cam quýt, chanh, bưởi, vải, nhãn, hồng, hạt dẻ.

- Nhóm cây ăn quả ôn đới: lê, đào, mận, nho, dâu tây...

Hiện nay ở Đông bắc đã có những vùng sản xuất cây ăn quả có quy mô lớn như:

- + Vải thiều ở Lục Ngạn (Bắc Giang), Đông Triều (Quảng Ninh), Thái Nguyên.

- + Cam quýt ở huyện Bắc Quang, xoài ở huyện Yên Minh (Hà Giang).

- + Mận ở Bắc Hà (Lào Cai).

- + Bưởi ở Đoan Hùng (Phú Thọ).

Và nhiều giống cây ăn quả nổi tiếng như Đào mầu sơn, Cồn Sơn; Quýt Bắc Sơn (Lạng Sơn), Mơ ở Bạch Thông (Bắc Kạn), Đào Sa pa (Lào Cai), Mận tam hoa Bắc Hà (Lào Cai), Hạt dẻ (Trùng Khánh), Hồng Lục Yên (Yên Bái), Cam sành Hàm Yên (Tuyên Quang) và vùng trồng chuối nổi tiếng dọc sông Thao (Phú Thọ)...

Những loại cây ăn quả đặc sản của vùng có triển vọng phát triển

- Cam quýt, bưởi
- Hạt dẻ Trùng Khánh (Cao Bằng)
- Vải thiều, nhãn lồng: các giống thuộc nhóm chín sớm, chín vụ và chín muộn để rải vụ
- Mơ, Mận
- Lê, Đào, Hồng
- Na dai Đồng Mỏ (Chi Lăng, Lạng Sơn)
- Các giống chuối tiêu, chuối tây, chuối ngự
- Dứa Cayen Phú Hộ (Phú Thọ).

III. TÂY BẮC

1. Đặc điểm khí hậu, đất đai

Vùng Tây bắc bao gồm 4 tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Điện Biên và Hòa Bình nằm khuất bên sườn Tây dãy Hoàng Liên Sơn.

Khí hậu:

Đặc điểm quan trọng nhất của khí hậu Tây Bắc là có một mùa đông tương đối ấm và suốt mùa duy trì một tình trạng khô hanh điển hình của khí hậu gió mùa.

Cần chú ý do vùng núi Tây bắc có độ cao địa hình nói chung khá lớn (300 - 700m) nên thực tế mùa đông ở đây vẫn lạnh, khả năng có sương muối và băng giá vẫn có nhiều, nhất là ở những vành đai cao.

- Nhiệt độ: trung bình năm của vùng Tây Bắc vào khoảng 23°C trong các thung lũng dưới thấp (độ cao 200 - 300m) $20 - 22^{\circ}\text{C}$ ở 500 - 700m, $18 - 19^{\circ}\text{C}$ ở 1000m và 16°C ở 1500m.

Tổng tích nhiệt đạt tới 8000 - 8500 $^{\circ}\text{C}$ /năm ở vùng thấp và dưới 6500 $^{\circ}\text{C}$ ở vùng cao từ 1000m trở lên. Tháng 1 là tháng có nhiệt độ thấp nhất trong năm, nhiệt độ trung bình vào khoảng $17 - 18^{\circ}\text{C}$ ở vùng thấp, $14 - 16^{\circ}\text{C}$ ở 500 - 700m, $12 - 13^{\circ}\text{C}$ ở 1000m và 10°C ở 1500m. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối xuống $2 - 4^{\circ}\text{C}$ ở các thung lũng thấp, dưới 0°C ở độ cao từ 500 - 600m trở lên. Nhiệt độ tối cao trung bình $33 - 34^{\circ}\text{C}$ trong thung lũng, $30 - 31^{\circ}\text{C}$ ở 500 - 700m, $27 - 28^{\circ}\text{C}$ ở 1000m và $24 - 25^{\circ}\text{C}$ ở 1500m. Ba tháng có nhiệt độ cao nhất và sần sần như nhau là tháng

6, 7, 8 và tháng 6 là tháng cực đại nhiệt độ trung bình vào khoảng 26 - 27⁰C ở trong thung lũng, 24 - 25⁰C ở độ cao 500 - 700m, 23⁰C ở 1000m, 20⁰C ở 1500m. Nhiệt độ cao tuyệt đối ở các thung lũng khoảng 41 - 43⁰C, ở độ cao 600 - 700m 38 - 39⁰C, lên cao tới 1500m nhiệt độ cao không quá 30⁰C.

- Mưa: trung bình năm lượng mưa đo được cực đại có thể lên đến 2500 - 2800mm, cực tiểu 1500mm/năm, đặc biệt ở Mường Tè là một trong những trung tâm mưa lớn của nước ta với lượng mưa 2500 - 3000mm/năm, cá biệt như Phong Thổ chỉ 1472mm/năm.

Mùa mưa ở Tây bắc bắt đầu sớm vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 9, kéo dài 6 tháng, tập trung 90% lượng mưa toàn năm. Thời kỳ nhiều mưa nhất là 3 tháng 6, 7, 8. Trong đó tháng 6 có lượng mưa cực đại trong năm. Ít mưa nhất là tháng 12, tháng 1 trong đó Nam Tây bắc là khu vực tương đối ít mưa (Yên Châu 1108mm/năm, Sông Mã 1092mm).

- Độ ẩm không khí trung bình 82%, tăng lên 84 - 83% trên các rẻo cao. Trường hợp đặc biệt (thường gặp trong tháng 3) độ ẩm tối thấp có thể xuống dưới 10 - 15% (Sơn La: 6%; Lai Châu: 13%).

- Số giờ nắng trung bình toàn năm 1800 - 2000 giờ, thuộc loại lớn nhất ở nước ta (ở đồng bằng Bắc bộ chỉ 1600 - 1700 giờ nắng).

- Những hiện tượng thời tiết đáng chú ý:

+ Đông, mưa đá: vùng núi Tây bắc trung bình toàn năm quan sát được 90 - 110 ngày đông, từng nơi. Vào thời kỳ cuối đông sang hè, đôi khi đông kèm theo mưa đá. Vùng núi Tây bắc là vùng nhiều mưa đá nhất ở nước ta. Hàng năm bị 1 - 2 trận mưa đá có năm 3 - 4 trận và nhiều hơn nữa. Tháng nhiều mưa đá nhất là tháng 4. Phạm vi mưa đá có thể rất rộng, đôi khi xảy ra cả mấy huyện.

+ Sương mù: là một hiện tượng xảy ra khá phổ biến ở vùng núi Tây bắc trong suốt mùa đông. Trung bình toàn năm quan sát được từ 40 - 60 ngày đến 100 ngày sương muối (Điện Biên 103 ngày).

+ Sương muối:

Ở độ cao 200 - 300m đã có khả năng có sương muối, ở độ cao 500 - 600m trở lên so mặt biển sương muối là hiện tượng thường gặp. Ví dụ: ở Than Uyên, Điện Biên trung bình vài năm một lần, còn ở Sìn Hồ (cao xấp xỉ 1500m) trung bình mỗi năm có 10 - 12 lần sương muối,

thường xảy ra trong 2 tháng: tháng 12 và tháng 1.

+ Thời tiết khô nóng: vào các tháng đầu mùa hè trong các thung lũng và bồn địa vùng Tây bắc thường có những ngày thời tiết rất nóng và khô, kiểu như thời tiết gió tây ở Bắc Trung bộ. Ở đây trung bình mỗi năm có tới 25 - 30 ngày khô nóng, trong đó có 7 - 8 ngày khô nóng đặc biệt⁽¹⁾.

Đất Tây Bắc: Theo Lê Thái Bạt (1990)

Xây dựng bản đồ đất Tây bắc tỷ lệ 1:250.000

Có 6 nhóm: đất phù sa (P); đất đen (R); đất đỏ vàng (F); đất mùn vàng đỏ trên núi (H); đất mùn trên núi cao (A); đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ.

Các nhóm đất trên được chia thành 24 đơn vị phân loại đất gọi tắt là các loại đất.

Ba (03) nhóm đất phổ biến trong vùng là: đất đỏ vàng, đất mùn vàng đỏ trên núi, đất mùn trên núi cao có diện tích 4.283.754ha chiếm 87% diện tích tự nhiên toàn vùng. Đa số đất Tây bắc có tầng dày và trung bình, thoát

(1) Quy ước một ngày có thời tiết khô nóng cấp I là $T_{\max} > 35^{\circ}\text{C}$ và $U_{\min} < 55\%$, thời tiết khô nóng cấp II là $T_{\max} > 37^{\circ}\text{C}$, $U_{\min} < 45\%$.
T: là nhiệt độ, U: độ ẩm không khí, max: tối cao, min: tối thấp.

nước tốt, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, phân bố ở địa hình chia cắt, dốc nhiều. Hơn 80% diện tích đất trong vùng có tầng dày hơn 50cm nằm ở độ dốc trên 25⁰. Trữ lượng mùn, đạm lân và kali nhìn chung khá hơn so với các loại đất tương tự ở các vùng núi đồi khác ở nước ta (trừ đất nâu đỏ bazan).

2. Cây ăn quả ở Tây bắc

Tài nguyên cây ăn quả 4 tỉnh vùng Tây bắc chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các kết quả nghiên cứu có liên quan đến cây ăn quả vùng Tây bắc cho thấy tài nguyên cây ăn quả ở đây gồm có:

- Nhóm cây ăn quả nhiệt đới: như chuối, dứa, xoài, táo ta, đu đủ, na...
- Nhóm cây ăn quả á nhiệt đới: cam quýt, chanh, vải, nhãn, hồng, bơ, lựu, mơ...
- Nhóm cây ăn quả ôn đới: mận, đào, lê...

Trong số đó mận, mơ, nhãn, xoài, là những cây ăn quả có quy mô diện tích tập trung và sản phẩm có tính hàng hóa. Ví dụ: nhãn ở huyện Sông Mã, xoài ở huyện Yên Châu và mận, mơ ở huyện Mộc Châu, cam quýt ở huyện Cao Phong (tỉnh Hòa Bình). Cây ăn quả phân lớn được tập trung ở những vùng đông dân đặc biệt những nơi có

giao thông thuận lợi và người dân ở nơi đó đã có kinh nghiệm canh tác và thâm canh cây ăn quả.

3. Cải tạo vườn tạp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cây ăn quả

- Vườn xoài ở huyện Yên Châu (Sơn La).

- Cải tạo và mở rộng diện tích trồng hồng ở Mộc Châu (Sơn La), ở Đà Bắc (Hòa Bình).

- Vườn mận Tam hoa và vườn mơ, vườn táo ở Mộc Châu. Trong tập đoàn các giống cây ăn quả ôn đới nhập nội ở Mộc Châu, Viện BVTV đã tuyển chọn được giống đào chín sớm ĐCS1 (Early grande) thu hoạch vào cuối tháng 4.

- Vườn nhãn ở huyện Sông Mã (Sơn La).

- Cải tạo vườn cây có múi ở thị xã Sơn La, ở huyện Cao Phong (tỉnh Hòa Bình).

IV. BẮC TRUNG BỘ

1. Đặc điểm khí hậu đất đai

Bắc Trung bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế, kéo dài từ vĩ tuyến 16⁰B đến 21⁰30' vĩ độ Bắc.

Khí hậu ở Bắc Trung bộ nói riêng và Việt Nam nói chung đều nằm trong khí hậu nhiệt đới gió mùa. Đặc trưng chủ yếu của nó là có một nền bức xạ nhiệt độ cao và phân hóa theo mùa rõ rệt (Đặng Ngọc Dinh, 1999). Do trải dài trên 5 vĩ độ bắc, có nhiều kiểu địa hình khác nhau lại bị chia cắt bởi các dãy núi nằm ngang nên khí hậu, thời tiết Bắc Trung bộ rất phức tạp, nó vừa mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh của miền khí hậu phía Bắc, lại vừa mang tính dị thường của miền nhiệt đới gió mùa có mùa mưa ẩm lệch của Đông Trường Sơn. Từ Đèo Ngang (vĩ tuyến $17^{\circ}55' - 18^{\circ}$ bắc) trở ra thuộc miền khí hậu phía bắc, từ Đèo Ngang trở vào đến đảo Hải Vân thuộc miền khí hậu Đông Trường Sơn.

Bảng tóm tắt một số đặc trưng chủ yếu của khí hậu vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh và Bình - Trị - Thiên trong bảng dưới đây:

Đặc trưng	Thanh-Nghệ-Tĩnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh)	Bình-Trị-Thiên (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế)
Nhiệt độ		
- Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	23,6 - 23,9	24,4 - 25,2
- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất ($^{\circ}\text{C}$)	27,9-29,5 (VI - VII)*	29,2 - 29,5 (VI-VII)
- Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất ($^{\circ}\text{C}$)	17,4-18,0 (I)	19,0 - 20,1 (I)
- Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ($^{\circ}\text{C}$)	40,1 - 42,7	39,8 - 42,2
- Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ($^{\circ}\text{C}$)	3,1 - 7,6	7,7 - 9,3
Mưa		
- Lượng mưa trung bình năm (mm)	1746 - 2442	2112 - 2890
- Lượng mưa năm lớn nhất (mm)	2725 - 3605	3110 - 4319
- Lượng mưa năm nhỏ nhất (mm)	987 - 1555	1448 - 1822
- Độ ẩm trung bình năm (%)	85 - 90	85 - 88
Tổng tích ôn cả năm ($^{\circ}\text{C}$)	8000 - 8700 ⁰	8500-9200 ⁰
Số giờ nắng trung bình cả năm (giờ)	1650	1500-1900
Mùa gió bão		
- (Từ tháng - đến tháng)	tháng 7 - 10	9 - 11
- (Nhiều nhất)	tháng 9	9 - 10

* Bị chú: số la mã là ký hiệu tháng trong năm

Có thể tóm tắt những nét đặc trưng của khí hậu 2 vùng này là:

Khí hậu vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh:

- Ở đây không có bốn mùa khí hậu phân chia theo hệ mặt trời mà chỉ có 2 mùa phụ thuộc vào mùa gió, xen giữa hai mùa là hai thời kỳ chuyển tiếp ngắn vào tháng 4 và tháng 10, tháng 11. Mùa Đông ít lạnh hơn so với Bắc Bộ. Nhiệt độ trung bình mùa đông ở đây thường cao hơn miền Bắc xấp xỉ 1°C , tuy nhiên vùng này cũng có lúc nhiệt độ hạ xuống 0°C và một số nơi ở Tây Nghệ An có sương muối. Mùa đông lạnh và là thời kỳ ít mưa.

- Do gió mùa đông bắc thổi qua biển làm tăng hàm lượng ẩm trong gió và do bị chặn lại trên sườn đông của dãy núi sông Mã và Trường Sơn nên mùa đông ở Thanh Nghệ Tĩnh thường xuyên ẩm ướt. Độ ẩm trung bình trong các tháng mùa đông ở mức 85% thuận lợi cho sâu bệnh phát triển. Do đó các cây trồng nói chung và cây ăn quả nói riêng phải chú ý phòng trừ, ngăn ngừa sự lây lan của sâu bệnh vào thời kỳ cuối đông, đầu xuân là mùa ra lộc, ra hoa của phần lớn các giống cây ăn quả trồng trong vườn.

- Đặc điểm quan trọng nữa của vùng này là sự xuất

hiện của thời kỳ khô nóng do gió Tây Nam vào đầu mùa hè. Tình hình khô hạn tăng dần lên trong các tháng tiếp theo. Tháng 7 là tháng nóng nhất và có độ ẩm thấp nhất trong năm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 11, đỉnh cao là vào tháng 9.

Khí hậu vùng Bình - Trị - Thiên:

Nét đặc trưng của khí hậu vùng này là:

- Mùa mưa ẩm bắt đầu từ giữa mùa hè tháng 8 và kéo dài đến tháng 12, tháng 1 lệch pha hẳn với khí hậu chung toàn bán đảo Đông Dương - Hai tháng mưa lớn là tháng 10, 11, tổng lượng mưa 2 tháng này gộp lại bằng 45% lượng mưa toàn năm. Mưa to gây ra úng, lụt, có ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển và năng suất cây ăn quả (rụng quả, thối rễ, chết cây).

Mùa ít mưa là từ tháng 2 đến tháng 8, tuy nhiên lượng mưa ở thời kỳ này cũng dao động trong khoảng 60 - 80 mm/tháng. Hai tháng mưa nhiều nhất là tháng 10, 11 lượng mưa từng năm cũng chênh lệch so với giá trị trung bình nhiều năm ($\pm 100\text{mm}$).

- Thời tiết khô nóng đặc biệt vào mùa hè, trong khi đó hầu như ở nhiều tỉnh trên đất nước ta đã bước vào mùa mưa.

Đất đai

Theo “Đất Việt Nam”, bản chú giải bản đồ đất tỉ lệ 1: 1.000.000 Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1996 thì ở các tỉnh Bắc Trung bộ có 11 loại đất chính dưới đây:

- (1) Đất cồn cát trắng vàng (Luvic Arenosols)
- (2) Đất cát biển (Haplic Arenosols)
- (3) Đất mặn sú vẹt đước (Gleyi Salic Fluvisols)
- (4) Đất mặn nhiều (Haplic Salic Fluvisols)
- (5) Đất mặn trung bình và mặn ít (Mollic Salic Fluvisols)
- (6) Đất phù sa chua (Dystric Fluvisols)
- (7) Đất lầy (Umbric Gleysols)
- (8) Đất nâu đỏ (Rhodic Ferrasols).

Ở Bắc Trung bộ đất nâu đỏ phân bố tập trung tại các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị. Chúng thường phát triển trên đá bazan và đá vôi. Đất nâu đỏ phát triển trên đá bazan là loại đất quý ở nước ta, thường có tầng phong hoá dày, màu đỏ thẫm, cấu trúc hạt to, độ tơi xốp cao. Nhiều loại cây ăn quả đã sinh trưởng phát triển và có năng suất cao trên đất bazan như cam quýt ở vùng Phú

Quỳ, Quỳ Hợp ở Nghệ An, bơ, mít, chuối ở Quảng Trị...

(9) Đất nâu vàng (Xanthic Ferrasols). Đây là loại đất phân bố khá tập trung tại các tỉnh Bắc Trung bộ. Đất phát triển chủ yếu trên sản phẩm phong hoá của macmabazơ và trung tính, đá vôi, bazan hình thành trong điều kiện nhiệt đới ẩm, mưa nhiều. Vì tầng đất không dày, độ phì không cao nên cần coi trọng việc bảo vệ đất, chống xói mòn để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

(10) Đất mùn vàng đỏ trên núi (Humic Ferrasols). Loại đất này nằm ở vùng núi, độ cao 700 - 900 m, nhiệt độ bình quân 20⁰C, ẩm nhiều. Đây là loại đất ferralit phát triển trên đá macma bazơ trung tính và đá vôi có tầng mặt màu xám đen, tơi xốp giàu mùn.

(11) Đất bị xói mòn mạnh trở sỏi đá (Lithic Reptosols).

2. Cây ăn quả ở Bắc Trung bộ

Nằm ở vùng giữa của 2 miền Nam Bắc, cây ăn quả các tỉnh Bắc Trung bộ rất phong phú và đa dạng bao gồm:

- Cây ăn quả nhiệt đới: chuối, dứa, mít, xoài, hồng xiêm, na, đu đủ, táo ta, chanh, bưởi, giòi, khế, măng cụt, sầu riêng, dưa hấu, ổi, vải, dâu gia, chôm chôm, me...

- Cây ăn quả á nhiệt đới: nhãn, vải, cam, hồng, bơ...

Trong vùng trước đây (1960 - 1990) ở 2 tỉnh Nghệ An - Thanh Hoá nhiều nông trường đã có các giống cam Xã Đoài, Vân Du, Sông Con và có năm đã xuất khẩu được 10.000 tấn cam.

Các giống cây ăn quả có tiếng như bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh), bưởi Thanh Trà, quýt Hương Cẩn, măng cụt ở Hương Long. Vườn măng cụt của Ông Võ Văn Khôi ở Hương Long - thành phố Huế có 57 cây trên 50 tuổi, ở Huế ra hoa vào tháng 8 - 9, thu hoạch quả vào dịp Tết Nguyên đán (tháng 12 - 1) khác với Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch từ tháng 5 - 9, Hương hồ (ở huyện Hương Trà)... ở tỉnh Thừa Thiên Huế đều là những đặc sản cây ăn quả của các tỉnh Bắc Trung bộ.

3. Những loại cây ăn quả đặc sản trong vùng có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu

- Các giống cam: Xã đoài, Vân du, Sông con, Valencia.

- Các giống bưởi: Phúc Trạch, Luận Văn (Thanh Hoá), Thành Trà (Thừa Thiên - Huế).

- Các giống dưa: dưa tây (dưa hoa Phú Thọ), dưa Cayen Phú Thọ, dưa Cayen Trung Quốc.
- Các giống xoài: GL1, GL2, GL6.
- Mãng cụt: Thừa Thiên Huế.
- Mít giai.
- Vải thiều và các giống vải sớm: Bình Khê, Hùng Long, Yên Hưng, Yên Phú, Phúc Hoà (U hồng).
- Nhãn lông, nhãn Hương Chi, nhãn chín muộn Hà Tây.
- Khế Huế (còn gọi là khế vàng).

Trong cải tạo vườn tạp chú ý chọn những giống được người tiêu dùng ưa chuộng, bán được giá cao, có chất lượng thơm ngon và thích nghi được với điều kiện khí hậu, đất đai và tập quán canh tác của địa phương, dễ tác động kỹ thuật điều khiển ra hoa trái vụ.

V. DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

1. Đặc điểm khí hậu, đất đai

Vùng duyên hải Nam Trung bộ gồm: thành phố Đà Nẵng và 7 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Nhiệt độ trung bình $26 - 26,5^{\circ}\text{C}$, mùa đông nhiệt độ thấp nhất trung bình $19 - 21,1^{\circ}\text{C}$, thấp nhất tuyệt đối $11,0 - 15,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối cao trung bình $30,8 - 34,7^{\circ}\text{C}$; cao nhất tuyệt đối $36,2 - 42,1^{\circ}\text{C}$. Tổng tích nhiệt $9500 - 9700^{\circ}\text{C}$, Nam Trung bộ là vùng nhiều nắng nhất toàn quốc $2000 - 2400$ giờ/năm. Lượng mưa $750 - 2195$ mm/năm, thấp nhất ở Phan Rang (Ninh Thuận, cao nhất ở Quảng Ngãi). Độ ẩm không khí $79 - 97\%$. Ở Quảng Nam, Quảng Ngãi mùa mưa (thời kỳ có lượng mưa trong tháng vượt quá 100 mm) bắt đầu từ tháng 8 kết thúc vào tháng 1. Mưa lớn tập trung chủ yếu trong 2 tháng 10 và 11 ($500 - 600$ mm) 2 tháng kề bên là tháng 9 và tháng 12 lượng mưa kém sút hẳn trung bình độ $250 - 300$ mm, còn 2 tháng đầu và cuối mùa mưa lượng mưa chỉ vào khoảng $100 - 150$ mm/tháng. Mùa ít mưa kéo dài từ tháng 2 đến tháng 7. Tháng ít mưa nhất là tháng 3 hay tháng 6. Chế độ mưa ở Quảng Nam, Quảng Ngãi biến động mạnh trong các năm. Lượng mưa từng năm có thể chênh lệch so với lượng mưa trung bình nhiều năm đến ± 1000 mm.

Ở Bình Định, Phú Yên lượng mưa ít hơn hẳn so với Quảng Nam, Quảng Ngãi, trung bình ở 2 tỉnh này lượng mưa chỉ vào khoảng $1600 - 1700$ mm.

Vùng Duyên Hải Nam Trung bộ tương đối ít bão so

với các vùng ven biển Trung Bộ quá về phía Bắc, mùa bão cũng đến muộn hơn một chút. Tháng nhiều bão nhất là tháng 10, tháng 11.

Tóm lại khí hậu vùng Nam Trung bộ có đặc điểm chủ yếu là ít mưa, ít mây, nhiều nắng; mùa đông không lạnh, chỉ mát hơn mùa hè. Đặc biệt ở Ninh Thuận (Phan Rang) có khí hậu rất khô hạn, với lượng mưa nhỏ kỷ lục toàn quốc.

Đất đai:

Đất cát có diện tích lớn chiếm trên 50% diện tích đất cát toàn quốc, đất xám, đất phù sa của các con sông, đất đỏ, đất có tầng mỏng... Như ở tỉnh Bình Định nhóm đất xám được chia làm 7 đơn vị, trong đó đơn vị đất xám Feralit (Feralit Acrisols) có diện tích lớn nhất là loại đất cơ bản đáp ứng được yêu cầu đất cho trồng xoài có hiệu quả, có tính khả thi cao nhất để phát triển cây xoài ở Bình Định.

2. Cây ăn quả ở vùng duyên hải Nam Trung bộ

Tập đoàn cây ăn quả ở vùng này chủ yếu thuộc nhóm cây ăn quả nhiệt đới: dứa, xoài, mít, đào lộn hột (điều), chuối, dứa, hồng xiêm, dưa hấu, bưởi, nhãn, nho, đu đủ, gioi, nà, lòn bon, dâu rượu, sầu riêng, măng cụt, khế, me, thanh long, ổi, chôm chôm, dứa.

Cây đặc sản của vùng này là lòn bon, thanh long, nho và hiện nay thanh long, nho đã trở thành cây hàng hoá có sản phẩm bán trong nước và xuất khẩu.

Cây ăn quả có mặt trong vùng lâu đời và có tiếng là xoài và dứa, xoài Phú Yên đời nhà Nguyễn là sản phẩm của địa phương dùng để nộp thuế cho triều đình. Dứa Tam Quan (Bình Định) rất nổi tiếng trong cả nước.

Nhờ những tiến bộ về giống mới, kỹ thuật chăm bón, trong vùng đã trồng có kết quả và có hiệu quả kinh tế khi đưa các giống ở nơi khác đến trồng như: sầu riêng Mon thoong, sầu riêng sữa cơm vàng hạt lép (Chín Hoá) trồng ở thị trấn Khánh Sơn (tỉnh Khánh Hoà), ở huyện Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi, chôm chôm Java ở Bình Định, xoài Úc ở Khánh Hoà...

Cụ thể về cây sầu riêng ở thung lũng Ô.Kha huyện Khánh Sơn như sau: chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc 743, phòng kinh tế huyện Khánh Sơn đã đưa 2 giống sầu riêng Mon thoong và sữa cơm vàng hạt lép Bến Tre (Chín Hoá), lấy giống từ Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam về trồng từ năm 1999. Trong số đó đã có 100ha đã cho thu hoạch. Trang trại của anh Đặng Tài Hồ ở thị trấn Tô Hợp nhận về trồng 110 cây, đến nay 80 cây đã cho quả, ước tính bình quân thu 50kg quả/cây, giá bán

thấp nhất cũng được 15.000đ/kg. Tính trừ chi phí phân bón, công chăm sóc 80 cây sầu riêng cũng cho thu được 60 triệu đồng.

3. Cải tạo vườn xoài ở 2 tỉnh Khánh Hoà và Bình Định

Theo tài liệu của Tổng cục Thống kê (2005) đến hết năm 2004 trong vùng Duyên hải Nam Trung bộ hai tỉnh Khánh Hoà và Bình Định có diện tích xoài lớn nhất: Khánh Hoà có 5.236ha, diện tích cho thu hoạch 3.666ha; Bình Định có 1.554ha trong đó 718ha cho thu hoạch. Kết quả điều tra của Ngô Hồng Bình và cộng sự (2003) cho thấy phần lớn các vườn xoài trong 2 tỉnh này đều là vườn tạp năng suất thấp, có hiện tượng cách năm, do đó hiệu quả kinh tế kém. Cần có biện pháp cải tạo.

Đối với cây lòn bon (*Lansium domesticum* Jack), là loại quả đặc sản của tỉnh Quảng Nam, trước đây ở huyện Giăng dọc quốc lộ 14 mọc thành rừng ước khoảng hơn 100ha. Do trồng lòn bon có hiệu quả kinh tế nên trong những năm vừa rồi nông dân có đem về trồng ở vườn đôi ở huyện Tiên Phước, Thăng Bình và Quế Sơn, song số lượng cũng chưa được nhiều. Còn ở huyện Giăng diện tích trồng lòn bon cũng giảm dần. Cây lòn bon có nguy cơ bị tiêu diệt. Cần có biện pháp bảo tồn và phát triển

giống quả quý này, vì gần ta như Thái Lan, Indônêxia có diện tích trồng khá lớn và đã trở thành cây có sản phẩm hàng hoá trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Theo số liệu của B.Aubert, 1987, Thái Lan có 16.800ha lòng bon, sản lượng hàng năm 86.280 tấn, còn Indônêxia năm 1990 có 4430ha và năm 2000 có 9.087ha.

VI. TÂY NGUYÊN

1. Đặc điểm khí hậu đất đai

Vùng Tây Nguyên hiện nay có 5 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng.

Nhiệt độ bình quân $18,3 - 24,2^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ bình quân hàng năm giảm theo quy luật tăng độ cao địa hình.

Nhiệt độ tối cao tuyệt đối $31,5^{\circ}\text{C}$ (Đà Lạt) đến $39,8^{\circ}\text{C}$ (Kon Tum), tối thấp tuyệt đối $-0,6^{\circ}\text{C}$ đến $+9,6^{\circ}\text{C}$. Tổng tích nhiệt độ toàn năm $< 7000^{\circ}\text{C} - 9000^{\circ}\text{C}$, ở độ cao 500 - 800m so mặt biển là $8000 - 8500^{\circ}\text{C}$. Lượng mưa 1820 - 2878mm/năm. Mùa mưa từ tháng 4 - 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3. Ưu điểm nổi bật của khí hậu Tây Nguyên là ôn hoà, mùa hè mát, mùa đông không quá lạnh. Khó khăn cơ bản là có một mùa khô gay gắt và kéo dài dễ có nguy cơ hạn hán nghiêm trọng.

Đất đai:

Tây Nguyên có nhiều nhóm đất và loại đất khác nhau. Phổ biến nhất là đất thuộc nhóm đỏ vàng (feralit) trên các loại đá mẹ khác nhau. Ngoài ra rải rác còn có loại đất xám, đất đen, đất phù sa cũ và mới, đất xói mòn trơ sỏi đá. Riêng về đất đỏ bazan có 1,3 triệu ha, là nơi tập trung diện tích lớn nhất trong cả nước (chiếm 65% đất bazan cả nước). Các giống cây ăn quả sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao trên đất bazan là: bơ, mít, chuối, dứa, sầu riêng, vú sữa, trứng gà (Lêkima), măng cầu xiêm, nhãn, vải, cam quýt, bưởi...

2. Cây ăn quả ở Tây Nguyên

Tập đoàn cây ăn quả Tây Nguyên theo Trần Thế Tục (1980) có 20 họ, 80 loài và 139 giống cây ăn quả phản ánh gần đủ các loài cây ăn quả trong cả nước, nhất là gần như đủ các giống cây ăn quả Nam Bộ - một vùng được ca ngợi là trù phú và đa dạng các loại quả của cả nước.

- Cây ăn quả nhiệt đới có: chuối, dứa, mít, xoài, ổi, dừa, na, đu đủ, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, bưởi, chanh, vú sữa, me, gioi, măng cầu xiêm, khế, lạc tiên...

- Cây ăn quả á nhiệt đới: bơ, cam quýt, vải, nhãn, lựu, hồng, nhót Nhật Bản, vải...

- Cây ăn quả ôn đới: mơ, mận, đào, nho, dâu tây...

Nếu phân chia sự phân bố cây ăn quả theo độ cao ở các tỉnh Tây Nguyên ta sẽ thấy:

- Từ 100m - 500m bao gồm các huyện Ayunpa, An Khê, thành phố Buôn Ma Thuột, M'Đrăk, Lak, Krongpach... Cây ăn quả ở đây gồm có: dừa, xoài, mít, đu đủ, chuối, dứa, na, măng cầu xiêm, vú sữa, trứng gà, cam quýt, bưởi, nhãn, vải, chôm chôm, đào lộn hột, dưa tây, lạc tiên (bách hương hay có nơi gọi là chanh giầy).

- Từ trên 500 - 1000m các thị xã Kontum, Pleiku, Krongpak, Đăkmil, Đăknông, Bảo Lộc, Di Linh, Đức Trọng, Đơn Dương, ở đây có các giống cây ăn quả: bơ, mít, xoài, sầu riêng, dứa, chuối, dưa, trứng gà, vú sữa, hồng xiêm, cam quýt...

- Cao trên 1000m - 1500m: vùng phía Bắc huyện Đăktô, vùng núi Ngọc Linh (đỉnh cao 2598m) Đà Lạt 1500m, ở đây có các cây ăn quả ôn đới như hồng, mận, đào, táo tây, lê, nho, dâu tây, sơn tra (chua chát).

Mặc dù khí hậu, đất đai Tây Nguyên có nhiều thuận lợi để phát triển cây ăn quả song diện tích cây ăn quả toàn vùng còn rất thấp (năm 2004 có 22.134ha chiếm 2,95% diện tích cây ăn quả của cả nước). Tây Nguyên là

vùng sản xuất chuyên canh các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, dâu tằm, loại sản phẩm hàng hoá chiếm tỷ lệ cao trong thu nhập hàng năm của các hộ dân, nên cây ăn quả ở đây được xem như là một cây hỗ trợ có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng hệ sinh thái tổng hợp để cải tạo khí hậu, sử dụng hợp lý đất đai và tham gia vào cơ cấu cây trồng trong vườn để góp phần cải thiện bữa ăn.

Trước mắt cần đẩy mạnh việc cải tạo vườn tạp, song song với việc mở rộng diện tích trồng mới theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay thế những vườn cà phê sinh trưởng kém, năng suất hiệu quả kinh tế thấp.

3. Những loài cây ăn quả thích hợp với khí hậu, đất đai Tây Nguyên và có điều kiện phát triển sản xuất hàng hoá

Cây bơ; sầu riêng; xoài; chôm chôm; vải; dứa Cayen không gai; bưởi; măng cụt; đu đủ; lạc tiên (chanh giấy, bách hương).

Khi quy vùng sản xuất ở từng địa phương phải tính toán đến thị trường, đầu ra của sản phẩm và phải đi kèm công nghệ sau thu hoạch: bảo quản, sơ chế, chế biến thành các sản phẩm theo nhu cầu của từng thị trường.

Khi cải tạo các vườn tạp, cần chú ý chọn các giống chịu hạn, chịu nắng nóng và mùa khô khá dài ở Tây Nguyên.

VII. ĐÔNG NAM BỘ VÀ CÁC TỈNH CỰC NAM TRUNG BỘ

1. Đặc điểm khí hậu đất đai

Vùng Đông Nam bộ bao gồm 8 tỉnh và thành phố sau: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Khí hậu:

Đông Nam bộ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa mang tính chất cận xích đạo. Lượng bức xạ cao và ổn định, đạt trung bình $140\text{kcal/cm}^2/\text{ngày}$. Số giờ nắng trong ngày trung bình là gần 6 giờ. Nhiệt độ bình quân $26 - 27^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối 40°C , tối thấp tuyệt đối $14 - 15^{\circ}\text{C}$. Tổng nhiệt độ $9500 - 10.000^{\circ}\text{C}$. Số giờ nắng $2000 - 2900$ giờ/năm. Lượng mưa $1800 - 2000\text{mm/năm}$ phân bố không đều theo thời gian và không gian. Khoảng 90% lượng mưa trong năm tập trung vào mùa mưa (tháng 5 đến tháng 11) còn mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Đặc biệt hai tỉnh cực Nam Trung bộ có lượng mưa thấp nhất cả nước. Ở Ninh Thuận lượng mưa trung bình năm 800 - 950mm, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 8. Còn ở Bình Thuận lượng mưa trung bình hàng năm từ 800 - 1500mm. Độ ẩm trung bình 79 - 80%. Mùa mưa từ tháng 5 - 10.

Đất đai:

Theo Giáo sư Phan Liêu (1992) ở Đông Nam Bộ có 8 nhóm đất:

- Đất cát biển
- Đất mặn
- Đất phèn
- Đất phù sa
- Đất xám
- Đất đen
- Đất đỏ vàng
- Đất dốc tụ.

và có 14 loại đất khác nhau: trong đó có khối đất đỏ bazan đỏ sộ 60 vạn ha cộng với đất đen và các loại đất đỏ phù nhiều khác sẽ có diện tích tới 98 vạn ha, đất xám 75

vạn ha, đất dốc tụ và các đất khác ở đồng bằng có thể sản xuất lương thực (30 vạn ha). Vì thế Đông Nam bộ được xem là một vùng lãnh thổ có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân cả nước.

Ở Đông Nam bộ cây ăn quả có thể phát triển tốt ở nhiều loại đất như đất phù sa, đất xám, đất đỏ vàng... ngay cả trên đất phèn được lên lớp đúng kỹ thuật và chăm sóc tốt, cây ăn quả đã phát triển rất tốt ở vườn Lái Thiêu nổi tiếng ở tỉnh Sông Bé cũ (nay thuộc tỉnh Đồng Nai).

2. Cây ăn quả ở các tỉnh Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ

Có thể nói nguồn tài nguyên cây ăn quả nhiệt đới ở Đông Nam bộ rất phong phú và đa dạng bao gồm: chuối, chôm chôm, xoài, sầu riêng, nhãn, mít, bưởi, cam quýt, đu đủ, bơ, dứa, dưa, na, măng cụt, dưa... Phần lớn diện tích vườn ở đây được hình thành lâu đời và có những vùng chuyên canh khá tập trung như: vùng chuyên canh chuối, vùng chuyên canh na (Tây Ninh), chuyên canh sầu riêng ở hai huyện Long Thành và Long Khánh và một số huyện ở tỉnh Bình Dương, chuyên canh chôm chôm ở huyện Thống Nhất, Long Khánh (Đồng Nai), chuyên canh nhãn và với giống nhãn ngon nổi tiếng: nhãn xuống cơm vàng ở Vũng Tàu; chuyên canh

bưởi ở vùng đất phù sa ven sông Đồng Nai ở huyện Vĩnh Cửu; xoài được trồng nhiều trên vùng đất xám, đất đen ở các huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu (tỉnh Đồng Nai).

Các tỉnh cực Nam Trung bộ có vùng nho ở Ninh Thuận và thanh long ở tỉnh Bình Thuận.

3. Những loại cây ăn quả đặc sản trong vùng có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu

- Chuối: chuối già, chuối bom
- Chôm chôm: Java, Rong Riêng
- Sầu riêng: sữa cơm vàng hạt lép, Ri6, Monthong
- Xoài: cát Hoà Lộc, Cát Chu, Thanh Ca, Nam Độc Mai, Khiêu Sa voi, Sok A năn
- Nhãn: tiêu lá bầu, nhãn xuống cơm vàng
- Na: na dai Bà Đen huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Bưởi: bưởi đường lá cam, bưởi Thanh Trà, bưởi đường da láng, bưởi ổi
- Nho: giống nho NH-01-48
- Thanh long: Bình Thuận ruột trắng, Long Định I ruột đỏ

- Mít dứa: 3 dòng mít dứa mang mã số MĐN06H, MBRVT32H, MĐN09H cho năng suất cao, phẩm chất ngon đã được Hội Đồng khoa học Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống tạm thời vào tháng 8/2002.

4. Những điều cần chú ý khi cải tạo vườn tạp ở Đông Nam bộ

Miền Đông Nam bộ và các tỉnh cực Nam Trung bộ chủ yếu là vùng đồi núi: vườn rộng, đất dốc, mùa khô bị hạn nặng thiếu nước, mùa mưa có lượng mưa lớn dễ bị xói mòn. Đất rừng mới phá không còn nhiều do đó độ phì thường thấp mặc dù kết cấu đất đỏ còn tốt. Vì vậy muốn đảm bảo vườn cây ăn quả sau khi cải tạo phát triển tốt cần chú ý cải thiện điều kiện sinh thái trong vườn.

a) Ở các vùng đồi núi quan trọng hơn cả là hạn chế ảnh hưởng của khô hạn kéo dài trong 5 - 6 tháng mùa khô. Vườn nên đặt ở gần nguồn nước, đào giếng ở những nơi tương đối thấp, mực nước ngầm không quá sâu, với những máy bơm nhỏ với hệ thống ống nhựa dẫn nước là thiết bị quan trọng cần có. Tìm thêm những suối, hồ ao mùa khô vẫn còn nước, đắp đập giữ nước làm thủy lợi nhỏ để có thêm nguồn nước dự trữ.

Vào mùa mưa, lượng mưa lớn tập trung vào các tháng 6, 7, 8, 9 cần coi trọng các biện pháp chống xói mòn như không cày bừa làm đất trong mùa mưa, trồng cây phủ đất, tủ gốc, đào rãnh thoát nước để không đọng nước trong vườn vì một số cây như sầu riêng, bơ, chôm chôm, tiêu bị nước úng vài giờ là thối rễ. Mùa mưa độ ẩm đất, độ ẩm không khí cao thuận tiện cho nấm bệnh phát triển có khi gây hại nghiêm trọng như bệnh thối gốc chảy mủ đối với sầu riêng...

b) Vào mùa khô đặc biệt các tháng 2, 3, 4 nắng to, bức xạ quá mạnh trong vườn đặc biệt hầu hết các loại rau, hoa và không ít các loại cây lâu năm như sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, nhãn, tiêu, ca cao, cà phê không chịu được ánh nắng chói chang nhất là khi cây còn nhỏ. Nếu thiếu nước tưới cành lá bị khô, quả non bị rụng, nghiêm trọng hơn còn làm chết cây. Vì vậy phải có cây che bóng, tạo bóng râm che cho cây trong vườn.

Cây bóng râm có thể là cây ăn quả như mít, xoài, đào lộn hột hoặc cây rừng như cây xoan, phi lao, cây nem... có tác dụng hạn chế bức xạ cho cây, bảo vệ mặt đất không cho nắng trực tiếp nung nóng phá hủy mùn, hạ nhiệt độ ở mặt đất, giữ lại hơi nước giảm bốc hơi, tạo nên được một tiểu khí hậu rừng mưa nhiệt đới (Cây có nhiều

tăng, hỗ trợ và che phủ cho nhau, giảm tác hại của khô hạn nắng nóng vào mùa khô và giảm xói mòn vào mùa mưa).

c) Trong quá trình cải tạo vườn tạp phải có biện pháp để làm cho độ phì nhiêu của đất trong vườn ngày một tốt hơn bằng chế độ bón phân hợp lý, kết hợp với các biện pháp canh tác như trồng xen, trồng gối các cây trồng ngắn ngày, tủ gốc, tưới nước, thoát nước, bón phân, bón vôi, bón phân vi sinh... với mục đích tăng tỷ lệ mùn bằng phân hữu cơ, cải thiện độ thông thoáng, giúp các vi sinh vật có ích trong đất hoạt động tốt.

d) Chú ý lập hàng rào chắn gió

Ở Đông Nam bộ và một số tỉnh như Ninh Thuận, Bình Thuận tuy ít có gió to và bão, nhưng với tốc độ gió 2 - 3m/s là đã làm giảm khả năng quang hợp, làm mất hơi nước, do đó có ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây. Vì vậy cần làm hàng rào chắn gió cho vườn cây ăn quả, vừa kết hợp làm cây che bóng cho cây.

VIII. ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Đặc điểm khí hậu đất đai

Khí hậu:

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, khí

hậu đồng bằng sông Cửu Long có những đặc trưng cơ bản là: nắng nhiều, năng lượng bức xạ lớn, nhiệt độ cao đều trong năm, cộng thêm lượng mưa khá, tần suất thiên tai thấp, cụ thể như sau:

Nhiệt độ trung bình hàng năm $26 - 27^{\circ}\text{C}$. Tổng nhiệt độ toàn năm $9500 - 10.000^{\circ}\text{C}$. Lượng mưa trung bình $1300 - 1600\text{mm/năm}$. Mùa mưa từ tháng 5 - 11, mùa khô từ tháng 12 - 4. Độ ẩm không khí trung bình $83 - 85\%$. Đồng bằng sông Cửu Long rất ít bão.

Đất đai:

Theo Viện Quy hoạch và thống kê nông nghiệp bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1:250.000 thì đồng bằng sông Cửu Long có 8 nhóm đất trong đó 3 nhóm đất chiếm hơn 90% đất tự nhiên:

- Đất phèn 1,600 triệu ha chiếm 41,19% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phù sa 1,184 triệu ha chiếm 30,4% diện tích đất tự nhiên.

- Đất mặn 0,744 triệu ha chiếm 19,1% diện tích đất tự nhiên.

Các vùng đất phù sa ở ven sông và giữa sông Tiền,

sông Hậu là vùng sản xuất thâm canh 2 - 3 vụ lúa/năm và các loại cây ăn trái có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh ở đây.

2. Đặc điểm nghề vườn ở Đồng bằng sông Cửu Long

Đã từ lâu có đến hàng trăm năm nay Đồng bằng sông Cửu Long là vừa lúa và vừa cây ăn trái của cả nước. Diện tích trồng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long 261.000ha (2005) chiếm 43,5% diện tích cây ăn quả cả nước với sản lượng khoảng 2,7 triệu tấn bằng 34,8% sản lượng cây ăn quả cả nước.

So với các vùng khác trong nước khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long rất thuận lợi cho cây ăn quả phát triển. Ví dụ như nhiệt độ bình quân hàng năm cao, số giờ nắng nhiều, lượng bức xạ cao, trong năm hầu như không có bão. Hàng năm có hai mùa rõ rệt: mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3, mùa mưa từ tháng 4 - 10 rất phù hợp với yêu cầu sinh trưởng và phát triển đối với phần lớn cây ăn quả nhiệt đới như chuối, mít, dứa, xoài, sầu riêng, măng cụt, vú sữa, đu đủ, dưa hấu, thanh long, na ...

Thực tiễn sản xuất ở vùng này cho thấy cùng một giống cây ăn quả trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long so với Đồng bằng sông Hồng (hay vùng Bắc Trung bộ) cây

ra quả sớm hơn gần 1 năm. Cam sành trồng ở Cần Thơ, Vĩnh Long năm thứ 2 đã cho quả. Trong khi đó ở Bắc Trung bộ hay Đồng bằng sông Hồng năm thứ 3 mới bói quả và năm thứ 4 mới đưa vào kinh doanh. Ở Đồng bằng sông Cửu Long cây bưởi vào thời kỳ cho năng suất cao sớm hơn (từ năm thứ 4 - 5 trở đi) do đó việc sớm thu hồi vốn và vườn cây có lãi sớm hơn. Về mặt phẩm chất thì càng trồng về phía Nam - như trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long quả ngọt hơn, độ chua thấp hơn, đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng trong nước như thích ăn quả ngọt, ít chua (xoài, cam, dưa hấu...).

Đáng chú ý là nghề vườn ở Đồng bằng sông Cửu Long có thể điều khiển cho cây ra hoa và có quả trái vụ không mấy khó khăn đối với nhiều loại cây ăn quả như: cam quýt, sầu riêng, nhãn, chôm chôm, dứa, thanh long... Kết quả đó là do nông dân - các chủ vườn cây ăn trái luôn tìm tòi, sáng tạo, dựa vào kinh nghiệm sản xuất tích lũy được qua nhiều năm của mình kết hợp với những tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật của nghề vườn trong nước và thế giới làm được quả trái vụ có lợi về nhiều mặt như khắc phục được hiện tượng “được mùa rớt giá”, thỏa mãn được nhu cầu của người tiêu dùng và quan trọng hơn hết là mang lại thu nhập cao cho nhà vườn nhờ có quả “vụ nghịch”.

Có thể nói nông dân Đồng bằng sông Cửu Long có kinh nghiệm làm vườn hơn nhiều vùng khác trong nước. Họ biết sử dụng tài nguyên môi trường, đất đai trong vùng để phát triển nghề trồng cây ăn quả, sao cho có lợi nhất, có ý nghĩa về mặt bảo vệ môi trường và giữ được tính bền vững lâu dài trong khi khai thác vườn cây ăn quả của mình.

Thiên nhiên miền Nam đã ban tặng cho cư dân miền Đồng bằng sông Cửu Long những điều kiện thuận lợi như các khu vườn hai bên sông Tiền Giang, Hậu Giang có chế độ nước lên xuống bán nhật triều: 1 lần nước lên, 1 lần nước ròng trong ngày tạo cho đất vườn cây đủ nước và thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ rễ phát triển. Hay đất phù sa tốt trên các cù lao ven sông như cù lao Năm Thôn, cù lao Tân Quy, cù lao Ngũ Hiệp... trên các cù lao này được xem như là thiên đường của cây ăn quả.

Nếu nói về đặc điểm vườn cây Đồng bằng sông Cửu Long sẽ rất thiếu sót nếu không nói đến chủ trương phát triển nông nghiệp - đặc biệt phát triển cây ăn quả của Đảng và Chính phủ, sự quan tâm của Chính quyền các cấp ở Đồng bằng sông Cửu Long như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách tín dụng hỗ trợ tài chính cải tạo

vườn tạp, khuyến nông... và ở vùng này kinh tế thị trường cây ăn quả được hình thành từ rất sớm.

Tuy có những thuận lợi và ưu điểm kể trên song ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng có những mặt tồn tại cần khắc phục như việc trừ một số nông dân có khát vọng làm giàu, tâm lý chung là không muốn đổi thay, an phận, dù sống là được rồi, ở họ rất nhiều người đang thiếu kiến thức về nghề vườn đương đại. Nhất là sản phẩm cây ăn quả của vườn phải sạch, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, ngoài yêu cầu về chất lượng và số lượng.

Bao trùm lên tất cả nhìn về vườn ở Đồng bằng sông Cửu Long đa số vẫn là những vườn tạp. Cần tiếp tục cải tạo.

3. Cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long

Chủng loại chủ yếu của cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là cây ăn quả nhiệt đới bao gồm: chuối, dứa, mít, bưởi, xoài, quýt, sầu riêng, măng cụt, vú sữa, chanh, nhãn, hồng xiêm (sabôché), dưa hấu, gioi, na, me, ổi, sêri, măng cầu xiêm, cóc, dừa, điều (đào lộn hột), dâu gia.

Diện tích toàn vùng khoảng 261.000ha, sản lượng năm khoảng 2,7 triệu tấn chiếm 34,8% diện tích cây ăn

quả cả nước và 43,5% sản lượng cây ăn trái toàn quốc. Sản phẩm cây ăn quả của Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là nội tiêu đặc biệt cho các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Hà Nội... và khoảng 10% để xuất khẩu.

Diện tích cây ăn quả Đồng bằng sông Cửu Long tuy lớn, hàng năm bình quân tăng 6 - 7%, nhưng vẫn còn nhiều vườn tạp (khoảng 50%).

4. Những giống cây ăn quả tiêu biểu: là đặc sản của vùng có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Khi cải tạo vườn tạp tùy theo điều kiện khí hậu, đất đai, tình hình kinh tế xã hội của địa phương để chọn các giống thích hợp:

- Xoài cát Hoà Lộc (Tiền Giang)
- Bưởi Năm Roi (Vĩnh Long), bưởi Da xanh (Bến Tre)
- Sầu riêng: Ri6 (Vĩnh Long), sữa cơm vàng hạt lép Chín Hoá (Bến Tre)
- Mãng cụt (Bến Tre, Sóc Trăng)
- Vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim (Tiền Giang)
- Thanh Long chợ gạo (Tiền Giang), Thanh long ruột đỏ Long Định I

- Sori gò công (Tiền Giang).

Theo Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam (SOFRI) Đồng bằng sông Cửu Long có 9 loại giống cây ăn quả đặc sản được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá cao và đưa vào “Dự án nâng cao chất lượng vườn cây ăn trái đặc sản” theo hướng hỗ trợ nông dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc và quy trình bảo quản trái cây sau thu hoạch theo tiêu chuẩn GAP, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Đó là các giống cây ăn quả của các địa phương dưới đây:

- Bưởi Da xanh, măng cụt, sầu riêng, sữa cơm vàng hạt lép và cam sành tỉnh Bến Tre

- Bưởi Năm Roi, sầu riêng Ri6 tỉnh Vĩnh Long

- Xoài cát Hoà Lộc, Vú sữa Lò rèn và Thanh long tỉnh Tiền Giang

Hiện tại 9 loại giống trái cây này ở Đồng bằng sông Cửu Long có 55.000ha. Sản lượng bình quân 360.000 tấn/năm. Mục tiêu đến năm 2010 toàn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 80.000ha và sản lượng 9 cây ăn quả đặc sản này khoảng trên 590.000 tấn/năm.

CHỌN GIỐNG CÂY ĂN QUẢ CHO TỪNG VÙNG SINH THÁI

1. CHỌN CÂY ĂN QUẢ THÍCH HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU

Căn cứ vào điều kiện khí hậu ở nước ta có thể chia cây ăn quả thành các nhóm sau:

A. NHÓM CÂY ĂN QUẢ NHIỆT ĐỚI

1. Nhóm cây ăn quả nhiệt đới thích nghi rộng

Chuối, dứa, mít, táo ta, ổi, hồng xiêm (sabôchê), trứng gà, na (mãng cầu), gai.

Các loại cây ăn quả trên có thể trồng được ở cả 3 miền Trung, Nam, Bắc, trừ vùng núi cao có mùa đông lạnh.

2. Cây ăn quả nhiệt đới thích nghi hẹp

Xoài, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, vú sữa, măng cầu xiêm.

Những cây này phân bố chủ yếu ở Nam Bộ, cây xoài trồng cho năng suất cao ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu

Long và Đông Nam bộ, các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ như Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định. Ở miền Bắc có một số vùng có tiểu khí hậu đặc biệt như mùa đông không lạnh, mùa xuân khô và ẩm như Yên Châu (Sơn La), Yên Minh (Hà Giang), Tương Dương (Nghệ An), Hướng Hoá (Quảng Trị)... trồng xoài đều cho quả tốt, nhưng do thiếu nước nên quả thường nhỏ và năng suất không cao bằng trồng xoài ở các tỉnh ven sông Tiền và sông Hậu ở đồng bằng sông Cửu Long.

Dừa cũng là cây ăn quả thuộc nhóm nhiệt đới trồng ở vùng ven biển từ Thanh Hoá đến Cà Mau, trong đó thích hợp nhất là các tỉnh từ vùng duyên hải Nam Trung bộ (tỉnh Bình Định) trở vào.

B. NHÓM CÂY ĂN QUẢ Á NHIỆT ĐỚI THÍCH NGHI RỘNG

1. Cây ăn quả á nhiệt đới thích nghi rộng

Cam quýt, chanh, bưởi, vải, nhãn...

Những loại này trồng được cả miền Bắc và miền Nam.

Tuy nhiên trồng ở miền Bắc thường thích hợp hơn. Vào mùa chín mã quả đẹp hơn, ăn ngọt và thơm hơn nhất là đối với cam quýt, vải, nhãn.

Với bưởi có thể nói biên độ sinh thái của bưởi khá

rộng, ở nước ta vùng nào cũng trồng được bưởi và có những giống ngon nổi tiếng như:

- Bưởi da xanh ở Bến Tre
- Bưởi Năm Roi ở huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
- Bưởi Phúc Trạch ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Bưởi Diễn ở huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Bưởi Thanh Trà ở Thừa Thiên Huế
- Bưởi đường lá cam ở huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Bưởi Sửu, bưởi Bằng Luân ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
- Bưởi Long Cổ cò ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Do được người tiêu dùng ưa chuộng, có thị trường trong nước và xuất khẩu bưởi Năm roi, Da xanh không chỉ phát triển ở nơi xuất xứ mà hiện nay đang được trồng rộng rãi ở nhiều tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ, bưởi Phúc Trạch trồng và cho quả tốt, có chất lượng ở Quảng Bình, bưởi Diễn ngoài Từ Liêm - Hà Nội, Hà Tây đang phát triển mạnh bưởi Diễn ở các huyện Chương Mỹ, Quốc Oai.

Riêng cây nhãn là loại cây ăn quả có diện tích lớn, đứng đầu trong các loại quả hiện nay ở nước ta. Ở miền

Bắc có nhãn lồng Hưng Yên, nhãn Hương Chi, nhãn chín muộn Hà Tây, ở miền Nam có nhãn tiêu da bò, nhãn xuống cơm vàng ở Vũng Tàu, mùa nhãn chín ở 2 miền lệch nhau, cộng thêm tiến bộ kỹ thuật cho nhãn ra hoa trái vụ, nên thời vụ thu hoạch kéo dài hầu như quanh năm.

Với cây vải trước đây có giống vải thiều Thanh Hà trồng ở Thanh Hà tỉnh Hải Dương và ở Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang, bây giờ nhiều tỉnh ở miền Bắc đều có trồng vải thiều. Vải thiều trồng và ra quả tốt ở Quảng Bình, đặc biệt ở Đăk Lăk và Đăk Nông mấy năm gần đây vải thiều cho thu nhập cao trồng vườn hộ trồng thuần hoặc trồng xen trong cà phê. Vải trồng ở Đăk Lăk chín sớm hơn vải miền Bắc từ 2 - 3 tuần đến 1 tháng.

2. Cây ăn quả gốc á nhiệt đới thích nghi hẹp

Đại diện có cây bơ (*Persea americana* Mill) trồng khá thích hợp ở Đăk Lăk ở vùng Tây Nguyên nơi có khí hậu nhiệt đới núi cao. Ở miền Trung cây bơ phát triển và cho nhiều quả ở Khe Sanh, huyện Hướng Hoá - Quảng Trị.

C. NHÓM CÂY ĂN QUẢ ÔN ĐỚI

Gồm các loại cây ăn quả như lê, đào, mận, mơ, táo tây, hạt dẻ, dâu tây, kiwi... Những loại cây ăn quả này hàng

năm yêu cầu có một thời gian lạnh nhất định để cây phân hoá mầm hoa, ra hoa và đậu quả. Nhu cầu về độ lạnh mà cây yêu cầu gọi là đơn vị lạnh CU (Chilling Units), tính theo công thức của Alan George và Bob.Nissen, 1998 được dựa trên nhiệt độ bình quân cao nhất và thấp nhất của tháng lạnh nhất trong năm. Đối với các giống cùng chủng loại cây ăn quả, đơn vị lạnh CU là đặc tính của giống, giống có yêu cầu đơn vị lạnh CU thấp có thời gian từ khi ra hoa đến thu hoạch ngắn (giống chín sớm), giống có yêu cầu đơn vị lạnh CU cao thời gian từ ra hoa đến thu hoạch sẽ kéo dài (giống chín muộn).

Cây ăn quả ôn đới ở nước ta nói chung chỉ có thể trồng được ở vùng núi có độ cao từ 600m trở lên 1500m so với mực nước biển. Giống mận Tam hoa trồng ở Mộc Châu (Sơn La) và Bắc Hà (Lào Cai) là 2 vùng có sản lượng mận lớn thuộc loại cây ăn quả ôn đới có yêu cầu độ lạnh thấp (ở Mộc Châu tính được 281,3 đơn vị lạnh CU, còn ở Bắc Hà là 321,7 đơn vị lạnh CU).

Với giống đào chín sớm ĐCS1 (Early grande) có nguồn gốc từ bang Texas - Mỹ, nhập vào nước ta năm 1997, trồng thử nghiệm tại Mộc Châu (Sơn La) và Sa pa (Lào Cai) do Viện Bảo vệ thực vật tuyển chọn đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận

giống tạm thời là giống có nhu cầu độ lạnh thấp (150CU) ra hoa giữa tháng 1 thu hoạch cuối tháng 4, sớm hơn các giống địa phương 2 tháng.

Quả màu đỏ hồng hấp dẫn, thịt quả màu vàng, khối lượng trung bình 80 - 100g/quả do chín sớm nên bán rất được giá.

II. CHỌN CÂY ĂN QUẢ THÍCH HỢP VỚI TỪNG LOẠI ĐẤT

Ông bà ta xưa có câu: “Đất nào cây ấy” có nghĩa là cần phải chọn những giống cây trồng phù hợp với từng loại đất.

1. Cây ăn quả yêu cầu có đất tốt

Cam, quýt, bưởi, chuối tiêu... thích hợp nhất là trồng trên đất phù sa màu mỡ ven sông, có độ ẩm đất tốt. Đây là những loại cây đòi hỏi thâm canh cao.

2. Độ phì của đất vào loại trung bình

Đất nào cũng trồng được miễn là phải làm đất, đào hố, bón phân lót bằng phân hữu cơ và chăm sóc cây con khi mới trồng cho tốt. Đa số các giống cây ăn quả như vải, nhãn, hồng xiêm, na, mít, ổi... đều có thể trồng trên loại đất này.

3. Cây ăn quả chịu được đất xấu

Mít, dứa, táo gai, đào lộn hột (cây điều). Có thể trồng được trên những loại đất kém màu mỡ ở vùng gò đồi ở những độ dốc dưới 15⁰C.

4. Cây ăn quả có khả năng thích ứng với một số loại đất hoặc khí hậu đặc biệt

a) Cây ăn quả chịu mặn: dừa là loại cây ăn quả sinh trưởng phát triển ở vùng ven biển có ảnh hưởng nước mặn hoặc nước lợ.

b) Cây ăn quả chịu đất phèn: ở vùng đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đồng Tháp Mười mới lên lớp cây đầu tiên phải là cây dứa, rồi đến măng cầu xiêm ghép lên gốc ghép là bình bát. Qua quá trình chăm sóc và cải tạo đất sau đó mới trồng các cây ăn quả khác như xoài, gioi, ổi...

c) Cây ăn quả chịu hạn: dứa, mít, hồng xiêm, vải, me.

d) Cây ăn quả sợ úng nước, kém chịu hạn: đu đủ.

e) Cây ăn quả ưa đất có kết cấu tốt, độ ẩm đất cao: chuối, gioi, khế, ổi, hồng xiêm, táo ta thích hợp trồng ở vùng đất bằng nơi có mực nước ngầm tương đối cao.

Cây mơ, cây đào đều ưa đất có độ ẩm cao vùng khe núi.

Khi cải tạo vườn tạp, xây dựng lại vườn quả phải căn cứ vào điều kiện khí hậu, đất đai để bố trí chủng loại cây ăn quả cho phù hợp với cơ cấu giống cây ăn quả trong vườn, cần ưu tiên chọn các giống sẵn có ở địa phương hay vùng mình vì các giống này đã khá thích nghi với điều kiện khí hậu đất đai tại chỗ. Nếu muốn nhập nội các giống ở vùng khác, ở nước khác vào thì tốt nhất là phải trồng thử nghiệm với quy mô nhỏ (hoặc số lượng nhỏ một số cây) qua một số năm theo dõi thấy cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao, chất lượng tốt, ổn định lúc ấy mới nên mở rộng dần diện tích trồng.

Nếu diện tích vườn tương đối rộng nên phối hợp các loại cây và các giống cây có thời gian chín sớm muộn khác nhau để kéo dài thời gian thu hoạch, cung cấp quả tươi cho thị trường và bán được giá.

Nếu vườn quả nằm trong vùng quy hoạch của một giống cây ăn quả nào đó (ví dụ bưởi da xanh, bưởi Phúc Trạch, bưởi Diễn... chẳng hạn) thì nên trồng tập trung loại giống đó để tạo ra sản lượng hàng hoá lớn trong vùng, có giá trị kinh tế cao đáp ứng nhu cầu chế biến và xuất khẩu, thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của vườn nhà và tăng thu nhập.

NHỮNG VIỆC CẦN CHÚ Ý KHI CẢI TẠO VƯỜN TẠP

Phải thấy rằng việc cải tạo vườn tạp không phải là việc dễ làm và chỉ làm trong một thời gian ngắn là xong. Trong những năm qua ở nhiều địa phương có phong trào cải tạo vườn tạp nhưng không ít nơi làm ồ ạt, ít chú ý đến cải tiến chất lượng và cơ cấu cây trồng trong vườn, cải tạo bồi dưỡng độ màu mỡ đất vườn và cải tiến kỹ thuật ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới đối với vườn cây nên hiệu quả không tăng được bao nhiêu, thậm chí có nơi từ một dạng vườn tạp này lại chuyển thành một dạng vườn tạp khác và gây thất thu nghiêm trọng trong nhiều năm sau khi có chương trình “cải tạo”.

Vì vậy để làm tốt công tác cải tạo vườn tạp cần:

1. Phân tích đánh giá hiện trạng

Phân tích đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển năng suất của vườn cây. Chú ý đến từng loại giống trong vườn. Phân tích đặc điểm khí hậu, đất đai, nguồn nước, phân bón, các loại sâu bệnh hại có ảnh hưởng đến sinh

trường và phát triển của cây.

Nguyên nhân và các yếu tố chính có ảnh hưởng đến năng suất thấp chất lượng kém của vườn cây.

Về mặt chủ quan cần xem xét đến các yếu tố kỹ thuật, thông tin thị trường và những hiểu biết có liên quan giá cả, sức tiêu thụ của thị trường (gần và xa) đối với sản phẩm của vườn. Nguyên nhân chủ yếu khiến thu nhập của vườn cây thấp.

2. Xây dựng kế hoạch cải tạo vườn tạp

Căn cứ vào kết quả phân tích hiện trạng, những nguyên nhân yếu kém trong sản xuất, kinh doanh vườn để đề ra mục tiêu tu bổ và cải tạo vườn. Xác định được nội dung, tiến độ và những công việc cần làm để đạt các mục tiêu đề ra, tính toán cân đối lao động, vật tư chi phí cho sản xuất để đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn trước khi cải tạo vườn tạp.

Xây dựng kế hoạch cải tạo vườn tạp gồm:

- Cải tạo cơ cấu cây trồng trong vườn
- Cải tạo giống cây ăn quả
- Cải tạo đất vườn và hệ thống tưới tiêu
- Cải tiến kỹ thuật canh tác.

2.1. Cải tạo cơ cấu cây trồng trong vườn

Trong vườn tạp thường thấy có nhiều loại cây bao gồm cây ăn quả, cây làm nghề, cây lương thực, thực phẩm, cây làm thuốc, cây gia dụng (như mây, tre, lá cọ...) trong đó thường gặp nhất là cây ăn quả, nhiều nơi cây ăn quả chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu vườn cây. Tuy có số lượng cây lớn song cũng không thuần loại. Ví dụ: trong vườn có cam, bưởi, lại có cả ổi, chuối, nhãn, chanh, gai... ở mỗi vùng có một tập hợp cây khác nhau, và ngay trong một vùng, các hộ gia đình cũng có cơ cấu cây ăn quả trong vườn khác nhau.

Trồng cây ăn quả muốn có năng suất cao, phẩm chất quả tốt kéo dài chu kỳ kinh tế của cây, cần áp dụng đúng kỹ thuật của từng loại cây. Không những thế mỗi giống cây có những đòi hỏi riêng. Có đáp ứng các đòi hỏi riêng đó giống cây mới phát huy đầy đủ các đặc tính tốt của nó, mang lại lợi ích thiết thực cho chủ vườn. Trồng nhiều chủng loại cây ăn quả trên một vườn thì không sao đáp ứng được các yêu cầu nói trên và việc cần thiết cấp bách là phải có một cơ cấu cây ăn quả trong vườn hợp lý thay thế tập hợp cây trồng hỗn tạp cũ bằng một hệ sinh thái mới đảm bảo phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao.

Việc này không thể phát quang, chặt trắng thay thế nhóm cây mới vào mà phải thay thế dần từng bước, tránh việc làm biến đổi môi trường sinh thái đột ngột, không những bất lợi cho cây mà ngay cả môi trường sống cho người cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Phải xác định chủng loại cây ăn quả trong vườn là loại gì?

Nếu trong vườn có nhiều chủng loại cây ăn quả thì việc loại bỏ bớt, chọn một loại cây ăn quả chủ lực với diện tích vườn hẹp, nếu vườn rộng thì có thể chọn 2 cây chủ lực là cần thiết. Tiêu chuẩn để xác định và phát triển thành công về mặt thương mại là phải:

- Sản phẩm được người tiêu dùng ưa thích là đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, có mùi vị thơm ngon, dễ ăn như dễ bóc vỏ, tách múi khi ăn không dính tay hoặc không hạt...

- Có khả năng thích ứng với môi trường sinh thái. Ví dụ: phù hợp với khí hậu thời tiết, đất đai, địa hình. Ở đây cây có thể phát triển thuận lợi cho năng suất cao, thơm ngon, trồng sớm có quả, dễ chăm sóc và quản lý vườn cây.

- Khả năng cho lợi nhuận khá và ổn định. Ví dụ: yêu cầu đầu tư vừa phải, cho thu hồi vốn sớm, có thể trồng

xen thêm các cây khác để tăng thêm thu nhập. Có khả năng cạnh tranh với các cây ăn quả khác trong vùng và cạnh tranh với trái cây cùng loại ở các vùng khác và trái cây nhập khẩu.

- Cần làm rõ là sản xuất để tiêu thụ quả tươi hay dùng làm nguyên liệu để chế biến. Nếu để ăn tươi, quả phải vận chuyển đi xa nơi sản xuất thì nên chọn giống có vỏ dày... Nếu để chế biến thì sản phẩm phải phù hợp với yêu cầu làm nguyên liệu. Ví dụ: để làm nước ép cam thì phải chọn trồng giống cam không hạt...

Ngoài việc chọn được giống cây ăn quả chủ lực ra cần có thêm các cây ăn quả bổ trợ khác tạo cho vườn cây có nhiều tầng tán: cao, trung bình và thấp, mô phỏng cấu trúc vườn rừng nhiệt đới như vườn ở Lái Thiêu (Bình Dương) để tận dụng tối đa năng lượng mặt trời và để cải thiện môi trường sinh thái nhất là những vùng có điều kiện khí hậu khắc nghiệt như nắng nóng, gió Lào ở miền Trung, Tây Nguyên, vùng khô hạn ở các tỉnh Cực Nam Trung bộ...

2.2. Cải tạo giống cây ăn quả

Các giống cây ăn quả trồng trong vườn hộ gia đình phần lớn không được chọn lọc trong đó có số cây mua

của người đi bán dạo, số nữa là do các dự án cung cấp... Nguồn giống đó có cây gieo từ hạt, có cây là do chiết cành và một số ít những năm sau này nhân giống bằng phương pháp ghép.

Từ nguồn giống ban đầu như vậy nên tình hình sinh trưởng phát triển ra hoa đậu quả của cây trong vườn rất không đồng nhất. Chất lượng quả trong vườn rất kém, thời vụ thu hoạch sớm muộn rất khác nhau. Yêu cầu cấp thiết là phải cải tạo giống.

Đã có những mô hình thành công khi ghép cải tạo giống cũ bằng những giống mới đối với xoài, vải, nhãn, hồng...

Ví dụ: ghép cải tạo vườn xoài các giống cũ tạp trong vườn ở Yên Châu (Sơn La), Yên Minh (Hà Giang), Hướng Hoá (Quảng Trị), Tuy Phước (Bình Định)... bằng giống xoài GL6.

Ghép giống vải chín sớm Bình Khê, Yên Hưng lên giống vải thiều ở Lục Ngạn (Bắc Giang) ở Đông Triều (Quảng Ninh) để có quả chín sớm bán được giá hơn so với giống vải thiều chín chính vụ.

Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đã chọn giống bưởi Da Xanh thay thế cho các giống bưởi

trông trước đây ở trong vườn gia đình vì bưởi Da Xanh có phẩm chất ngon: tép và múi khô, giòn, ngọt, độ chua ngọt rất thích hợp với người tiêu dùng, lại ít hạt hoặc không hạt, không những để tiêu thụ nội địa mà còn xuất khẩu.

Đây là giống bưởi ngon có nguồn gốc ở Bến Tre, mới được phát hiện và chọn lọc mấy năm gần đây, nhưng diện tích trồng mở rộng rất nhanh. Không những ở Đồng bằng sông Cửu Long mà còn ở miền Đông Nam bộ và đã trồng thử ở miền Trung cây sinh trưởng và phát triển khá tốt, có nhiều triển vọng.

Như vậy rõ ràng yêu cầu và thị hiếu tiêu dùng của thị trường cũng có tác động trong việc cải tạo giống trồng của nhà vườn.

Đáng chú ý là trong hơn 5 năm qua các Viện Nghiên cứu các trạm Trại ở địa phương đã chọn tạo được nhiều giống mới có năng suất cao, mã quả đẹp, thơm ngon hơn về chất lượng, trong số đó có những giống chín sớm hơn hoặc chín muộn hơn giống địa phương đang trồng được nhà vườn các nơi đón nhận, những giống mới này đang dần dần thay thế các giống cũ (*Xem Phần phụ lục*).

2.3. Cải tạo đất vườn và hệ thống tưới tiêu

Nhìn chung các vườn tạp đất thường không được bồi bổ cải tạo. Hàng năm lượng phân hữu cơ bón cho cây rất thiếu, phân vô cơ vừa thiếu vừa bón không hợp lý, thiếu vôi và lân để cải tạo độ chua của đất, thiếu các nguyên tố vi lượng khiến hệ vi sinh vật có ích trong đất hoạt động khó khăn, trong khi đó vườn cây tuổi ngày càng lớn, sản lượng quả ngày một tăng. Do đó sản sinh nhiều mâu thuẫn. Hậu quả là vườn cây ngày một già cỗi, suy thoái.

Ở các vườn tạp hệ thống tưới tiêu cũng không được hoàn chỉnh. Về mùa nắng, khô hạn cây thiếu nước dẫn đến rụng hoa, rụng quả, về mùa mưa phần lớn vườn lại bị úng, việc thoát và tiêu nước trong vườn rất khó khăn, độ ẩm trong đất và không khí cao thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh nguy hiểm hoạt động gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh trưởng phát triển và năng suất của cây trong vườn, thậm chí gây chết cây.

Các vườn quả ở ven sông, mùa mưa gây ngập lụt, có năm lụt to, vườn ngập lâu đã gây thiệt hại nặng cho cả một vùng. Do vậy việc thiết kế quy hoạch tưới tiêu cho vườn cây hết sức quan trọng. Như ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đã hợp sức cùng với Nhà nước làm đê bao để chống lụt cho vườn cây ăn quả, mặt khác để chống úng, nông dân còn đào mương lên líp và đắp

mô để trồng cây. Kỹ thuật này cũng thường gặp ở những vùng trũng thấp ở các vườn cây ăn quả ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Để cải tạo vườn tạp thành công, cần chú ý cải tạo đất, sử dụng hợp lý nguồn phân bón và hệ thống tưới tiêu nước... là những yếu tố rất quan trọng.

Cần tăng cường bón phân hữu cơ để cải tạo đất vườn. Đối với đất cát khả năng giữ nước, giữ chất màu kém dễ bị nén chặt, ngoài phân hữu cơ cần đưa thêm bùn ao, đất phù sa vào bón cho cây; với loại đất thịt nặng cần chú ý bón phân hữu cơ, thêm cát pha, bón thêm vôi và lân cho đất đỡ bí và tơi xốp. Với đất gò đồi chua, độ mùn kém ngoài việc bón thêm phân hữu cơ cần bón thêm vôi và lân để cải thiện độ pH đất, tạo điều kiện cho các vi sinh vật có ích hoạt động. Ở đất đồi việc vận chuyển phân hữu cơ đến bón cho cây có nhiều khó khăn, giải pháp tích cực là trồng xen các cây họ đậu, cây phân xanh để có nguồn nguyên liệu ủ phân tại chỗ cũng là một giải pháp tốt để giải quyết nguồn phân hữu cơ cho vườn cây.

2.4. Cải tiến kỹ thuật canh tác, làm đúng theo quy trình kỹ thuật chăm sóc cho từng loại cây ăn quả đã được Cục Khuyến nông và Khuyến lâm ban hành

Cùng với việc sử dụng giống tốt, sạch bệnh, cần chú ý cải tiến kỹ thuật canh tác phù hợp với từng giống cây ăn quả từ làm đất, đào hố, bố trí mật độ khoảng cách, kỹ thuật trồng cây và chăm sóc cây ở các thời kỳ tuổi, từ việc bón phân, tưới nước, tạo hình tán cành, phòng trừ sâu bệnh đến việc trồng xen, trồng gối, thu hoạch và bảo quản sản phẩm. Cho đến nay về cơ bản đã có tài liệu hướng dẫn đối với từng loại cây ăn quả.

Tất nhiên, nội dung quy trình kỹ thuật là viết chung cho một loại cây ăn quả nào đó ở một vùng sản xuất tương đối rộng. Chủ vườn cần căn cứ vào điều kiện khí hậu đất đai, tập quán canh tác, yêu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng... của từng địa phương để điều chỉnh cho phù hợp. Nghề vườn đòi hỏi thâm canh cao độ và toàn diện, tận dụng mọi điều kiện và phương tiện sản xuất với hiệu suất cao.

CẢI TẠO VƯỜN XOÀI

A. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẢI TẠO VƯỜN XOÀI NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG THẤP

1. Thực trạng vườn xoài năng suất và chất lượng thấp

Qua khảo sát vườn xoài cơ sở các tỉnh miền Bắc (huyện Yên Châu, Mai Sơn, tỉnh Sơn La; huyện Thủy Nguyên, Kiến Thụy của Hải Phòng; huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang; huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An; huyện Hướng Hoá tỉnh Quảng Trị) và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (huyện Hoài Ân, Tuy Phước tỉnh Bình Định; Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa) thấy rằng: đa số là những vườn tạp năng suất, chất lượng thấp, hiệu quả kinh tế đem lại cho các chủ vườn không cao.

Thực trạng vườn xoài chất lượng thấp ở các vùng đều có chung một số điểm như sau:

- Giống xoài trồng các vườn hộ gia đình không được chọn lọc. Đa số các giống được trồng trước những năm

90 ở nhiều tỉnh miền Bắc có nguồn gốc từ ở các tỉnh phía Nam. Nhiều giống khả năng đậu quả ít hoặc không đậu quả.

- Trong vườn xoài phần lớn cây giống chủ yếu được nhân và trồng từ hạt, có sự phân ly rất lớn, không đồng đều. Nhiều vườn hầu như không trồng cây ghép; ngoài một số vườn xoài được trồng trong mấy năm gần đây là đã biết sử dụng cây ghép.

- Vườn chưa có quy hoạch, trồng theo phương pháp quảng canh là chính. Vườn trồng có nơi quá dày, có nơi quá thưa, cây lớn, cây bé không đồng đều.

Cây xoài hầu như không được cắt tỉa, tạo hình, sửa cành, đây là việc làm hàng năm do vậy không tạo được cây có tán thấp và thông thoáng cần thiết cho cây quang hợp. Ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển bình thường của cây do đó năng suất thường là rất thấp.

- Việc chăm sóc không đầy đủ, không đồng bộ và kịp thời nên có ảnh hưởng rất lớn tới sinh trưởng, ra hoa, đậu quả và năng suất của cây xoài.

Trong việc chăm sóc cây xoài, một số ít hộ chỉ mới biết bón phân vô cơ, rất ít dùng phân hữu cơ để bón từ khi bắt đầu trồng mới. Chỉ có số ít trong các vùng đang

có phong trào phát triển cây ăn quả bước đầu thực hiện quy trình trồng và chăm sóc xoài sau khi được các cơ quan chuyên ngành tập huấn kỹ thuật.

- Do ít hoặc không được cắt tỉa, tạo hình, công tác bảo vệ thực vật không được quan tâm nên ở hầu hết các vườn xoài sâu bệnh phá hoại nặng làm giảm đáng kể đến năng suất, sản lượng các vườn xoài.

2. Sự cần thiết phải cải tạo các vườn xoài chất lượng thấp

Từ thực trạng trên các vùng xoài trồng tập trung của các tỉnh miền Bắc và Duyên hải miền Nam Trung bộ cần thiết phải cải tạo các vườn xoài nhằm các mục đích:

- Khai thác tốt các tiềm năng về khí hậu, đất đai, lao động sẵn có ở các địa phương. Phát triển mạnh hơn nữa cây xoài đặc biệt là đối với tiềm năng đất, thị trường lao động ở các tỉnh phía Bắc. Góp phần tăng thu nhập xoài đối giảm nghèo cho các hộ đồng bào dân tộc.

- Trước mắt sản phẩm xoài đáp ứng nhu cầu nội tiêu, hạn chế chi phí cao do phải vận chuyển xoài từ các tỉnh phía Nam ra các tỉnh phía Bắc. Tiến tới tạo ra một loại sản phẩm hàng hoá cho từng vùng, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu ổn định.

- Tạo công ăn việc làm, thu hút nhiều lao động ở vùng nông thôn, của các tỉnh miền núi và Duyên hải miền Trung nói chung và Duyên hải Nam Trung bộ nói riêng.

- Góp phần cải thiện môi sinh, tham gia vào chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chương trình 611... vì cây xoài có thể trồng được ở nhiều loại đất khác nhau, chống chịu khá tốt với điều kiện ngoại cảnh, sâu bệnh.

- Đáp ứng những yêu cầu cần thiết, bức xúc của nhiều hộ nông dân đang có những vườn xoài có những hiện trạng như đã nói trên. Đặc biệt là việc cải tạo vườn xoài chất lượng thấp đang trở thành một tiến bộ kỹ thuật mới ở nước ta, đáp ứng nhu cầu của người sản xuất xoài ở các vùng trong nước.

B. NHỮNG NỘI DUNG PHƯƠNG PHÁP CẢI TẠO VƯỜN XOÀI

1. Kiểm tra, xác định các giống hiện có trong vườn

Xác định cây nào, giống nào cần được cải tạo, chặt bỏ hoặc giữ lại.

2. Xác định giống cần được đưa vào cải tạo

Tiêu chuẩn lựa chọn các giống cần được đưa vào vườn xoài cải tạo phải là: phẩm chất ngon, năng suất ổn định, có thể rải vụ.

Sau đây là các bước và phương pháp triển khai:

- *Xác định cây cần cải tạo*

+ Những cây trồng qua nhiều năm không cho quả hoặc cho quả rất ít.

+ Những cây xoài trồng cho quả hàng năm nhưng phẩm chất kém như: quả nhỏ, hạt to, chua...

+ Những cây bị nhiễm bệnh, sâu bệnh hại nặng khó và không có khả năng phục hồi.

- *Phương pháp*

a) Đối với cây xoài ngon: sau khi xác định, phân loại xong, đối với loại này cần được giữ lại và tiến hành các bước như sau:

+ Cắt tỉa hàng năm: dùng kéo cắt bớt các cành trong tán, cành vượt, cành bị sâu bệnh, cành la, cành tăm... Đặc biệt chú ý đối với những cây xoài trồng lâu năm không được cắt tỉa, phải hạ bớt độ cao, làm thông thoáng bên trong của tán cây. Việc cắt tỉa phải tiến hành sau khi thu hoạch quả hàng năm (sau từng vụ quả phải tiến hành ngay). Việc cắt, tỉa hàng năm sẽ tạo dáng lại cho cây xoài thấp dần và tán cây có hình mâm xôi đều cả bốn phía.

+ Bón phân: sau khi cắt tỉa xong phải tiến hành bón phân ngay. Phương pháp bón phổ biến và đem lại hiệu quả hơn cả là: bón phân xung quanh tán cây. Dưới hình chiếu của tán, dùng cuốc, xẻng đào sâu khoảng 20 - 25cm, rộng 25 - 30cm xung quanh tán. Sau đó dùng phân chuồng đã ủ hoại mục (khoảng 20 - 30kg/cây) trộn lẫn với phân NPK hỗn hợp (tùy theo tuổi cây để bón) trung bình khoảng 0,5 - 1kg/cây, lấp đất kín... Có thể dùng một số loại phân có hiệu lực nhanh như nước phân chuồng pha loãng, phân hỗn hợp NPK, phân vi sinh... tưới trực tiếp vào rãnh xung quanh tán cây.

b) Đối với cây xoài có quả nhưng chất lượng kém hoặc không cho quả:

Loại này cần phải được cải tạo, thay thế các giống khác có phẩm chất ngon, năng suất ổn định (thay giống mới).

Giống được chọn để thay thế giống cũ có thể được lựa chọn các giống tốt ngay trong vườn nhà (nếu có) hoặc các giống tốt khác ở các vùng lân cận đã cho chất lượng tốt và ổn định nhiều năm có hiệu quả kinh tế cao.

Đối với loại cây cần cải tạo sẽ tiến hành như sau:

** Phương pháp 1:*

Cưa bỏ thân chính ở độ cao so với mặt đất khoảng 80 - 100cm. Dùng cưa sắc, không làm xước thân hoặc vết cưa. Vết cưa có độ hơi vát (phẳng chéo). Sau khi cưa xong dùng sơn hoặc nước vôi pha đặc quét 2 - 3 lần trên vết cắt của cây xoài. Dùng nước vôi đặc quét đều trên gốc của cây xoài mới được cưa. Tiến hành bón phân cho những cây được cải tạo (lượng phân bón như đã hướng dẫn ở phần trên).

Sau một thời gian (khoảng 5 - 6 tháng) mầm ngon bật từ gốc (dưới vết cắt) nhiều mầm, chỉ chọn và giữ lại 3 - 4 mầm khoẻ, mập. Phân bố đều ở 4 hướng. Chăm sóc tốt các mầm này sau khoảng 8 - 10 tháng (sau khi cắt) mầm có đường kính khoảng trên 1cm thì tiến hành ghép giống xoài ngon đã được chọn lọc lên mầm này. Phương pháp ghép nên sử dụng phương pháp ghép đoạn cành. Chú ý loại bỏ những mầm mọc ở dưới đoạn cành mắt ghép. Sau khi ghép cải tạo, sau 1 năm (năm sau) theo dõi, chăm sóc tốt cây xoài được ghép cải tạo sẽ cho quả. Do cành ghép nhỏ nên cần được tỉa bớt quả non, chỉ để ít quả cho phù hợp với tán cây mới được cải tạo. Tiếp tục tạo hình, tỉa cành, tạo tán cho cây xoài đã được cải tạo ở các năm sau để tán cây xoài có dạng hình mâm xôi. Việc chăm sóc (bón phân, cắt tỉa, phòng trừ sâu bệnh...) được tiến hành hàng năm sau khi thu hoạch quả. Áp dụng phương pháp

này đối với cây xoài trên 10 năm tuổi.

** Phương pháp 2:*

- Cắt tỉa cành trong tán, cành la, cành vượt, sâu bệnh... hạ độ cao (cắt, đốn đầu). Dùng phương pháp cắt tỉa để điều chỉnh tán xoài cho cân đối ở 4 phía (xung quanh tán).

- Ghép giống mới: giống được lựa chọn có phẩm chất ngon, năng suất ổn định, tốt nhất là giống trái vụ (sớm hoặc muộn so với giống chính vụ).

- Chọn cành để ghép: tất cả các cành ở phía ngoài tán của cây có đường kính trung bình khoảng 0,8 - 1cm đều dùng để cắt và ghép các giống mới lên được. Ưu điểm của phương pháp này là nhanh cho quả, giữ được tán của cây gần như ban đầu, nhưng cần có nhiều mắt ghép. Áp dụng phương pháp cải tạo này thường đối với cây xoài 5 - 7 năm tuổi.

Sau khi đốn, ghép cải tạo phải chú ý đến phòng trừ sâu bệnh, bổ sung dinh dưỡng cho cây. Làm cho cành vụ hè và cành thu trên cây ra được nhiều, sung sức để năm sau cây cho ra quả được nhiều hơn. Để làm được việc này ngoài việc bón phân hàng năm cần bón bổ sung qua lá, bổ sung dinh dưỡng cho cây như Atoniks, Komik... liều lượng, nồng độ, cách bón theo chỉ dẫn ở trên nhãn sản phẩm.

c) Đối với cây xoài già không có khả năng phục hồi: loại cây này cần phải chặt bỏ vì không còn khả năng cho quả, hoặc cho quả không đáng kể.

Phương pháp: chặt bỏ hoàn toàn dành đất thay thế cho cây trồng mới. Đào bỏ hết gốc, rễ của cây cũ. Phơi đất để ải, có thể dùng vôi bột để xử lý đất sau khi đánh rễ cây xong. Để đất cũ khoảng 20 - 25 ngày sau đó chuẩn bị hố đào trồng cây mới. Cây mới được trồng bổ sung phải được lựa chọn, cây được nhân từ cây mẹ tốt, có năng suất cao, ổn định. Chú ý cần bổ sung những giống xoài có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng. Việc đào hố phân bón lót, thời vụ trồng được thực hiện theo hướng dẫn phân kỹ thuật và chăm sóc xoài.

CẢI TẠO VƯỜN NHÂN

1. THỰC TRẠNG VƯỜN NHÂN CŨ VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẢI TẠO

Qua khảo sát vườn nhân ở các tỉnh miền Bắc: thị xã Hưng Yên (tỉnh Hưng Yên), xã Đốc Tín (Hà Tây), thị xã Tuyên Quang và các xã dọc ven lộ (tỉnh Tuyên Quang), huyện Sông Mã (Sơn La) và huyện Văn Chấn (Nghĩa Lộ) thấy rằng đa số là những vườn tạp diện tích tuy lớn nhưng năng suất và sản lượng thấp, hiệu quả kinh tế mang lại cho chủ vườn không cao. Vụ nhân năm 1998, phần lớn thu hoạch thấp, có vườn thất thu hoàn toàn.

Dưới góc nhìn khoa học của nghề làm vườn, thực trạng vườn nhân cũ ở các vùng như sau:

- Giống nhân trồng trong vườn (vườn nhà, vườn đôi) đều không được chọn lọc. Người trồng tự trao đổi cây giống cho nhau là chính, và từ cây giống đó các hộ tự gieo hạt, chiết cành nhân ra nhiều cây khác trong vườn.

Một số chủ vườn có đầu tư vào cây giống, song lại gặp phải giống không tốt hoặc giống rôm.

- Trong vườn nhãn phần lớn là cây gieo hạt, một số ít là cây chiết. Cây ghép rất ít. Có vườn hầu như không có cây ghép. Tuổi cây trong vườn không đồng đều: có cây mới trồng 5 - 7 tuổi, có cây 30 - 40 năm và có những cây già 50 - 60 năm hay hơn. Vườn trồng quá dày, cây lớn che cây bé. Vì cây nhãn phát triển tự do, không được cắt tỉa, tạo hình, sửa cành nên độ thông thoáng trong vườn kém.

Tình trạng trên dẫn đến quá trình quang hợp của cây kém, ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển bình thường của cây do đó năng suất thấp.

- Việc tiến hành chăm sóc không đồng bộ, không đầy đủ và không kịp thời phòng trừ sâu bệnh nên có ảnh hưởng rất lớn tới sinh trưởng, ra hoa, đậu quả và năng suất của cây nhãn.

Trong những việc cần chăm sóc cho cây nhãn, các hộ gia đình chỉ mới chú trọng tới bón phân, tưới nước phân chuồng, bón ít đạm và phun một đôi lần thuốc bảo vệ thực vật cho cây. Song không phải các hộ có trồng nhãn đều làm. Nhiều hộ phó mặc cho trời, chỉ chờ thu hoạch, được nhiều thì mừng được ít cũng đành chịu.

Một số hộ có kinh nghiệm, biết học hỏi và có tri thức

về chăm sóc và thâm canh cây nhãn, còn phần lớn ít hiểu biết về đối tượng mình đang trồng và hàng năm cây đang cho thu hoạch.

- Việc cung ứng các vật tư cần thiết như phân bón, chất kích thích sinh trưởng, thuốc đọt hoa quả, thuốc trừ sâu bệnh, dụng cụ làm vườn của các cơ quan dịch vụ nông nghiệp cho nông dân không được kịp thời, không đầy đủ, thiếu đồng bộ nên cũng có phần trở ngại cho việc thâm canh cây nhãn. Khi cần mua thì không có hoặc phải đi mua rất xa.

Để chứng minh cho những điều nói trên, xin dẫn ra dưới đây một số kết quả điều tra ở 10 xã trồng nhãn ở Hưng Yên trong 2 năm 1997 - 1998 (trong “Dự án xây dựng mô hình thâm canh cây nhãn”. Viện NCRQ).

- Số cây nhãn trung bình 1 hộ là 17,4 cây, số cây ở độ tuổi cho thu hoạch: 11,9 cây/hộ. Sản lượng trung bình từ 1994 - 1998 của 1 hộ: 65kg; 70% số cây trong vườn là cây thực sinh; 2/3 số cây gồm cây dưới 10 tuổi chưa ổn định về năng suất và trên 40 tuổi là cây già cỗi. Như vậy, sản lượng thu hoạch trên vườn là do 1/3 số cây đảm nhiệm; 1/5 số cây là nhãn nước, chất lượng quả và giá trị kinh tế thấp.

Do hiệu quả kinh tế của cây nhãn đưa lại chưa cao nên các hộ đầu tư cho vườn cây thấp, không cân đối, mức đầu tư trung bình thấp, khoảng 200 nghìn đồng/vườn. Các biện pháp kỹ thuật thực hiện không đồng bộ, hoặc không kịp thời, hoặc bỏ qua nhiều khâu quan trọng.

Từ thực trạng trên đây ở các vùng trồng nhãn tập trung của các tỉnh miền Bắc cần thiết phải có các chương trình và dự án cải tạo vườn nhãn tập. Nhằm mục đích:

- + Khai thác tối tiềm năng khí hậu đất đai, lao động sẵn có của địa phương, đẩy mạnh thâm canh nghề trồng nhãn để có năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn, tăng thu nhập cho người trồng nhãn, góp phần xoá đói giảm nghèo, tiến tới làm giàu trên đất đai hiện có của mình.

- + Tạo ra được một sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao của vùng, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu có tính ổn định và có sức cạnh tranh để không ngừng phát triển.

- + Thu hút thêm nhiều lao động, tạo công ăn việc làm cho nông thôn nhất là các tỉnh đồng bằng sông Hồng như Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hà Tây... góp phần cải thiện môi sinh. Trồng được nhiều nhãn ở đây có nhiều điều lợi vừa là cây kinh tế, vừa là

cây rừng khác nào như ta trồng rừng ở đồng bằng.

- Khi có đầu tư thâm canh (chỉ trong 2 năm) ở Hưng Yên cho thấy:

+ Sản lượng nhân của các hộ mô hình năm 1997 trung bình đạt 10,5 tạ quả/vườn, trong số đó thu từ 1 tấn - 1,8 tấn quả chiếm 1/2. Số hộ còn lại 8 tạ quả cao gấp 20 lần sản lượng trung bình của 10 xã. So với trung bình 3 năm trước của từng hộ sản lượng tăng lên từ 121,8 - 846%.

Năm 1998, có thể coi như năm mất mùa nhãn, sản lượng trung bình của một số xã trọng điểm chỉ đạt khoảng 0,23 tạ quả/vườn. Có những vườn gần như mất trắng, song sản lượng trung bình của các hộ mô hình vẫn giữ được 3,0 tạ quả/vườn, tuy so với năm 1997 chỉ bằng 1/3, nhưng so với các xã cao gấp hơn chục lần và nhờ bán được giá cao nên thu nhập bằng tiền xấp xỉ năm 1997.

Có thể thấy việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh chăm sóc nhãn bước đầu mang lại kết quả khả quan, được nông dân có vườn nhãn nhiệt liệt hưởng ứng và mong muốn làm theo dự án và cải tạo vườn tạp của mình.

Mục tiêu của tỉnh Hưng Yên là cải tạo 3.000ha vườn tạp hiệu quả thấp. Đến năm 2000 sẽ đưa diện tích cây ăn

quả của tỉnh lên 10.000ha. Trọng tâm cần đầu tư giải quyết là cải tạo vườn tạp và xây dựng vườn giống cây.

2. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG CẢI TẠO VƯỜN NHÂN TẠP

Điểm thấy rất rõ khi đi khảo sát vườn nhân ở các vùng trồng nhân tập trung:

- Nhiều giống trong một vườn, giống không được chọn lọc nhiều loại tuổi cây, nhiều hình thức nhân giống (phần lớn là gieo hạt, chiết cành), cây trồng quá dày che phủ lẫn nhau thiếu ánh sáng, ở chỗ đất thấp mùa mưa thì úng nước, chỗ đất cao vùng gò đồi thì khô hạn thiếu nước, việc chăm bón như bón phân, cắt tỉa, xới xáo phòng trừ sâu bệnh không được chú ý, không kịp thời, người làm vườn ít có thông tin về thị trường, việc đầu tư để thâm canh vườn nhân còn rất thấp...

Để vườn nhân của mình mang lại hiệu quả cao và ổn định năm sau cao hơn năm trước, cần chú ý một số điểm sau:

a) Phải vừa cải tạo vừa thâm canh. Lấy kết quả thâm canh để đầu tư cho cải tạo. Việc cải tạo vườn không nên chặt bỏ đồng loạt, gây xáo trộn quá lớn về môi trường, môi sinh.

b) Nhân là một loại quả đặc sản, là một thứ hàng hoá nên phải có thị trường. Người trồng nhân cần biết người mua cần gì, cần vào lúc nào, loại quả như thế nào thì bán có giá. Đây là một nội dung vừa kinh tế vừa kỹ thuật. Phải có kiến thức và phải biết vận dụng linh hoạt. Nó cũng là một trong những nội dung có định hướng về cải tạo vườn tạp của mình.

c) Phải có đủ vốn để đầu tư thâm canh và cải tạo vườn tạp

Nội dung và công việc để cải tạo vườn tạp:

- *Lên sơ đồ:*

Xác định những cây nào trong vườn nên chặt bỏ, cây nào cần cải tạo, cây nào cần giữ lại tăng cường biện pháp thâm canh để thu được quả trong năm, cây nào cần đốn tía, vị trí trồng mới...

- *Công tác chuẩn bị:*

+ Giống: chọn giống có phẩm chất ngon, giống có thời vụ chín sớm muộn khác nhau để đảm bảo ổn định thu nhập của vườn dù cho thời tiết có khắc nghiệt và thay đổi từng năm.

+ Mật hàng: nếu ở đồng bằng đất thấp, trồng cần được

đổ đất tôn cao hoặc đắp ụ ban đầu, sau đổ đất thêm dần dần đảm bảo cho vườn không bị úng hoặc đọng nước quá lâu trong mùa mưa. Có thể đào các mương tiêu để hạ mực nước ngầm.

Nếu ở trung du và miền núi đất có độ dốc thì đào các mương ngăn bớt dòng chảy, trồng cây cốt khí phía trên bờ mương, hay trồng dừa đều có tác dụng cản bớt dòng chảy và làm phân xanh. Nếu đất quá dốc thì phải san dần theo kiểu ruộng bậc thang.

+ Vật tư thiết bị cho vườn

Các loại phân bón NPK, phân vi lượng, phân vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh, các chất kích thích sinh trưởng, chất đậu quả.

Các loại kéo cắt cành, cưa, dao, bình phun thuốc trừ sâu, thùng gánh nước, giỏ sọt thu quả, máy bơm nước...

- Công tác triển khai:

+ Những cây cần chặt bỏ

Là những cây đã già, không còn khả năng cho quả hoặc cho quả không đáng kể, những cây bị sâu bệnh nặng không còn khả năng cứu chữa, để lại sẽ chiếm đất nhiều. Cần chặt bỏ, đào bỏ hết gốc cũ, nhặt hết rễ xử lý đất bằng 5kg vôi bột, cuốc lật đất phơi ải, 15 - 20 ngày

sau san bằng. Cành lá bị bệnh thì nên gom đốt.

+ Những cây cần cải tạo

Là những cây tuy mọc xanh tốt hàng năm có quả nhưng quả kém phẩm chất (quá nhỏ, quả ít ngọt...) hàng năm ra hoa nhưng đậu quả ít... cần thay thế giống mới. Việc này chỉ áp dụng đối với các cây có độ tuổi trên dưới 10 tuổi.

Cách làm: cưa bỏ thân chính ở độ cao so với mặt đất 50 - 60cm. Vết cưa phải gọn không được xước. Bón phân sau khi mầm ngọn bật từ gốc, chỉ giữ lại 3 - 4 mầm phân đều theo các hướng, các mầm này sau 8 - 10 tháng có đường kính 0,8 - 1,2cm thì có thể ghép giống nhãn ngon đã được chọn lọc.

+ Phục hồi lại sức sinh trưởng cho cây bằng phương pháp đốn đau

Đối với những cây nhãn ngon, có năng suất cao, chất lượng tốt nhưng vì tuổi cây đã già, cưa đốn các cành từ ngoài tán trở vào chỉ còn để lại các cành chính cấp 2, 3. Làm sau mùa thu hoạch quả, tăng cường phân bón, nước tưới để năm sau cây có thể ra các đợt cành xuân, hè, thu.

Phục hồi lại tán cây như cũ để năm sau nữa có thể cho quả.

Muốn được năng suất cao, sau lúc đốn phục hồi phải chú ý đến vấn đề dinh dưỡng, phòng trừ sâu bệnh cho cây. Làm sao cho cành hè, cành thu trên cây ra được nhiều và sung sức là điều kiện ban đầu để cây cho quả nhiều ở năm sau. Để làm được việc đó ngoài việc bón phân qua rễ vào trước và sau các đợt lộc cần bón qua lá bổ sung dinh dưỡng cho cây như Komix, Atonik... liều lượng và nồng độ làm theo chỉ dẫn trên nhãn sản phẩm.

+ Cắt tỉa, đốn nhẹ cho cây

Áp dụng với những cây nhãn non đang cho quả ổn định, có năng suất cao nhưng tán lá quá rậm rạp, các cây trồng quá dày, cành lá đan xen nhau. ảnh hưởng đến quang hợp và sự thông thoáng của cây. Công việc sẽ được tiến hành sau khi thu hoạch quả. Dùng kéo cắt bớt các cành giao nhau, các cành yếu, cành bệnh, cành đan xen nhau ở trong tán, cành mọc vượt, cắt bớt các cành ở ngọn phần đỉnh tán... sao cho sau khi cắt tỉa xong nhìn vào tán cây được thoáng từ trên xuống, từ trong ra ngoài, tán thấp lại có hình mâm xôi.

Sau khi cắt tỉa xong phải bón phân ngay. Dùng các loại phân có hiệu lực nhanh như nước phân chuồng pha loãng tỷ lệ 1:3 tưới quanh gốc cây dưới hình chiếu của

tán, tưới khoảng 2 - 3 lần, mỗi lần tưới cách nhau 1 tuần và phân NPK hỗn hợp thúc cho cành mùa thu ra sớm và sung sức là cành mẹ cho đọt ra cành quả vào vụ xuân năm sau.

+ Trồng mới

Nếu trong vườn còn rộng thì nên trồng mới bổ sung thêm giống có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tại chỗ.

Việc đào hố, bón phân lót, thời vụ trồng làm theo nội dung ở phần kỹ thuật trồng trọt.

Có một số người rất thích trồng giống mới nhất là giống nước ngoài.

Thực tế đã cho thấy các nhà vườn ở phía Bắc cũng như phía Nam đã trồng giống của Trung Quốc, Thái Lan mà chưa được khảo nghiệm và kết luận nên đã thất bại, gây tổn thất về kinh tế không nhỏ. Vì vậy, các chủ vườn cần hết sức chú ý vấn đề này.

CÁI TẠO VƯỜN VẢI THIÊU

1. Thực trạng vườn vải cũ và sự cần thiết phải cải tạo

- Hiện nay cả nước có khoảng 102,5ha vải chiếm 11,7% diện tích cây ăn quả toàn quốc, xét về diện tích vải xếp thứ 4 sau nhãn, cây có múi và chuối tiếp đó là xoài, dứa, sầu riêng, thanh long... Năng suất vải bình quân 45,6 tạ/ha và sản lượng 30,9 vạn tấn (theo tài liệu của Tổng cục Thống kê, 2005). So với sức tiêu thụ trong nước và khả năng xuất khẩu thì sản lượng vải quả của ta hiện nay còn thấp. Mấy năm gần đây sản xuất vải quả của ta đang gặp rất nhiều khó khăn. Đáng kể nhất là vải Thiêu chín dồn dập trong khoảng 20 ngày từ giữa đến cuối tháng 6 gây trở ngại lớn cho thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ. Kết quả là giá bán thấp và không ổn định ảnh hưởng đến thu nhập, hiệu quả sản xuất đối với người trồng vải. Đã có một số hộ ở Thanh Hà, Lục Ngạn bắt đầu chặt bỏ vải để trồng cây khác.

- Tình trạng vườn tạp là khá phổ biến ở hầu khắp các

địa phương có trồng vải thiều do sự phát triển quá ồ ạt ở những năm trước đây như chất lượng cây giống đem trồng không tốt, độ đồng đều kém, mật độ trồng quá dày, cây trong một vườn có nhiều độ tuổi khác nhau gây nên tình trạng che khuất lẫn nhau do đó sinh trưởng ra hoa và kết quả kém. Đáng chú ý hơn nữa là việc chăm sóc bón phân, tưới nước, cắt tỉa tạo hình, phòng trừ sâu bệnh... cho cây vải chưa được thực hiện đầy đủ dựa trên nhu cầu của cây ở các thời kỳ sinh trưởng, các tuổi khác nhau và ở các địa điểm trồng có điều kiện sinh thái khác nhau. Sự thiếu hiểu biết về yêu cầu sinh lý, dinh dưỡng và nhu cầu phân bón của cây vải cũng đã tạo nên sự mất cân đối về sự phát triển của cây, do đó năng suất vườn cây thấp, chất lượng quả chưa cao và vì vậy thu nhập của người trồng còn thấp và không ổn định.

Đáng chú ý là ở nhiều vùng trồng vải rộng lớn như Lục Ngạn (Bắc Giang), Thanh Hà (Hải Dương), Đông Triều (Quảng Ninh) phần lớn các vườn hộ chỉ trồng độc một giống vải thiều Thanh Hà. Cơ cấu giống trong sản xuất vải ở các tỉnh miền Bắc trên 90% là vải thiều chính vụ, các giống vải chín sớm chiếm một tỷ lệ rất thấp. Năm được mùa, giá bán tại chỗ quá thấp 1000 - 2000đ/kg, so với những năm trước khi diện tích còn ít bán với giá 7000 - 10000đ/kg, có khi còn hơn.

Trước tình hình đó, vài ba năm lại đây thấy trồng vải thu nhập thấp, nông dân bỏ không đầu tư chăm bón, phòng trừ sâu bệnh... đến mùa thu hoạch năng suất thấp, hoặc thất thu đã có nơi chặt bỏ vải thiếu chuyển trồng cây khác.

Từ những điều nêu trên đặt ra cho chúng ta sự cần thiết và tính cấp bách của vấn đề cải tạo vườn vải thiếu. Các vùng trồng vải tập trung của các tỉnh miền Bắc cần có các chương trình và dự án cải tạo vườn vải thiếu, nhằm mục đích:

- Khai thác tốt tiềm năng khí hậu, đất đai, lao động và kinh nghiệm trồng vải thiếu sẵn có ở địa phương, đẩy mạnh thâm canh nghề trồng vải để có năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn rải vụ thu hoạch để tăng thu nhập cho người trồng vải, xóa đói giảm nghèo, tiến tới làm giàu trên đất đai hiện có của mình.

- Tạo ra được một sản phẩm có thương hiệu hàng hoá chất lượng cao của vùng để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, đạt được tính ổn định và có sức cạnh tranh để không ngừng phát triển.

- Tạo công ăn việc làm cho người lao động ở nông thôn các tỉnh đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Trung du

miền núi Bắc Bộ góp phần cải thiện môi sinh, giảm bớt thiên tai, lũ lụt. Trồng nhiều vải ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng như Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Hà Tây, Hải Phòng, Hà Nội ở đây có nhiều điều lợi: vừa là cây kinh tế, vừa là cây rừng chẳng khác nào như ta trồng rừng ở đồng bằng, vừa tạo ra các vườn du lịch sinh thái rất có ý nghĩa cho cuộc sống hiện nay.

Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong nghề trồng cây ăn quả trên cơ sở sự hoà hợp giữa gốc ghép và cành ghép, kỹ thuật ghép đoạn cành, ghép nêm... có thể ứng dụng để ghép cải tạo vườn vải thiều chính vụ với các giống vải sớm như Hùng Long, Bình Khê, Yên Hưng, mang lại hiệu quả cao mà không phải phá bỏ vườn cũ để trồng giống mới. Giảm được chi phí đầu tư cho nông dân khi phải trồng mới và chăm sóc cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản, vườn cây được cải tạo cho thu nhập sớm hơn.

Việc ghép cải tạo vườn vải thiều bằng các giống vải sớm đã được triển khai ở một số hộ làm vườn ở Bình Khê, Yên Hưng, Lục Ngạn và cho thấy hiệu quả rõ rệt.

Quả cho thu hoạch sớm hơn vải thiều chính vụ 2 - 3 tuần, giá bán tại vườn rất cao 18.000 - 20.000 đ/kg, trong cùng năm vải thiều chính vụ chỉ bán được 3.000 - 4.000 đ/kg, thậm chí có lúc chỉ được 2.000 đ/kg.

2. Nội dung và phương pháp cải tạo vườn tạp

Để vườn vải của mình mang lại hiệu quả cao, năng suất ổn định, năm sau cao hơn năm trước, cần chú ý một số điểm sau:

a) Vải là một loại quả đặc sản, là một thứ hàng hoá nên phải có thị trường. Người trồng vải cần biết người mua cần gì, cần vào lúc nào, giống vải nào bán có giá (dựa trên hình thức, màu sắc, phẩm chất quả) để chọn giống và có kỹ thuật phù hợp. Bởi vậy người làm vườn vừa phải có kiến thức nông học, vừa có hiểu biết và nắm bắt nhu cầu của thị trường và thị hiếu của người tiêu dùng để có định hướng cải tạo vườn vải của mình.

Ví dụ: Trung Quốc là một thị trường lớn về nhu cầu các loại quả nhiệt đới. Nói về vải họ là nước đứng đầu thế giới về diện tích và sản lượng, nhưng thời vụ thu hoạch vải của họ tập trung từ tháng 6 trở đi. Nếu ta có vải chín sớm hơn vào đầu và giữa tháng 5, chất lượng quả tốt thì có lợi thế cạnh tranh và có nhiều thuận lợi để xuất quả vào thị trường này, trong khi đó vải thiếu của ta thu hoạch cũng trùng với những giống vải chín sớm của họ. Vậy chọn trong số những giống vải chín sớm của ta để cải tạo vườn vải thiếu không những để thoả mãn nhu cầu quả vải tươi ở trong nước mà còn để xuất khẩu.

b) Khi cải tạo vườn vải, tùy theo độ lớn của vườn để xây dựng một cơ cấu hợp lý: có giống vải chín sớm, có giống chín vụ và có giống chín muộn. Trong một xã, một huyện hay một vùng cũng nên có cơ cấu giống hợp lý. Không nên như trước đây toàn chỉ có một giống vải thiều Thanh Hà ở hầu hết các vùng trồng vải tập trung.

c) Phải chú ý vừa cải tạo vừa thâm canh. Lấy kết quả thâm canh để đầu tư cho cải tạo. Không nên chặt bỏ đồng loạt gây xáo trộn quá lớn về môi trường, môi sinh và ảnh hưởng đến thu nhập.

d) Phải có vốn để cải tạo vườn tạp và để đầu tư thâm canh vườn cây sau khi đã cải tạo.

Phương pháp cải tạo

a) Công tác chuẩn bị

- *Lên sơ đồ cụ thể của vườn cây*: xác định những cây nào trong vườn nên chặt bỏ, cây nào cần giữ lại tăng cường đầu tư thâm canh để thu được quả trong năm, những cây nào cần cải tạo, xác định vị trí trồng mới, và định thời gian tiến hành cho các công việc trên.

- *Giống*: để thay thế cây già cỗi và giống (cành ghép, mắt ghép) để cải tạo. Ví dụ: sử dụng các giống chín sớm như Hùng Long, Bình Khê, Yên Hưng, Yên Phú, U Hồng

... để cải tạo vườn vải cũ.

- Những vật tư cần cho việc cải tạo và thâm canh vườn vải? Ví dụ: Các loại dụng cụ như kéo cắt cành, cưa, dao, giầy ni lông tự hủy, bình phun thuốc trừ sâu, máy bơm nước, giỏ, sọt thu quả...

Các loại phân bón NPK, phân bón lá, phân vi sinh, thuốc BVTV để phòng trừ sâu bệnh, các chất kích thích sinh trưởng, chất đậu quả.

b) Công tác triển khai

- Những cây cần chặt bỏ là những cây đã già, không còn khả năng cho quả, hoặc cho quả không đáng kể, những cây bị sâu bệnh nặng không còn khả năng hồi phục.

- Phục hồi lại sức sinh trưởng đối với những cây vải tuy già nhưng là những cây vải ngon, trước đây có năng suất cao, chất lượng tốt bằng phương pháp đốn đầu, tăng cường phân bón, nước tưới, cắt tỉa các cành già yếu, cành mọc lộn xộn trong tán, cành sâu bệnh, tạo độ thông thoáng cho cây. Chú ý phục tráng bộ rễ bằng cách đào rãnh sâu xung quanh tán (30 - 40cm ở vùng đôi, 20 - 30cm ở đồng bằng) bón phân hữu cơ + phân lân + bón vôi làm sao cho cành hè, cành thu ra được nhiều và sung

sức là điều kiện tốt để cây cho nhiều quả ở năm sau.

- Trồng mới: có thể chọn giống vải chín sớm, trồng thay thế vào vị trí những cây đã già, cây bị sâu bệnh nặng đã chặt bỏ.

Trước khi trồng mới cần đào bỏ hết gốc, rễ cũ, nhặt hết rễ, gom đất hết cành lá bị bệnh, xử lý đất bằng vôi bột (3 - 5kg) cuốc lật đất, phơi ải, khoảng 20 - 30 ngày sau mới đem trồng.

- Ghép cải tạo giống vải Thanh Hà bằng các giống chín sớm: Bình Khê, Yên Hưng, Hùng Long, Yên Phú, Phúc Hoà (U Hồng)...

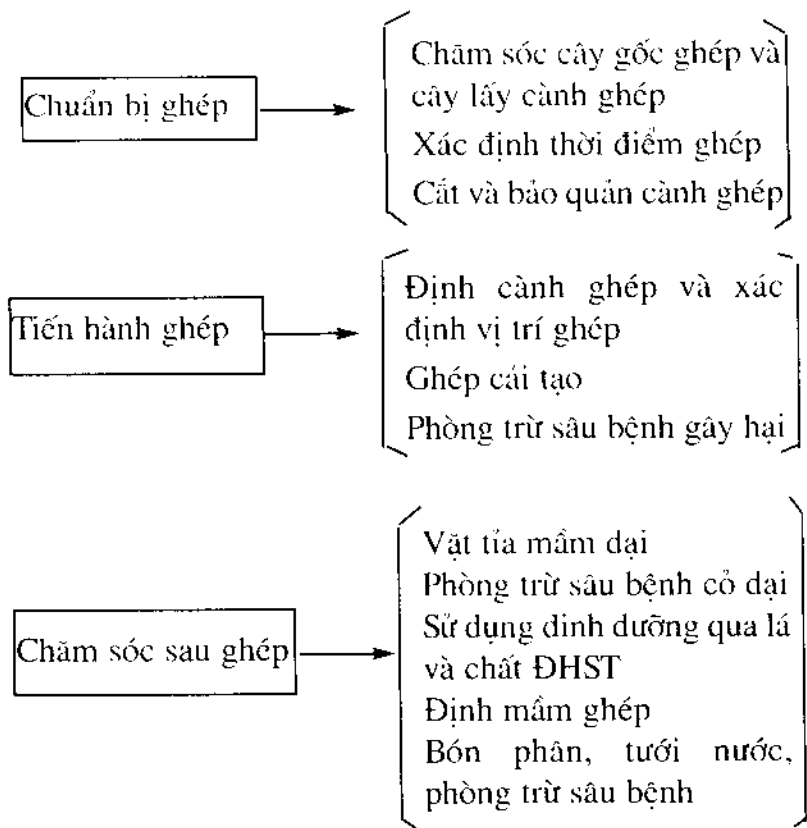
Hiện nay nhu cầu cải tạo vườn vải bằng giống vải chín sớm ở các vùng trồng vải tập trung là rất lớn. Ví dụ: theo báo cáo của Hội làm vườn huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang. Nhu cầu của các hộ trồng vải huyện Lục Ngạn cần cải tạo từ 20 - 25% diện tích đang trồng vải, tính ra diện tích vải toàn huyện cần cải tạo là 4000ha.

Như vậy giống vải đưa vào cải tạo phải là những giống vải sớm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống chính thức hoặc giống tạm thời và phải được quản lý chặt chẽ, việc phổ cập vào các vùng trồng vải phải tuân thủ nghiêm ngặt về Pháp lệnh giống của Nhà nước để hạn chế những rủi ro về sau.

c) Ghép cải tạo vải thiếu Thanh Hà (*Xem Phần phụ lục (ảnh)*).

Các bước tiến hành theo sơ đồ 1

Sơ đồ 1. Tóm tắt quy trình công nghệ ghép cải tạo giống vải (theo Viện Nghiên cứu Rau quả, 2006)



Cách làm cụ thể như sau:

1. Đối với cây vải thiếu 5 - 7 tuổi

- Trước khi ghép 15 ngày đến 1 tháng cắt tỉa bớt các cành quá to cao, các cành yếu, cành sâu bệnh, cành mọc lộn xộn trong tán cây tạo độ thông thoáng cho cây. Bón phân, tưới nước, phòng trừ sâu bệnh tạo thuận lợi cho các mầm mới sinh trưởng tốt sau này.

- Giống đem ghép là các giống vải chín sớm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận chính thức hoặc tạm thời.

- Phương pháp ghép: ghép đoạn cành lên cành cấp 2 hoặc cành cấp 3 của cây, cành có đường kính trên dưới 1cm. Ghép xong dùng giấy ni lông tự hoại buộc kín đoạn cành đã ghép xuống quá phần gốc của cành vải thiếu.

Cành ghép có đường kính 0,3 - 0,5cm một cành có thể lấy hai đoạn để ghép. Tùy theo tình hình sinh trưởng của cây, đường kính cành ghép có thể dùng loại cành 1,0 - 1,5cm đối với cây khỏe để có thể hạ thấp tán cây xuống. Nhưng với các cây già yếu, nếu hạ thấp vị trí cành ghép xuống thì tỷ lệ sống của mắt ghép sẽ kém.

- Số lượng cành cần thiết để ghép cải tạo cho 1ha: nếu cây vải thiếu nhân giống bằng chiết có 3 - 4 cành cấp 1

cần khoảng 20 đoạn cành để ghép cho 1 cây, thì mỗi ha cần khoảng 6000 - 8000 đoạn cành.

- Thời vụ ghép: với mục đích để có quả ngay năm sau thì ghép vào tháng 6. Từ đó đến cuối năm cây ghép có thể ra đến 2 - 3 đợt cành và mùa xuân năm sau thì sẽ có hoa và thu hoạch quả vào khoảng giữa và cuối tháng 5. Vụ quả đầu không nên để nhiều, cần tỉa bớt, dành dinh dưỡng tạo tán cho cây phát triển để có năng suất cao những năm sau.

Cũng có thể ghép thành công vào vụ thu, cuối xuân đầu hè. Việc lựa chọn này tùy thuộc vào tình hình sinh trưởng của cây trong vườn, điều kiện thời tiết khí hậu của địa phương và mục đích của chủ vườn.

- Chăm sóc cây sau ghép cải tạo:

+ Mở giấy buộc khi ghép: nếu buộc bằng giấy ni lông thông thường sau ghép khoảng 10 - 20 ngày tùy giống và điều kiện thời tiết; nếu buộc giấy ni lông tự hủy thì có thể mở giấy sau khi mầm ghép sinh trưởng ổn định.

- Bón phân, tưới nước, tỉa mầm, tạo tán theo quy trình hướng dẫn đối với cây vải.

- Phòng trừ các loại sâu bệnh thường gặp đối với các đợt lộc trên cây vải.

2. Đối với các cây vài thiếu lớn tuổi

Ví dụ: (cây vài thiếu 20 - 30 tuổi) lúc này tán cây đã rộng, đường kính thân khá lớn. Việc cần thiết là phải cưa đốn, cải tạo, làm cho cây trẻ lại thế sinh trưởng sung sức hơn.

- Cưa cây vào khoảng giữa tháng 7 sau khi thu hoạch quả và làm các công việc của chuẩn bị ghép cải tạo. Độ cao của gốc cách mặt đất khoảng 1m. Vì cây chiết nên có khả năng một gốc có 2 - 3 thân chính cưa xong dùng nước boóc đô pha đặc hay nước vôi pha đặc quét lên mặt cắt để phòng trừ nấm bệnh xâm nhập. Tốt hơn hết là có thể quét paraphin để tránh nước mưa đọng lại trên mặt cắt. Tùy theo giống, cá thể cây, tình hình sinh trưởng, địa điểm trồng, mà sau cưa đốn cây bật mầm sớm hoặc muộn trong vòng 15 ngày đến 1 tháng.

Nếu cây chỉ một gốc, sau khi bật mầm chỉ nên chừa 3 - 4 mầm phân bố ở các hướng khác nhau để tạo sự cân đối cho cây về sau. Nếu cây có 3 gốc (3 thân chính) thì trên mỗi gốc chỉ nên để lại một mầm. Chọn mầm nào khỏe nhất để lại, số mầm còn thừa thì nên vặt bỏ, tập trung dinh dưỡng nuôi mầm cành chính và cũng để tạo sự thông thoáng về sau.

- Tiếp tục chăm sóc và phòng trừ các loại sâu bệnh hại như ở cây 5 - 7 tuổi để đến tháng 2 - 3 năm sau (âm Tết xong) thì ghép cải tạo các giống chín sớm lên các mầm cành nảy ra từ gốc cây vài thiều.

Tiếp tục chăm sóc cây ghép sau cải tạo và đến mùa xuân năm sau nữa (vào 15 - 20 tháng 2) cây sẽ ra hoa và bắt đầu thu hoạch quả vào nửa đầu tháng 5 (từ 5 - 15/5).

CẢI TẠO VƯỜN HỒNG

(*Diospyro kaki* L)

1. Lợi ích của việc trồng hồng

Hồng là một loại cây ăn quả rất có giá trị, được trồng ở nhiều vùng của nước ta, nhưng cho đến nay chưa có số liệu thống kê Quốc gia và FAO (Tổ chức Lương nông thế giới) cũng không có thống kê sản lượng hồng thế giới. Trồng hồng mang lại nhiều lợi ích:

a) Quả hồng chứa nhiều dinh dưỡng, khi chín ăn ngon và bổ kết quả phân tích cho thấy trong 100g quả có chứa 12 - 16g đường, nhiệt lượng 48calo, chất xơ 3,1g, chất khoáng 2,9g. Ngoài ra còn có B caroten, vitamin C, vitamin P và Ca, Fe, P... Hàm lượng chất khoáng hơn hẳn táo, lê, đào...

b) Quả hồng ngoài ăn tươi còn dùng làm nước (hồng khô) làm rượu bánh kẹo. Đặc biệt còn dùng để làm thuốc. Theo Giáo sư Vũ Văn Chuyên quả hồng ngâm rượu uống là một vị thuốc bổ để chữa suy nhược, đầu quả

hồng phơi sấy khô gọi là “thị đề” dùng để chữa ho, nấc và đầy bụng, nước ép từ quả hồng chưa chín có thể chữa bệnh cao huyết áp.

c) Trồng hồng tương đối dễ hơn so với một số cây ăn quả khác như cam quýt, vải nhãn, sầu riêng, măng cụt. Năng suất quả cao và ổn định, tính thích nghi rộng: chịu rét, chịu nóng, chịu hạn tốt, loại đất nào cũng trồng được, ít sâu bệnh. Bởi vậy trồng hồng mang lại thu nhập khá cao cho đồng bào ở nhiều vùng, nhất là ở trung du, miền núi vùng sâu vùng xa, góp phần xoá đói giảm nghèo và vươn lên khá giả, giàu có.

d) Ở nhiều nước châu Á người ta cho rằng hồng có giá trị dinh dưỡng và phẩm chất ngon hơn các loại quả khác Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Ở châu Âu các nước ven Địa Trung Hải nhiều nhất là Italia là những nước rất coi trọng việc trồng hồng. Ở nước ta hồng được xếp vào loại quả quý, dùng để bày mâm ngũ quả ngày tết, làm quà biếu nhân ngày lễ Tết vì mã quả hồng khi chín đẹp, vị ngọt không chua, hợp với khẩu vị người Việt Nam. Ngoài ra hồng cũng còn làm cây cảnh, có tác dụng bảo vệ đất chống xói mòn trên đất dốc.

2. Vùng trồng và giống hồng

- Hồng được trồng ở hầu hết các tỉnh phía Bắc từ Thừa

Thiên Huế trở ra, từ vùng đồng bằng như Lý Nhân (tỉnh Hà Nam) đến trung du như Việt Trì (Phú Thọ), Lục Ngạn (Bắc Giang) và miền núi như Cao Lộc (Lạng Sơn), Đà Bắc (Hoà Bình), Lục Yên (Yên Bái), Ba Bể (Bắc Cạn), ở miền Nam hồng được trồng nhiều ở Đà Lạt, Đơn Dương (Lâm Đồng) đặc biệt ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, cây hồng có vị trí khá quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao trên những vùng đất xấu, khô hạn, mà ở đây không thể hoặc rất khó khăn đối với các cây trồng khác.

Nhờ trồng hồng mà bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều thay đổi: các xã Thuỵ Hùng, Bảo Lâm, Thạch Đạn, Lộc Thanh huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn với giống hồng không hạt nổi tiếng; xã Xuân Trường ở thành phố Đà Lạt, thị trấn D'ran (Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng), xã Tân Quang huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang; xã Nam Đàn tỉnh Nghệ An, vùng hồng ở huyện Đà Bắc tỉnh Hoà Bình...

- Các giống hồng:

Kết quả điều tra của Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (Phạm Văn Côn và CTG, 1998, 2005); Đại học Nông lâm Thái Nguyên (Trần Như Ý và CTG, 2000); Viện Nghiên cứu Rau quả (Trần Thế Tục, Lê Đình Danh,

Phạm Minh Cường, 1998); Đại học Đà Lạt (Mai Xuân Lương, 1995) cho thấy giống hồng ở nước ta rất đa dạng và phong phú. Có khoảng 40 - 50 giống đặt tên theo tên địa phương nơi đang trồng giống đó. Ví dụ: hồng Thạch Thất, hồng Lý Nhân, Hồng Lạng Sơn, Hồng Hạc (Hạc Trì, thành phố Việt Trì)...

Việc phân loại hồng cho đến nay chưa có những công trình nghiên cứu đầy đủ và chi tiết. Phương pháp phân loại cũng khá nhiều: có thể căn cứ vào hình dạng quả để phân biệt hồng tròn, hồng vuông, hồng dẹt, hồng trứng, hình tim, hoặc căn cứ vào độ lớn để phân: quả rất lớn (200g trở lên), quả lớn (150 - 200g), quả loại trung (75 - 150g), quả loại nhỏ (dưới 75g).

Ví dụ: hồng không hạt Lạng Sơn có 2 dạng quả, dạng quả lớn 75 - 100g/quả, dạng quả nhỏ 35 - 40g/quả. Việc phân loại hồng còn dựa vào thời vụ chín: chín sớm vào tháng 8 âm lịch (Tết trung thu) và chín muộn vào dịp Tết nguyên đán (tháng 12 âm lịch); dựa vào việc xử lý quả sau thu hoạch để sử dụng: hồng ngâm, hồng dấm chín hoặc để chín tự nhiên.

Đáng chú ý là việc phân loại hồng còn dựa độ chất trong quả trước khi thu hoạch. Có giống hồng ngọt (còn gọi là hồng dòn) khi chín có thể ăn ngay trên cây và

giống hồng chất phải khử chất sau thu hoạch mới có thể ăn được.

Việc phân loại hồng ngày nay người ta chia 2 nhóm:

- Hồng chất
- Hồng ngọt.

Sau đó là căn cứ vào dạng hình quả, việc xử lý quả sau thu hoạch (ngâm, dầm quả)...

Ở nước ta từ trước đến nay trồng giống hồng chất là chủ yếu. Trong hơn 5 năm gần đây, chương trình giống quốc gia, đã nhập nội, chọn lọc và đã trồng thử nghiệm thành công một số giống hồng ngọt (hồng dòn) là Fuyu, Jiro ở Đà Lạt, Mộc Châu, Sa pa, Bắc Hà và một số điểm vùng cao ở các tỉnh miền núi. Kết quả này mở ra một cục diện mới trong nghề trồng hồng ở nước ta, trước mắt là mang lại hiệu ích kinh tế cao cho người trồng hồng. Ví dụ: vụ hồng năm nay hồng Nhân hậu bán 8 - 10.000 đ/kg, trong khi đó hồng dòn Fuyu, Jiro 20 - 25.000 đ/kg.

Giới thiệu tóm tắt một số giống hồng ở miền Bắc và miền Trung:

1) Hồng Thạch Thất

Nguồn gốc: từ làng Yên Thôn, huyện Thạch Thất (Sơn

Tây cũ) nên có nơi quen gọi là hồng Yên Thôn.

Cây sinh trưởng khoẻ, lá cây màu xanh đậm, to bản. Quả hình trụ tròn, hơi lồi, khi chín có màu đỏ vàng, trọng lượng trung bình 120 - 150g, chín vào tháng 11, 12, tỷ lệ phần ăn được 84,6%, hàm lượng chất khô 19,78%, đường tổng số 14,22%, axit 0,12%, caroten 32,27mg% chất khô. Sau khi thu hoạch phải giảm khử chất mới ăn được. Quả ăn ngọt, thịt hơi nhão.

Hiện nay hồng Thạch Thất đã được trồng ở nhiều vùng sinh thái khác nhau ở miền Bắc: Hà Tây, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Nghệ An, Hà Tĩnh... Cây đều sinh trưởng khoẻ và cho quả tốt.

2) Hồng Lý Nhân

Còn gọi là hồng Nhân Hậu. Thân cây màu xám, cành bánh tẻ màu nâu, tán hình bán nguyệt, độ cao phân cành trên 1m. Lá lớn, hình bầu dục màu xanh đậm, mặt trên lá bóng láng, mặt dưới có lông tơ màu nâu vàng. Quả hình tim, khi chín có màu đỏ thẫm thường chín vào trung tuần tháng 8 âm lịch, vỏ quả mỏng, thịt quả dẻo, ngọt, ít hạt, trọng lượng quả 150 - 250g, phần ăn được 89,08%, hàm lượng chất khô 18,08%, đường tổng số 16,34%, axit 0,29%, hàm lượng caroten 34,87mg% chất khô.

Ngoài quả hình tim còn có một dạng quả vuông có tai

giã chín muộn hơn một tháng.

Hồng Lý Nhân là giống có chất lượng quả tốt, được thị trường ưa chuộng, nhiều tính như Bắc Giang, Thái Nguyên có diện tích trồng hồng Lý Nhân Hậu khá rộng.

3) Hồng không hạt Lạng Sơn

Còn gọi là Hồng Bảo Lâm vì vùng hồng này trồng ở các xã Bảo Lâm, Thụy Hùng, Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Hồng không hạt Lạng Sơn nổi tiếng cả nước từ nhiều năm nay, sản phẩm quả được tiêu thụ ở nhiều địa phương trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Quả có hình tim, có 4 rãnh dọc không sâu lắm. Có hai loại: dạng quả lớn 75 - 100g và dạng quả nhỏ 35 - 40g. Khi chín vỏ màu xanh vàng, thịt quả màu vàng đỏ, không hạt, có nhiều cát ăn giòn, ngọt thơm, chất lượng rất tốt. Mùa thu hoạch vào tháng 8 âm lịch, thường ngâm để khử chất mới ăn được.

Tỷ lệ phân ăn được 82,38% hàm lượng chất khô 23,01%, hàm lượng đường 12,36%, axit 0,23%, caroten 5,54mg% chất khô.

Hồng Lạng Sơn còn được trồng rải rác ở một số địa phương khác như Chợ Rã (Cao Bằng), Bạch Thông (Bắc Cạn) và một số huyện Tuyên Quang cũng có giống hồng này.

4) Hồng vương Thạch Hà

Trồng tập trung ở hai xã Thạch Đài và Thạch Lĩnh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Cây cao to, quả hình vuông có khía sâu dọc quả tạo thành 4 múi. Trọng lượng trung bình 160g tỷ lệ phần ăn được 93%, hàm lượng chất khô 18,15%/chất khô, vỏ quả hơi dày, bóng, vỏ khi chín có màu đỏ vàng, ít xơ, thịt quả màu đỏ hồng, chín vào tháng 10 - 11 âm lịch, được người tiêu dùng ưa thích. Năng suất có thể đạt 400 - 500 kg/quả ở cây trưởng thành.

5) Hồng Hạc Trì

Đây là giống hồng không hạt nổi tiếng có phẩm chất ngon, nguồn gốc từ xã Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Cây cao to, sinh trưởng khoẻ, tán thấp. Quả hình trụ, tròn quả hơi tù, có 4 cạnh rõ rệt, trọng lượng trung bình 100 - 150g. Chín vào giữa tháng 8 âm lịch, phải ngâm, không hạt hay có rất ít hạt. Vỏ quả khi chín có màu vàng hơi đỏ, thịt quả màu vàng, ăn giòn, ngọt, tỷ lệ phần ăn được 82,73%, hàm lượng chất khô 19,8%, đường tổng số 13,9%, axit 0,17%, caroten 21,95mg% chất khô.

Do hoàn cảnh chiến tranh trước đây và quá trình đô thị

hoá nên diện tích trồng hồng ở đây không còn nhiều. Tỉnh Phú Thọ đang có chương trình điều tra, tuyển chọn nhân giống và phục hồi giống hồng đặc sản này của tỉnh.

6) Hồng Việt Cường

Trồng ở thôn Việt Cường, xã Hoá Thượng, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên do đồng bào khai hoang đem từ Khoái Châu (Hưng Yên) lên. Quả to, vuông, trọng lượng 200 - 250g, không hạt rất gần với giống hồng vuông Thạch Hà. Quả chín vào dịp Tết Trung thu. Có thể dầm hoặc ngâm đều được. Hồng ngâm ăn giòn ngọt.

7) Hồng Găng Ba Bể

Trồng ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn. Dạng quả gần như vuông, có rãnh rõ rệt. Trọng lượng trung bình 120 - 150g, không hạt ngâm chín vào rằm trung thu, ăn giòn rất ngọt, chất lượng quả gần giống hồng không hạt Lạng Sơn. Trên cây đã trưởng thành cho thu hoạch 150 quả/cây.

8) Hồng Lục Yên

Là giống hồng được trồng nhiều ở các xã Vĩnh Lạc, Mường Lai, Minh Tiến, Tân Lĩnh, Lâm Thượng, Mai Sơn, Yên Thắng... thuộc huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái nên có tên gọi là hồng Lục Yên.

Đặc điểm: quả dài tròn đều, trọng lượng trung bình 80 - 120g chín vào tháng 8 - 9 âm lịch, khi chín màu vàng sáng, chủ yếu ăn ở dạng hồng ngâm, ăn giòn, ngọt. Hàm lượng đường 12,5%, axit 0,18%, vitamin C 5,28mg/100g, hàm lượng tamin 0,32%.

CÁC GIỐNG HỒNG TRỒNG Ở ĐÀ LẠT

1) Hồng trứng lóc

Trồng ở Đà Lạt, là một trong những giống được ưa chuộng nhất hiện nay. Cây có tán rất lớn, cây 15 tuổi có bán kính đến 5m. Quả hình trứng, cân đối khi chín có vỏ màu hồng, bóng láng. Quả chín rất ngọt, vừa giòn vừa dẻo, thích hợp cho việc vận chuyển đi xa. Năng suất rất cao, chống chịu sâu bệnh khá, thích hợp với điều kiện khí hậu ở Đà Lạt. Cây 5 tuổi có thể đạt 5 - 6 tạ/năm. Do tán cây rộng nên hồng trứng lóc thường trồng với mật độ thưa, cây cách 7 - 8m. Mùa thu hoạch quả từ tháng 6 đến tháng 8.

2) Hồng trứng muện

Quả hình trứng, khi chín vỏ màu hồng, bóng, cây có tán trung bình 7 - 8m. Năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, nhất là khi có gió lớn quả ít rụng. Giống hồng

trứng muộn được xếp vào nhóm các giống hồng được ưa thích nhất ở Đà Lạt. Mặc dù chất lượng không bằng hồng trứng lóc, nhưng vì chín muộn, thu hoạch vào tháng 10 - 11 nên giá bán quả tươi rất cao 8.000 - 12.000 đ/kg.

Nhược điểm cơ bản của giống hồng này là chậm ra quả, sau trồng 5 - 7 năm mới bắt đầu cho thu hoạch và năng suất quả cây 7 - 8 tuổi 3 - 4 tạ/cây/năm.

3) Hồng Nhật

Trồng ở Đà Lạt. Cây có tán trung bình có thể trồng với mật độ tương đối dày (cây cách cây khoảng 5m), 1ha có thể trồng 400 cây. Cây nhanh ra quả, sau năm thứ 3 kể từ khi trồng đã cho thu hoạch. Chất lượng quả không được ngon lắm, có nhiều nước, khó vận chuyển. Tuy nhiên do có năng suất cao nên giống hồng Nhật được đánh giá là một trong số các giống hồng ở Đà Lạt có giá trị kinh tế cao nhất. Quả hồng Nhật thường dùng để chế biến bằng cách sấy khô để tiêu thụ trên thị trường. Mùa thu hoạch hàng năm vào tháng 10 - 11.

4) Hồng pom tròn

Là một trong những giống hồng có giá trị cao nhất ở vùng Đà Lạt. Quả to tròn rất đẹp. Có năng suất tương đối cao, trung bình 01 tạ/cây/năm. Cây bắt đầu cho thu

hoạch sau 7 - 8 năm trồng. Quả dầm chín màu đỏ son không hạt hoặc rất ít hạt, phẩm chất tốt, được người tiêu dùng ưa chuộng. Mùa thu hoạch hàng năm vào tháng 9 - tháng 10.

5) Hồng chén

Cây có tán lá trung bình. Cành yếu nên thường phải được chống đỡ khi có quả. Lá nhiều, thường che khuất quả. Năng suất trung bình. Quả lớn, hơi dẹt về phía cuống, phẩm chất tốt được người tiêu dùng ưa chuộng. Hồng chén thuộc nhóm hồng giấm, trong nhóm giống hồng có giá trị kinh tế cao nhất trồng ở Đà Lạt. Mùa thu hoạch quả vào tháng 9 - 10.

6) Hồng ăn liền

Cây có tán lá thấp bé, có thể trồng dày với khoảng cách giữa các cây 3 - 4m. Quả hình tròn dẹt, có 8 khía, trong đó có 4 khía rất rõ, khi chín màu vàng đỏ có thể ăn ngay được. Quả nặng 200 - 250g, ăn giòn, ngọt, không hạt hoặc có ít hạt. Hồng ăn liền có nguồn gốc từ Nhật Bản, không rõ nhập vào Đà Lạt từ lúc nào. Hiện nay diện tích trồng còn hẹp, song đây là giống có nhiều triển vọng, được người tiêu dùng ưa thích.

Ở Đà Lạt, ngoài các giống kể trên còn có nhiều giống

hồng khác như hồng Quế Hương, hồng Gạch, Hồng Sơn, hồng Hoá Tiền, hồng dòn, hồng Lạng Sơn, hồng Xã... Riêng giống hồng nước quả chất lượng kém giá trị kinh tế thấp, thu hoạch vào tháng 8 - 10, nhưng lại có nhiều hạt và khả năng nảy mầm của hạt rất cao. Cây con sau khi nảy mầm sinh trưởng nhanh, bộ rễ phát triển tốt, vì vậy rất thích hợp cho việc dùng làm gốc ghép.

3. Tình hình vườn hồng ở các địa phương và sự cần thiết phải cải tạo

Tuy điều kiện khí hậu, đất đai có nhiều thuận lợi cho việc phát triển sản xuất hồng lấy quả, nhiều địa phương trong nước có những giống hồng đặc sản quý nhưng trong hơn 15 năm qua sản xuất hồng ở nước ta không tương xứng với tiềm năng vốn có. Nhìn rõ ở các mặt sau:

- Năng suất thấp và không ổn định
- Giống thoái hoá và có nguy cơ mất giống
- Trồng hồng theo lối tự phát và thấy vườn nhà bên, xã bên có giống tốt, bán được tiền, có thu nhập khá thì làm theo, thiếu quy hoạch và sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, của chính quyền địa phương
- Nông dân thiếu hiểu biết và ít có kiến thức, thông tin cần thiết về đối tượng cây mình dự định phát triển.

Nhìn vào vườn hồng ở bất cứ một địa phương nào đều thấy là vườn tạp: do giống không được chọn lọc bảo đảm đúng giống mình cần. chất lượng cây giống không tốt, trong một vườn có cây giâm rễ, có cây ghép, tuổi cây không đồng nhất. mật độ khoảng cách không hợp lý, thường trồng quá dày, cây lớn trồng cạnh cây bé dẫn đến cây bé bị cây lớn che khuất, quang hợp kém, cây lớn tranh chấp dinh dưỡng, ánh sáng với cây bé, không tạo được sự phối hợp hỗ trợ cho nhau trong một quần thể trên một quy mô diện tích nhất định, trái lại còn tranh chấp lẫn nhau, cả hai đều phát triển không tốt.

Thêm nữa việc quản lý vườn hồng chưa được tốt về mặt cung cấp dinh dưỡng, phân bón, cung cấp đủ liều lượng, phối hợp đúng tỷ lệ, bón đúng vào lúc cây cần và có phương pháp bón phù hợp để cây có thể hấp thu tối đa, tiết kiệm được phân bón, giảm thiểu chi phí. Việc cắt tỉa, tạo hình, tưới nước ở các thời kỳ trong năm cho phù hợp với tuổi cây nhiều vườn không làm, hoặc chỉ làm được một phần.

Đặc biệt thoát nước, chống úng cho cây hồng ở vùng thấp, và bảo vệ đất, chống xói mòn và rửa trôi cho vườn hồng trên đất dốc trong mùa mưa cũng làm chưa tốt, do thiếu hiểu biết về chuyên môn, nhưng trong nhận thức

người trồng hồng cho rằng cũng chưa có gì thật cấp bách cho lắm.

Việc phòng trừ sâu bệnh, ngăn ngừa dịch hại, phòng chống rụng hoa, nhất là chống rụng quả đối với hồng còn chưa kịp thời và thiếu các phương tiện, vật tư cần thiết. Do đó vườn hồng đạt năng suất thấp, thậm chí không có thu hoạch.

Nhìn chung toàn bộ quy trình chăm sóc cây hồng ở các giai đoạn và thời kỳ phát triển làm chưa tốt, hay có thể nói thiếu kỹ thuật thâm canh vườn hồng.

Đó là chưa nói đến có nhiều vườn hồng là vườn tạp, trong đó có nhiều loại cây trồng khác cùng chen chúc sống chung với cây hồng. Cuối năm xem lại, không có cây gì cho thu nhập đáng giá. Tính ra thu nhập được trên một đơn vị diện tích trồng trồng là rất thấp.

Những điều nêu ra trên đây cho thấy vườn hồng ở các vùng trong nước trừ một số vườn có chọn giống tốt, có kỹ thuật thâm canh đa phần đều là vườn tạp. Phải có kế hoạch từng bước cải tạo vườn hồng để mang lại lợi ích cho gia đình và cho địa phương mình. Thị trường trong nước luôn luôn cần có các loại quả đẹp mã giàu dinh dưỡng và chất lượng cao, trong đó có quả hồng.

4. Nội dung và phương pháp cải tạo vườn hồng

Nội dung:

a) Cần xác định cho được giống hồng mới để đưa vào cải tạo vườn hồng là giống gì? Có thể dựa vào các tiêu chuẩn sau:

+ Giống có chất lượng cao, có mùi vị thơm ngon, được người tiêu dùng ở nhiều vùng trong nước ưa thích

+ Giống có khả năng cạnh tranh với các loại quả khác trong vùng và quả cùng loại ở vùng khác

+ Có khả năng thích ứng với môi trường sinh thái nơi trồng

+ Ít sâu bệnh, có khả năng cho năng suất cao

+ Có hiệu quả kinh tế hơn giống hồng cũ.

b) Lập kế hoạch chi tiết cải tạo vườn hồng, bao gồm: lên sơ đồ, công tác chuẩn bị, công tác triển khai... (chi tiết tham khảo mục 2 - Những nội dung chủ yếu trong cải tạo vườn nhãn tạp, phần cải tạo vườn nhãn tạp).

Phương pháp ghép cải tạo đối với hồng

Trường hợp dưới đây là một ví dụ để các Hội viên Hội làm vườn và bà con nông dân tham khảo:

- Địa điểm thực hiện: vườn hồng ở Mộc Châu ở độ cao 700 - 900m so với mặt biển. Giống địa phương Thạch Thất, Nhân Hậu trồng năm 2000 đã có quả vụ thứ 2.

Giống mới đưa vào cải tạo: Fuyu, Jiro thuộc nhóm hồng dòn, hồng ăn liền đã trồng có quả ở Mộc Châu.

Cách làm cụ thể như sau:

Dùng mắt ghép của giống hồng dòn Fuyu, Jiro ghép lên giống hồng địa phương vào tháng 8 - 10/2003 theo phương pháp ghép mắt nhỏ có gỗ. Cành để lấy mắt ghép là cành mùa xuân, bỏ 2 - 3 mắt ở ngọn cành. Dùng giấy ni lông tự hủy bọc kín phần ghép, ghép theo phương pháp này tỷ lệ sống rất cao (đạt đến 90%). Sau ghép 20 ngày cắt ngọn. Một cây ghép cải tạo 40 mắt, cây có tán lớn có thể ghép nhiều mắt hơn. Sau cắt ngọn để yên. Mùa đông ở Mộc Châu lạnh, mầm ghép ngủ. Đến tháng 2/2004 cây bật mầm. Lọc cành sinh trưởng phát triển suốt năm 2004 và đến mùa xuân 2005 cây ra hoa và cho thu hoạch quả vào tháng 9 - 10/2005. Nếu tính từ lúc ghép cải tạo đến lúc cho thu hoạch quả đối với giống hồng mới là 2 năm. Trung bình mỗi cây cho thu hoạch 40 - 50 quả trọng lượng trung bình 200 - 250g/quả, cao nhất có cây đạt trên 100 quả.

Điểm cần chú ý:

- Chỉ có thể ghép cải tạo giống mới Fuyu, Jiro cho những vườn hồng ở độ cao so mặt biển từ 700 - 800m trở lên vì những giống này có nguồn gốc ở Nhật Bản, nơi có mùa đông lạnh. Cây yêu cầu có một thời gian lạnh nhất định mới phân hoá mầm hoa và ra hoa đậu quả được. Ở vùng thấp, mùa đông ẩm, không nên trồng các giống hồng mới này.

- Sau khi ghép cải tạo cho cây đến tháng 11, 12 cây rụng lá trước đó nên làm vệ sinh vườn, quét vôi gốc và bón phân cho cây. Với cây 6 - 7 tuổi có điều kiện có thể bón 50 - 70kg phân chuồng ủ mục, thêm 2 - 3kg NPK hỗn hợp/1 cây.

- Chăm sóc cây hồng từ ra hoa đến thu hoạch quả theo hướng dẫn của quy trình kỹ thuật. Đặc biệt có các giải pháp hữu hiệu để phòng chống rụng quả và sâu bệnh hại.

PHÂN CHIA LỢI ÍCH KHI THAM GIA CẢI TẠO VƯỜN TẠP

Để đẩy nhanh việc cải tạo vườn tạp, cần huy động lực lượng đông đảo của nghề vườn tham gia: chủ vườn, cán bộ khoa học, kỹ thuật viên, các doanh nghiệp... Do đó phải quan tâm đến lợi ích của các bên. Đã có các dạng hợp đồng sau:

1. Các dự án của Nhà nước, các Tổ chức Quốc tế với chủ vườn

Các chủ vườn đồng ý để cho các chủ dự án tham gia cải tạo cây ăn quả trên vườn của mình. Chủ vườn góp công lao động và làm theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật của dự án, đóng góp phân hữu cơ và các vật tư công cụ khác tham gia vào việc cải tạo vườn tạp.

Phía dự án cung cấp giống mắt ghép, cành ghép, hướng dẫn cho chủ vườn kỹ thuật chăm sóc, cắt tỉa, bón phân, tạo hình, phòng trừ sâu bệnh.

Cung cấp một phần phân vô cơ, các chất kích thích

sinh trưởng, thuốc đầu quả và các loại thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư cần thiết khác theo thoả thuận giữa hai bên.

Chủ vườn phải làm đúng theo quy trình kỹ thuật do Dự án hướng dẫn. Sản phẩm thu được chủ vườn hoàn toàn được hưởng. Chủ vườn có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ các thông tin số liệu thu được do làm thử nghiệm cho chủ Dự án và là nơi trình diễn, tham gia học tập kinh nghiệm cho các hộ trong vùng.

2. Người chuyển giao kỹ thuật và chủ vườn 2 bên đều có lợi

- Người chuyển giao kỹ thuật có nhiệm vụ cung cấp giống mới, mắt ghép hoặc cành ghép, ghép cây và hướng dẫn chủ vườn ghép; hướng dẫn chủ vườn quy trình chăm sóc sau ghép cho đến khi có thu hoạch. Theo dõi quy trình chăm sóc sau khi có thu hoạch lần đầu tiên cho đến hết thời gian ký hợp đồng.

- Phía chủ vườn cung cấp vườn cây, vật tư chăm sóc cây sau khi cải tạo như phân bón, tưới nước, công chăm sóc...

- Điều kiện hưởng lợi: khi có sản phẩm mỗi bên được hưởng 50% sản phẩm. Thời gian hợp đồng do 2 bên thoả

thuận. Ví dụ: năm bắt đầu là 2006 - năm kết thúc sẽ là 2010. Sau khi kết thúc hợp đồng sản phẩm thu được 100% chủ vườn được hưởng. Hợp đồng xem như chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm hưởng lợi và thời gian hợp đồng do hai bên bàn bạc thỏa thuận.

3. Một hình thức nữa là chủ vườn mua giống mới và kỹ thuật ghép cải tạo (Do Hội làm vườn tỉnh Hà Tây đề xuất và được nhiều chủ vườn hưởng ứng)

Hội làm vườn tỉnh Hà Tây từng cử cán bộ kỹ thuật đến giúp cải tạo vườn nhãn tạp cho chủ vườn.

Yêu cầu: là giống nhãn chín muộn HT1 (nhãn chín muộn Đại Thành hoặc giống nhãn chín muộn của Ông Nguyễn Văn Đông xã Song Phượng, huyện Hoài Đức).

Cứ ghép một mắt sống, bật được mầm và phát triển thành cành ổn định. Sau khi nghiệm thu chủ vườn trả cho Hội 3.000đ/mắt.

Tại vườn nhà ông Được, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng trồng 30 cây nhãn, ghép thay thế cho số cây đã trưởng thành dự kiến với gần 1 vạn mắt ghép.

Chắc rằng đã có nhiều hình thức phối hợp của các thành phần kinh tế tham gia vào việc ghép cải tạo vườn tạp mà bài viết này chưa đề cập đến. Song chúng tôi tin

chắc sự quan tâm đến việc phân chia lợi ích khi tham gia cải tạo vườn tạp của các thành viên sẽ thúc đẩy nhanh sự phát triển của các giống mới, có được nhiều sản phẩm cây ăn quả có chất lượng cao nhưng không phải mở thêm nhiều diện tích trồng mới, vì cho đến nay diện tích cây ăn quả toàn quốc cũng đã đạt đến các chỉ tiêu về diện tích của dự án phát triển cây ăn quả 1999 - 2010 và một số vùng như đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng... đất để mở rộng diện tích cây ăn quả cũng không còn nhiều.

PHỤ LỤC 1

Các giống mới (cây ăn quả) qua bình tuyển, chọn lọc ở các hội thi cây ăn quả ở các địa phương, các giống nhập nội và tuyển chọn cây đầu dòng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho phép nhân giống đưa vào sản xuất

CÂY CÓ MŨI

CÁC GIỐNG BƯỞI

(*Citrus grandis osbeck*)

1. Bưởi năm roi

Cây đầu dòng BNR 25 thuộc giống bưởi Năm Roi, được trồng tại huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Cây có đặc tính sinh trưởng khá mạnh, dạng tán hình tròn, phiến lá hình trứng, cu lá hình tím, mặt lá màu xanh đậm.

Quả có trọng lượng trung bình 1100g/quả, dạng quả

hình quả lê, ngoại hình đẹp, vỏ quả khi chín màu xanh vàng đến vàng tươi dễ bóc, tép màu vàng nhạt, bó chặt dễ tách khỏi vách múi và nhiều nước, vị ngọt, chua nhẹ (độ Brix 9 - 11%) tỷ lệ phần ăn được là trên 50%. Số lượng hạt ít đến không có hạt. Trồng thuần giống Năm Roi trong vườn thì không có hạt, nếu trồng xen với các giống khác thì có hạt.

Thời gian ra hoa đến thu hoạch khoảng 7 - 7,5 tháng.

Cây 5 - 6 tuổi thường cho 50 - 70 quả/cây.

Bưởi Năm Roi là giống ngon, được trồng nhiều ở tỉnh Vĩnh Long (huyện Bình Minh) và các tỉnh khác như Tiền Giang, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Bến Tre... đều có trồng.

2. Bưởi lông Cổ Cò

Hay còn gọi là bưởi lông hồng, bưởi lông ruột hồng nguồn gốc tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Hiện giống này được nhân rộng và trồng khá phổ biến tại các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Thơ.

Có tên bưởi lông là do lúc quả còn nhỏ phủ một lớp lông tơ dày, lớn lên lớp lông này tự mất đi, đọt và lá non cũng phủ một lớp lông tơ nên có tên gọi là “*bưởi lông*”. Ngoài ra giới thương lái còn đặt tên là bưởi Lông Cổ Cò

vì trên quốc lộ 1A qua vùng bưởi huyện Cái Bè (Tiền Giang) có cây cầu “Cổ Cờ” cũng là một bến sông mua bán bưởi Lòng nên có tên bưởi Lòng Cổ Cờ.

Quả có hình quả lê, nặng trung bình 0,9 - 1,4 kg/quả, vỏ quả có lông mịn, màu xanh vàng khi chín, vỏ dễ bóc và mỏng 1,3 - 1,6cm tép màu vàng hồng, bó chặt và dễ tách khỏi múi, nước quả khá nhiều vị ngọt đến ngọt và chua nhẹ độ Brix 9 - 11% có vị thơm. Số hạt 5 - 30 hạt/quả. Tỷ lệ phần ăn được > 50%.

Bưởi Lòng hồng được thị trường ưa chuộng, ngoài vị ngọt, chua nhẹ và màu hồng của tép, một đặc tính khác được nhà vườn ưa chuộng là cho quả quanh năm, năng suất tương đối ổn định và có thể giữ quả trên cây gần được 1 tháng khi mùa thu hoạch rộ. Đặc biệt, bưởi Lòng hồng có khả năng chống chịu tốt đối với bệnh vàng lá và thối rễ, một bệnh mới xuất hiện vài năm gần đây ở Đồng Bằng sông Cửu Long trên cây có múi.

3. Bưởi Da xanh

Nguồn gốc: tại xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khá, dạng tán hình tròn. Đặc điểm để nhận dạng giống là phiến lá phủ một phần

lên eo lá (ở miền Nam gọi là cánh lá), bìa lá có răng cưa tròn và rõ, ít lông tơ, màu lá xanh đậm. Cây có khả năng cho quả sau trồng 2,5 năm nếu được chăm sóc tốt, mùa thu hoạch rải rác quanh năm, thường tập trung từ tháng 8 - 11 hàng năm.

Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch quả 7 - 7,5 tháng, năng suất khá cao và ổn định (trên 100 quả/cây/năm với cây khoảng 14 năm tuổi).

Quả có trọng lượng trung bình 1,2 - 2,2 kg/quả, dạng quả hình cầu, vỏ quả màu xanh đến xanh vàng, khi chín dễ bóc vỏ, tép màu hồng đỏ không được đều bó chặt, dễ tách khỏi vách múi, mỏng nước, vị ngọt không chua, độ Brix 9 - 12%, Ăn ngon và thơm. Đây là giống có chất lượng ngon nhất trong số các giống bưởi ngon ở miền Nam hiện nay. Tỷ lệ phân ăn được 51 - 56%, có 10 - 30 hạt/quả.

Năng suất trung bình đạt 90 - 100 kg/cây/năm. Cây đầu dòng đã được tuyển chọn 130 kg/cây/năm.

Giống bưởi Da xanh có cá thể BDX 30 đạt giải B trong hội thi cây có múi giống tốt được tổ chức năm 1996 tại Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam và giống này đạt nhiều giải cao trong các hội thi trái ngon.

Thị trường trái cây miền Nam ngày càng nhiều người thích bưởi Da xanh và giá bán lúc nào bưởi Da xanh cũng cao hơn bưởi Năm Roi.

4. Bưởi đường lá cam

Cây đầu dòng bưởi đường lá cam BC12 ở xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai do Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam tuyển chọn và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép sản xuất tại các tỉnh phía Nam từ năm 1997.

Đặc điểm để phân biệt giữa bưởi đường lá cam với các giống bưởi khác là bưởi này lá nhỏ giống như lá cam nên có tên gọi là bưởi đường lá cam.

Cây sinh trưởng khá, tán dạng tròn, cành phân bố đều, lá xanh đậm, phiến lá hình mác, eo lá hình tim, bìa lá có khía tròn.

Quả có dạng hình lê thấp. Trọng lượng trung bình 1000g/quả màu xanh vàng khi chín. Vỏ láng dễ bóc, tép màu vàng, bó chặt dễ tách khỏi vách múi, nước quả nhiều màu vàng nhạt, hương vị thơm, ngọt, rất ngon, độ Brix 10 - 11%, phần ăn được chiếm 50 - 55%, nhiều hạt 60 - 90 hạt/quả.

Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch quả 7,0 - 7,5 tháng.

Quả chín rải rác quanh năm, thường tập trung từ tháng 8 đến tháng 1 năm sau. Cây 8 - 10 tuổi năng suất trung bình 82 quả/cây/năm, cây lớn có thể đạt 120 - 200 quả/cây/năm.

Giống bưởi đường lá cam BC12 được nhân rộng và trồng khá phổ biến ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương...

5. Bưởi Phúc Trạch

Là giống bưởi đặc sản của huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, do được trồng đầu tiên ở xã Phúc Trạch nên người ta lấy tên là bưởi Phúc Trạch.

Trồng bằng cành chiết cây 8 tuổi, cây có chiều cao 4,5 - 5,5m, rộng tán 5,5 - 6,0m tán cây hình bán nguyệt, góc độ phân cành lớn.

Lá có dạng hình trứng ngược, mép lá có răng cưa nhỏ và nông màu xanh đậm, eo lá hình tim.

Quả hình cầu hơi dẹt, trọng lượng trung bình 1,0 - 1,2 kg/quả vỏ quả nhẵn, khi chín màu vàng rơm, tép và múi màu hồng nhạt. Phần ăn được chiếm 45 - 65% trọng lượng quả. Trong quả có 20 - 120 hạt, phôi màu trắng, đơn phôi. Quả chín có hàm lượng đường tổng số 8,7 - 11,1%, axit 0,48 - 0,54%. Vitamin C 40 - 60mg/100g. Bưởi Phúc Trạch nở hoa vào tháng 1 - 2. Thu hoạch quả

vào tháng 8 - 9. Khi chín có vị ngọt đậm, chua thanh, tép mọng nước khô, dễ tách múi. ăn không có vị the hoặc đắng. Năng suất trung bình từ 150 - 200 quả/cây.

6. Bưởi Thanh Trà

Bưởi Thanh Trà là cây ăn quả đặc sản của tỉnh Thừa Thiên Huế được trồng ven bờ sông Hương tập trung chủ yếu ở các xã Hương Vân, Hương Hồ (huyện Hương Trà), xã Thủy Biều (thành phố Huế), xã Thủy Bằng (huyện Hương Thủy).

Đặc điểm chính cây sinh trưởng khỏe, tán cây hình bán cầu phân cành mạnh, góc độ phân cành lớn. Trồng bằng cành chiết, ở độ tuổi 10 - 20 cây có chiều cao 5,8 - 7,5m, đường kính tán 5,2 - 6,1m. Lá bưởi Thanh Trà có dạng hình trứng ngược, mép lá có răng cưa nhỏ, mủt lá chẻ hơi lõm xuống màu xanh, kích thước lá khoảng 13 x 7cm, eo lá 2,9 x 1,8cm.

Quả bưởi Thanh Trà có dạng hình quả lê, trọng lượng quả 500 - 1000g, vỏ quả nhẵn, khi chín có màu vàng sáng, có 13 - 14 múi/quả, tép mọng nước màu trắng xanh, vị ngọt, chua nhẹ, đường tổng số 11,0 - 12,3%, axit 0,51 - 0,64%, vitamin C 43,14 - 52,93%, số hạt/quả 20 - 80 hạt. Phân ăn được từ 55 - 65%. Bưởi Thanh Trà ra hoa

vào tháng 1 - 2, thu hoạch vào tháng 8 - 9. Năng suất: 174 - 214 quả/cây (cây 10 - 20 tuổi) và đạt 136 - 168kg/cây.

Ở các tỉnh miền Nam như Đồng Nai, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ cũng có trồng Thanh Trà, giống bưởi này vào đây từ lúc nào không rõ nhưng trồng đều cho kết quả rất tốt.

7. Bưởi Diễn

Bưởi Diễn là 1 trong 3 loại cây ăn quả đặc sản của Hà Nội: bưởi Diễn, Cam Canh và hồng xiêm Xuân Đỉnh.

Nguồn gốc: tương truyền cách đây hơn 70 năm cụ Lý Năm ở thôn Đức Diễn - nay là thôn Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội nhận được quà biếu là cây bưởi giống ở Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Đem về trồng và sau này nhân ra thành giống bưởi Diễn ngày nay.

Đặc điểm chủ yếu:

Cây chiết 10 tuổi có chiều cao 2,8 - 3,3m, đường kính tán 3,2m - 3,6m, tán hình mâm xôi, lá trung bình (dài 7,8 - 8,7cm, rộng 4,5 - 5,8cm), phiến lá hơi cong lòng máng, đầu mút lá chia thùy, hơi bằng, eo lá hình tim.

Quả tròn hơi dẹt, quả chín mã đẹp màu vàng sáng, trọng lượng từ 0,8 - 1,3kg/quả, tép quả xanh vàng đến

vàng đậm dịch nước quả vừa phải, tép khô không dính tay ăn giòn, ngọt đậm. Hoa nở từ 17/2 - 25/2, thu hoạch quả tháng 12 - 1 (vào dịp tết nguyên đán). Tỷ lệ phần ăn được 57,5 - 63,2% so với trọng lượng quả, hàm lượng chất khô 9,7%, đường tổng số 6,3%, axit 0,05%, vitamin C 29,7mg/100g.

Năng suất cây 10 tuổi trung bình đạt 55 - 70 kg/cây.

8. Bưởi Đoan Hùng

Huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ có 11 giống bưởi khác nhau có ở hầu hết các xã trong huyện (Hồ Quang Đức, 2005) nhưng nổi tiếng nhất là 2 giống bưởi quý là Bàng Luân và Sửu đang được trồng nhiều ở các xã thượng huyện và các xã ven sông Lô.

- Bưởi Sửu:

Nguồn gốc: bưởi Sửu là do cụ Phùng Văn Sửu người làng Đám, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng chọn lọc từ vườn nhà cụ sau đó dân làng thấy quả ngon mới đến xin cụ và nhân rộng ra cả xã và các xã khác ven sông Chảy như Tây Cốc, Hữu Đô...

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, phân cành nhiều, góc độ phân cành lớn và có tán cây hình bán nguyệt. Lá bưởi Sửu có hình ó van, xanh đậm. Quả có trọng lượng trung

bình 1000 - 1200g hình cầu hơi dẹt. Vỏ quả khi chín màu vàng xanh, trục quả rỗng, múi dễ tách, thịt quả màu trắng nhạt, tép bưởi hồng, mềm, mọng nước, ngọt, tép dính ướt. Tỷ lệ phần ăn được 50 - 54%. Bưởi Sửu thuộc nhóm bưởi ngọt mát, tép mọng mềm, ít chua hậu vị hơi đắng nhẹ, có nhiều hạt. Độ Brix 8,7 - 10,9%, axit 0,10 - 0,15%, vitamin C 55,8 - 82,0mg/100g.

Bưởi Sửu ra hoa vào tháng 2 - 3, chín vào tháng 10 - 11 trồng bằng cành chiết sau 3 năm cho thu hoạch, 8 - 10 tuổi mỗi cây đạt 90 - 120 quả. Ở tuổi 10 trở đi mới có năng suất cao: 150 - 200 quả/cây.

- Bưởi Bằng Luán:

Giống bưởi Bằng Luán là giống đang được trồng với diện tích lớn và khá tập trung, phân bố ở nhiều xã, nhưng nhiều nhất là ở xã Bằng Luán và một số xã ở thượng huyện. Hiện nay, ở xã Bằng Luán có khoảng 31.000 cây được trồng trên 104ha đất vườn đồi, nhiều vườn bưởi có các cây trên 80 năm tuổi, hầu hết bưởi Bằng Luán đều đang trong thời kỳ kinh doanh, cho năng suất khá ổn định. Trong đó có 60% số cây có tuổi từ 20 - 30 năm.

Quả có dạng hình cầu, kích thước quả nhỏ hơn so với bưởi Sửu, trung bình đạt 700 - 800g/quả. Khi chín vỏ quả

có màu vàng xám, hơi nâu, tép quả màu trắng xanh mọng nước, vị ngọt đậm. Độ Brix 9,8 - 12,4%, axit 0.09 - 0.14%, vitamin C 80,5 - 98,4mg/100g. Năng suất bưởi Bằng Luân thời kỳ kinh doanh (25 - 30 năm tuổi) đạt 300 - 400 quả/cây.

Bưởi Bằng Luân chín sớm hơn bưởi Sửu khoảng 10 - 15 ngày thường vào khoảng 10 đến tháng 11 âm lịch.

CÁC GIỐNG CAM

(*Citrus sinensis* L.)

1. Cam Xã Đoài

Là giống cam chanh có tiếng ở miền Bắc, trước đây trồng nhiều ở các xã trong huyện Nghi Lộc (Nghệ An) và sau này được trồng rộng rãi ở các nông trường trồng cam ở Nghệ An, Thanh Hoá. Hoà Bình.

Đặc điểm: cây cao 3,5 - 4,0m, tán rộng 4,2 - 4,5m. Cây phân cành tương đối thấp, lá có eo vừa, màu sắc lá xanh vàng hay xanh đậm. Quả hình tròn dài (dạng quả nhót) hay tròn dẹp (dạng quả bầu) đường kính quả 6,8 - 7,8cm, chiều cao 6,4 - 7,4cm. Trọng lượng trung bình 200 - 250g. Quả chín có màu vàng da cam, vàng đỏ, ăn ngọt và rất thơm. Dạng quả nhót có năng suất cao và ăn

ngon hơn dạng quả bản. Quả chín vào giữa tháng 10 đầu tháng 11. Phân tích thành phần dinh dưỡng quả cho thấy: Độ Brix 12%, đường tổng số 8,81%, axit 0,62%, vitamin C 49.1mg/100g, có trung bình 16 hạt/quả, vỏ dày 2,9mm. Năng suất quả: cây 7 tuổi mật độ trồng 6 x 5 có 217 quả/cây đạt 44,05 kg/cây. Giống cam Xã Đoài cho sản lượng quả cao từ năm thứ 5 đến năm thứ 9 bình quân 177 quả/cây. Kết quả điều tra cho thấy giống cam Xã Đoài có lượng quả cao nhất trong số giống cam chanh như cam Vân Du, Xã Đoài. Sóng Con trồng ở các nông trường trước đây.

2. Cam Vân Du

Nguồn gốc: là một giống cam nhập nội trước đây có bán trên thị trường mang nhãn hiệu thương mại "Sunkist". Trước đây (năm 1947 - 1948) trại thí nghiệm cam quýt Vân Du lấy hạt đem gieo và chọn ra được một số cây đầu dòng và do đó đặt tên cam Vân Du.

Cây mọc khoẻ, cao 4 - 5m, tán có đường kính 4 - 5m khung chắc nhiều cành có gai to, tán cây hình tháp hay hình mâm xôi. Quả hình tròn dài, hình trứng, vào loại nhỏ hơn so với cam Xã Đoài, cam Sóng Con, trọng lượng trung bình 202g. Quả chín màu vàng đỏ, vỏ dày khoảng 3mm, nhẵn trơn và mịn, túi tinh dầu phân bố đều có 11 -

12 múi, 12 - 16 hạt/quả, vách múi mềm và dòn, tép mịn màu vàng da cam nhiều nước (49,2% so trọng lượng quả), ăn ngọt thanh và thơm. Độ Brix 11,5%, đường tổng số 8,13%, axít 0,92%, vitamin C 50,3mg/100g. Cam Vân Du cùng chín một lúc với cam Xã Đoài (tháng 11) để lâu trên cây sẽ bị xối ở cuống.

Cam Vân Du bắt đầu cho nhiều quả từ năm thứ 7 trung bình 258 quả/cây đạt 52,11kg/cây. Cam Vân Du có khả năng thích ứng rộng với các vùng trồng phía Bắc, khả năng cho nhiều quả, có sản lượng cao nên được người trồng cam ưa chuộng.

3. Cam Sông Con

Nguồn gốc: là một giống cam nhập nội do người Pháp đem trồng trước đây ở đội sản xuất Đào Nguyên thuộc nông trường Sông Con cũ nên có tên là cam Sông Con.

Đặc điểm: Cây cao 3 - 4m, tán cây 2,3 - 2,7m hình quạt hay có hình cái nôm úp ngược. Lá dày, màu xanh đậm, hơi bầu và phản quang. Cành không có gai.

Quả nặng trung bình 176 - 233g khoảng 4 - 5 quả/1kg, đường kính quả 7,5cm, chiều cao quả 7,3cm. Lúc chín vỏ quả màu vàng sáng rất đẹp vỏ dày 2,4mm, tép quả mịn, màu vàng mỡ gà, vách múi dòn, rất ít hạt (4 - 5 hạt/quả

và có quả không có hạt) ăn ngọt thanh, dịu, thơm. Nước ép trong quả 58.6%, độ Brix 12%, đường tổng số 8.25%, axít 0.71%, vitamin C 47.2mg/100g. Năng suất quả: số quả trên cây 7 tuổi: 169 quả/cây đạt 29,91 kg/cây. Cam Sông Con chín sớm hơn cam Xã Đoài và cam Vân Du khoảng 1 tuần.

Ba giống cam Xã Đoài, Vân Du, Sông Con là 3 giống cam chủ lực của các nông trường quốc doanh trước đây ở miền Bắc trồng để xuất khẩu cho Liên Xô (cũ). Hiện nay trên đất của các nông trường ở Tây Nghệ An, Tây Thanh Hoá, huyện Cao Phong (tỉnh Hoà Bình) người ta vẫn còn giữ và trồng để kinh doanh quả tươi. Có nơi trồng thâm canh cao như ở Cao Phong cây 9 - 10 tuổi đã đạt 50 - 80 tấn/ha, giá bán tại vườn 4.000 - 4.500 đ/kg.

4. Cam Soàn

Cam Soàn được trồng lâu đời ở các tỉnh phía Nam, do có phẩm chất ngon nên được thị trường trong nước ưa chuộng. Cam Soàn được trồng khá phổ biến ở các tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh...

Cây sinh trưởng khá mạnh, dạng tán hình tròn, góc cành hẹp và có khuynh hướng vươn cao. Phiến lá màu xanh, hình mác, eo lá hẹp và dài hơn cam mật. Thời gian

từ ra hoa đến thu hoạch khoảng 7 tháng. Năng suất khá cao (cây 8 năm tuổi có trên 80 kg/cây/năm) và khá ổn định.

Quả dạng hình cầu, trọng lượng trung bình 210g/quả, đỉnh quả có hình dẹt tiền. Khi chín vỏ quả có màu xanh đến xanh vàng vỏ dày 3 - 5mm, tép màu vàng cam, nước quả nhiều, rất ngọt không chua, có mùi thơm. Có 8 - 12 hạt/quả.

Giống cam Soàn này có cá thể CS10 đạt giải B trong Hội thi cây có múi giống tốt được tổ chức vào năm 1996 tại Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam. Đây là giống cam rất có triển vọng ở miền Nam, giống này có giá cao hơn cam mật.

5. Cam mật không hạt

Nguồn gốc: từ cây trồng hạt ở Cai Lậy, Tiền Giang. Theo chủ vườn ông Nguyễn Văn Lộc thì vào năm 1974 sau khi mua cam từ chợ về ăn thấy ngon nên đem hạt gieo và đến năm 1978 cây cho quả đầu tiên. Đến năm 1985 cây mẹ bị chết do lụt và giống được duy trì là từ cây con chiết ra. Hiện nay cây lớn nhất trong vườn là 10 năm tuổi và là thế hệ thứ 3. Thế hệ thứ 4 là cây chiết trồng trong vườn từ năm 2000 với diện tích 1000m², và những cây này đã cho quả năm thứ 2.

Giống cam mật không hạt đã đạt giải nhì trong kỳ hội thi trái ngon tại Cần Thơ tháng 12 năm 2005.

Đặc điểm: cây chiết 4 - 5 tuổi sinh trưởng mạnh cây cao 2,2m. Đường kính tán 3,0m, tán dạng hình cầu vươn cao, khả năng ra hoa mạnh, hoa có núm nhụy cái phát triển tốt, nhị đực có màu vàng và chứa ít hạt phấn, hạt phấn rỗng, bất dục đực.

Quả hình cầu, khi chín vỏ quả màu vàng xanh, thịt quả màu vàng sáng. Trung bình có 10 - 11 múi/quả, múi to và đều. Vỏ dày trung bình 3,5 - 4,0mm. Trọng lượng quả 160 - 259g, tỷ lệ ăn được 74 - 75%, tỷ lệ nước quả 36 - 46%, nước quả có màu vàng đẹp, độ Brix 11,5%, axit 0,5g/100ml dịch quả. Hàm lượng vitamin C 12 - 19mg/100ml dịch quả, quả không hạt hoàn toàn có trong điều kiện thụ phấn tự do và thụ phấn nhân tạo và đặc điểm không hạt được duy trì khi trồng xen với các giống cam quýt khác.

Cây 4 - 5 tuổi năng suất đạt 29 - 34 kg/cây/năm.

Đây là giống cam quý, hình dạng đẹp, phẩm chất ngon, năng suất khá cao đặc tính không hạt ổn định.

6. Cam valencia 2

Cam Valencia 2 là giống cam nhập nội do Viện Di

truyền Nông nghiệp tuyển chọn và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống chính thức năm 2006.

Đặc điểm: cây sinh trưởng phát triển tốt, tán cây cân đối. Trồng ở Phú Quỳ (Nghệ An) cây 4 tuổi cây nhỏ hơn cam Vân Du nhưng nhiều lá, lá xanh và lá to hơn. Tốc độ sinh trưởng tương đương với cam Xã Đoài. Trong một năm có 3 - 4 đợt lộc (lộc xuân, hè, thu) ngoài ra có cây còn có đợt lộc đông.

Thời gian ra hoa từ 8/2 đến 26/2 và kết thúc nở hoa từ 09/3 đến 28/3 trong vòng trên dưới 1 tháng.

Quả chín và thu hoạch vào tháng 12, thuộc nhóm giống cam chín muộn, quả trung bình 182,9g/quả. Năng suất trung bình đạt 14,7 tấn/ha.

Phẩm chất quả: quả có kích thước trung bình, hình thuôn dài đến tròn, ít hạt (0 - 4 hạt). Khi chín vỏ màu vàng cam hoặc vàng đỏ, vỏ dày 3mm, quả mọng nước, dịch nước quả màu vàng thẫm ngọt, có mùi thơm nhẹ. Trồng cam Valencia 2 cho thu nhập cao. Theo tài liệu của Công ty Công Nông nghiệp 3/2 Phú Quỳ Nghệ An, 2004; 1ha cam thu được 147 triệu và lãi thuần 82 triệu đồng.

CÁC GIỐNG QUÝT

(*Citrus reticulata* Blanco; *C.nobilis* Loureiro)

1. Cây đầu dòng cam sành CS8

Cây đầu dòng CS8 thuộc giống cam sành là giống quýt lai có tên khoa học là *Citrus nobilis* Lour. được trồng lâu đời ở miền Nam Việt Nam, trồng nhiều ở các tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng, Cần Thơ.

Đặc điểm: cây sinh trưởng trung bình, dạng tán hình trứng, góc cành hẹp và có khuynh hướng vươn cao. Phiến lá hình trứng màu xanh đậm eo lá nhỏ. Quả hình tròn dẹt, đáy quả hơi lõm, đỉnh quả hơi lõm, vỏ quả sù sì. Trọng lượng trung bình 235,9g/quả. Khi chín vỏ quả xanh vàng, vỏ dày 3 - 5mm, tép màu cam đậm nhiều nước, độ Brix 10,29% phần ăn được 76% so trọng lượng quả, đáng quả không đẹp nhưng phẩm chất ngon, thơm ngọt ít chua, chịu được vận chuyển đi xa, số hạt trung bình 12 hạt/quả.

Quả thu hoạch rải rác trong năm thường tập trung từ

tháng 8 - 12 hàng năm, song nông dân thường xử lý ra hoa trái vụ để thu hoạch vào tháng 1 - 5 dương lịch, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch 8 - 9 tháng.

Cá thể CS8 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép sản xuất tại các tỉnh phía Nam từ năm 1997.

2. Cây đầu dòng quýt Hồng QT12

Cây đầu dòng QT12 thuộc giống quýt hồng (còn gọi là quýt Tiều) được trồng rất lâu đời ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đặc điểm: cây sinh trưởng trung bình, dạng tán hình tròn lá hình trứng, biên lá có răng cưa và mút lá thường cong lên.

Mùa thu hoạch từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau và có thể để quả trên cây (neo trái) từ 1 tháng đến tháng rưỡi.

Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch khoảng 8 - 9 tháng.

Quả có trọng lượng trung bình 196,3 g/quả dạng hình cầu dẹt, vỏ quả màu vàng cam rất đẹp, khi chín dễ bóc vỏ, tép màu vàng cam đậm, nhiều nước vị ngọt, chua nhẹ, độ Brix 10 - 11%, mùi thơm và khá nhiều hạt (10 - 15 hạt/quả).

Cá thể QT12 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép sản xuất tại các tỉnh phía Nam năm 1997.

3. Quýt đường (*Citrus reticulata* Blanco)

Quýt đường thuộc họ phụ cam quýt được trồng lâu đời ở các tỉnh phía Nam, do có phẩm chất ngon và được thị trường ưa chuộng nên quýt đường được trồng khá phổ biến ở các tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng...

Đặc điểm: cây sinh trưởng trung bình, dạng tán hình tròn, lá dạng hình elip mỏng, màu xanh đậm. Cây có khả năng cho quả sau 3 năm trồng (cây ghép) nhất là ghép trên gốc ghép chanh *Citrus-Volkameriana*. Mùa thu hoạch quả rải rác trong năm thường tập trung từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau. Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch 8 - 9 tháng. Năng suất ở cây 10 tuổi trung bình đạt 80kg/cây/năm, năng suất khá ổn định.

Quả có trọng lượng trung bình 122,9g/quả dạng hình cầu, vỏ quả từ xanh đến vàng khi chín, dễ bóc. Tép màu vàng cam, dễ bóc, nhiều nước vị ngọt, không chua, độ Brix 9,5 - 10,5%, mùi thơm và có hạt trung bình 8 - 10 hạt/quả.

4. Cam đường Canh (còn gọi là Cam Canh)

Cam đường canh thực ra là một giống quýt, nhưng nhân dân ta vẫn quen gọi là cam nên có tên gọi tắt là Cam Canh.

Nguồn gốc: cam đường canh được chọn lọc và trồng từ xa xưa ở làng Canh Diêm, nay thuộc huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày nay đã phát triển ra khắp các huyện ngoại thành và được trồng nhiều ở các huyện Văn Giang, Mỹ Văn (tỉnh Hưng Yên) và Cao Phong (Hoà Bình)...

Đặc điểm: cây sinh trưởng khoẻ nhưng thấp, phân cành rất mạnh, cành nhỏ. Lá có màu xanh vàng hoặc xanh đậm, túi dầu tinh nhỏ, có mùi thơm nhẹ. Giống chín sớm có kích thước lá to hơn giống chín muộn, mép lá không có răng cưa, gợn sóng và dày, đuôi lá nhọn và dài, cuống ngắn hầu như không có eo lá.

Quả cam đường canh hình tròn dẹt, khi chín màu đỏ da cam hoặc đỏ gấc rất hấp dẫn. Trọng lượng trung bình 140 - 155g/quả. Quả có 10 - 12 múi, thịt quả màu vàng da cam đậm, tép mịn ăn ngọt và ít hạt (6 - 7 hạt/quả), đường tổng số 8,34 - 9,87%, axit 0,06 - 0,07%, vitamin C 4,54 - 8,30mg/100g. Năng suất cây 5 - 6 tuổi có thể cho 500 - 1000 quả năng suất trung bình 97 - 140kg/cây.

Người Hà Nội rất ưa chuộng cam Đường canh vì mã quả đẹp, chín vào dịp Tết nguyên đán (15 - 30/1) nên thường dùng để bày mâm ngũ quả, quả lại ngọt, ít chua dùng làm quà thăm viếng người ốm... Vì vậy cam Đường canh luôn bán được giá cao. 01ha cam đường canh năng suất với 15 tấn tổng thu nhập 200 - 300 triệu đồng/ha (theo thời giá hiện nay 20.000 - 30.000đồng/kg là không mấy khó khăn).

5. Cam bù Hà Tĩnh

Có thể là giống lai giữa cam và quýt. Hiện nay cam bù được trồng chủ yếu ở hai huyện Hương Sơn, Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh.

Đặc điểm: cây cam bù có tán mâm xôi, góc độ phân cành khá lớn ($45 - 50^0$) lá nhỏ dài trơn bóng, hình ô van hẹp, nhọn đầu, mép lá có gợn sóng có túi tinh dầu lớn. Diện tích lá vụ xuân $17,1\text{cm}^2$, vụ hè $16,5\text{cm}^2$, vụ thu $8,67\text{cm}^2$ (trong điều kiện khí hậu đất đai ở Hương Khê).

Quả to tròn, vỏ mỏng dễ bóc khi chín màu đỏ da cam trọng lượng trung bình 200 - 250g/quả. Mùa thu hoạch vào tháng 12, 1 chậm nhất là vào tháng 2. Ăn ngọt đậm. Hàm lượng đường tổng số: 10 - 11,5%, axit 0,54%, dịch ép nước quả 92,6%, xơ 7,4%, số hạt 8 - 13 hạt/quả.

Năng suất: cây cam bù 10 tuổi trên đất phiến thạch nhà ông Căn ở xã Phúc Đông huyện Hương Khê đạt được 1989: 46,5kg, 1990: 49,5kg, 1991: 55,5kg và 1992: 64,5kg/cây. Năng suất có thể đạt 30 - 40 tấn/ha với cây 9 - 11 tuổi, trồng với mật độ 800 - 1200 cây/ha.

Cam bù Hà Tĩnh có tính thích ứng rộng, năng suất cao chín muộn vào dịp Tết Nguyên đán nên bán được giá. Người trồng cam bù có thu nhập cao.

6. Quýt đỏ Bắc Quang (*Citrus reticulata* Blanco)

Nguồn gốc: ở huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang là giống bản địa được trồng ở các tỉnh miền núi phía Bắc như Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, tán hình cầu, thân tròn nhẵn, không gai, phân cành nhiều, góc độ phân cành lớn 28 - 35⁰. Chiều cao cây ở tuổi 10 - 12 là 3,3 - 4,0m, đường kính tán 2,8 - 3,6m, đường kính gốc 10,6 - 14,2cm.

Quả hình cầu dẹt, đáy quả và đỉnh quả lõm, vỏ dày 2,46mm, nhẵn dai, dễ bóc, khi chín có màu đỏ da cam. Thịt quả màu vàng đỏ. Vị ngọt hơi chua. Độ Brix 10,9%, đường tổng số 7,87%, axit 0,83%, vitamin C 49,4mg/100g, chất khô 10%. Trọng lượng trung bình 142,5g $\pm$ 3,41, số

múi/quả: 10 - 11, số hạt/quả: 10 - 11. Quýt đỏ ra hoa từ 13 - 25/3, quả chín vào tháng 11. Năng suất cây 6 - 8 tuổi 294,4 tạ/ha, 10 - 12 tuổi 293,2 tạ/ha, trên 12 tuổi 366,0 tạ/ha.

7. Quýt vàng Bắc Quang

Nguồn gốc: giống quýt đỏ Bắc Quang.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khoẻ, tán hình dù hoặc hình cầu, thân tròn nhẵn, không gai góc, độ phân cành lớn 30 - 40⁰, chiều cao cây trung bình tuổi 10 - 12 là 3,85m, đường kính tán 3,01m, đường kính gốc 13,03cm.

Quả hình cầu, hơi dẹt, đáy và đỉnh quả bằng, đôi khi đáy quả hơi lõm, vỏ nhẵn. Khi chín màu vàng xanh, vỏ dòn, dày 3 - 3,2mm. Thịt quả màu vàng vị ngọt, hơi chua. Trọng lượng quả 175g. Số múi/quả: 11 - 12. Số hạt: 20 - 22 hạt/quả. Quả chín vào tháng 11 - 12. Phân tích thành phần sinh hoá cho thấy: độ Brix 11,0%, đường tổng số 8,37%, axit 0,85%, chất khô 11%, vitamin C 23,2mg/100ml. Tỷ lệ phân ăn được 81% nước quả 58%. Năng suất quả (tạ/ha) trên đất phù sa cò ở Bắc Quang: cây 6 - 8 tuổi 299,2, 10 - 12 tuổi: 250,0, > 12 tuổi 283,6 tạ/ha.

8. Quýt chun (còn được gọi là quýt sen)

Nguồn gốc: quýt chun được trồng nhiều ở Lục Yên

(Yên Bái), Bắc Quang, Vị Xuyên (Hà Giang).

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, phân cành nhiều, ngắn, tán dày hình clip thân tròn, nhẵn, không gai. Cây 10 - 12 tuổi có chiều cao 3,70 - 4,15m, đường kính tán 2,40 - 3,07m, đường kính gốc 8,3 - 11,7cm.

Quả hình cầu dẹt, đáy quả bằng đôi khi có núm lõm, đỉnh quả bằng hơi lõm, vỏ dày 2,95mm, hơi sần sùi, có rãnh dọc kiểu tia xạ từ đáy quả lên đến 1/2 quả. Khi chín màu đỏ da cam, dễ bóc vỏ. Màu sắc thịt quả vàng da cam vị ngọt, trọng lượng trung bình 134,1g/quả, số múi 12 - 13/quả, số hạt 10 - 11/quả. Thời gian ra hoa 20/3 - 24/3. Thời gian quả chín từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau.

Thành phần dinh dưỡng trong quả: chất khô 11,5%, độ Brix 11,8%, đường tổng số 9,38%, axit 0,87%, vitamin C 37,0mg/100ml. Tỷ lệ % ăn được 77%.

Năng suất quýt chun trên đất phù sa cổ ở Bắc Quang (Hà Giang) cây 6 - 8 tuổi: 318,4 tạ/ha, 10 - 12 tuổi 392,2 tạ/ha.

9. Giống Quýt PQ1

Nguồn gốc: giống Quýt PQ1 do Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phú Quý thu thập từ huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và được lưu giữ trong vườn tập đoàn từ tháng 3 năm 1992.

Đặc điểm: ghép trên gốc là trấp Thái Bình, cây sinh trưởng và phát triển tốt. Sau 3 năm trồng, chiều cao cây 353,3 cm, đường kính tán 296,5 cm, đường kính gốc 8,4 cm. Cây ra hoa vào tháng 1 - 2. Số hoa trên 1 cây rất nhiều 10.438 hoa/cây. Tỷ lệ đậu quả khá (2,09%). Thời gian thu hoạch quả tháng 1 - 2, là loại quýt chín muộn. Trọng lượng quả trung bình đạt 153,0 - 161,1g/quả. Quả trên cây có độ đồng đều cao. Quả loại 1 (178,86g/quả) chiếm tỷ lệ 58,60%; quả loại 2 (147,56g/quả) chiếm tỷ lệ 37,65%; quả loại 3 (117,0g/quả) chiếm tỷ lệ rất thấp 3,74%. Quả có hình dạng cầu dẹt, vỏ màu vàng, nhẵn, túi tinh dầu nhỏ, độ dày vỏ 0,36cm. Tép màu vàng da cam, mịn, mọng nước, ít bã, trung bình có 19hạt/quả. Tỷ lệ phần ăn được 70,1%, độ Brix 11,0 - 13,0% axít 0,34%, hàm lượng Vitamin C 30,20 - 37,70mg/100g. Giống quýt PQ1 là giống chất lượng tốt.

Giống quýt PQ1 bị nhện đỏ và sâu vẽ bùa hại ở mức độ nhẹ và nhẹ hơn giống cam Giấy, cam Vân Du. Giống quýt PQ1 có khả năng chống chịu tốt với một số sâu bệnh hại chính, đặc biệt là bệnh vàng lá. Tại điểm khảo nghiệm ở Phú Quỳ và Thanh Chương sau 5 năm trồng không có cây bị thanh lý.

Năng suất: tại 2 điểm khảo nghiệm sau 5 năm trồng vườn cây cho năng suất cao. Năng suất thực thu năm thứ nhất đạt

16,30 - 20,53 tấn/ha; năm thứ 2 đạt 30,12 - 39,74 tấn/ha; năm thứ 3 tại điểm trung tâm đạt 24,15 tấn /ha. Trồng quýt PQ1 thời gian thu hồi vốn sớm và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Giống quýt PQ1 đã được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn họp ngày 27/9/2007 công nhận là giống tạm thời và cho sản xuất thử tại vùng sinh thái Bắc Trung Bộ.

CHÔM CHÔM

(*Nephelium lappaceum* Linn)

1. Chôm chôm nhân - Cây đầu dòng CDN 13N

Cây đầu dòng CDN 13N giống chôm chôm nhân được trồng ở tỉnh Đồng Nai. Cây sinh trưởng mạnh, tán dạng tròn, phân cành đều, lá dạng hình trứng phiến lá nhỏ, màu xanh nhạt, đuôi lá tròn.

Quả hình cầu, vỏ quả màu vàng đỏ khi chín, râu màu vàng đỏ, trọng lượng quả trung bình 20 - 23g, thịt ráo hơn chôm chôm Java, tróc tốt, tỷ lệ phần ăn được 32 - 34% so với trọng lượng quả, độ Brix 21 - 24%. Vị ngọt và thơm, giòn, ăn rất ngon.

Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch quả 105 - 120 ngày.

Thời gian thu hoạch tập trung từ tháng 4 đến tháng 5.

Cây đầu dòng CDN 13N của giống chôm chôm nhân đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép đưa vào sản xuất ở các tỉnh phía Nam từ năm 1997.

2. Chôm chôm Rong Riêng

Chôm chôm Rong Riêng là một trong những giống chôm chôm ngon của Thái Lan được nhập vào Việt Nam từ năm 1996, hiện nay đang trồng rải rác ở các tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Tiền Giang với diện tích ước tính 2500ha (Theo viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, 2005).

Chôm chôm Rong Riêng sinh trưởng mạnh, phân cành đều. Lá dạng hình trứng, phiến lá khá to màu xanh đậm, đuôi lá ít nhọn. Quả hình trứng, vỏ màu đỏ đậm khi chín và ngọn râu màu xanh. Trọng lượng quả trung bình 31 - 35g, thịt ráo, giòn, tróc tốt, thịt quả dày 8 - 9mm, phần ăn được cao chiếm 50 - 60% so với trọng lượng quả. Độ Brix 21 - 24% vị ngọt, rất ngon, vỏ quả cứng và rất mỏng.

Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đã chọn được 5 cá thể tốt của giống Rong Riêng và đã được Bộ Nông nghiệp công nhận giống tạm thời năm 2000.

3. Chôm chôm Java

Cây chôm chôm (*Nephelium lappaceum* L.) có cùng họ với vải, nhãn (họ Sapindaceae), có nguồn gốc từ Malaixia và Indonêxia. Hiện nay được trồng ở các nước như Malaixia, Indonêxia, Philippin, Thái Lan và Việt

Nam. Hầu hết các nước trồng chôm chôm chỉ để tiêu thụ nội địa, trừ Malaixia và Thái Lan là có xuất khẩu.

Vùng trồng chôm chôm ở nước ta chủ yếu là ở Nam bộ, theo Huỳnh Văn Vũ, Đoàn Hữu Tiến. Tạ Minh Tuấn (2003) diện tích chôm chôm ở Nam bộ là 23.100ha đạt sản lượng khoảng 145.898 tấn. Các tỉnh có trồng nhiều như Đồng Nai 55%, Bến Tre 16%, Lâm Đồng 9%, Tây Ninh 6%, Bình Phước 5%, Vĩnh Long 5%... diện tích chôm chôm toàn vùng. Có 12 giống trong đó giống chính là chôm chôm nhãn, Java, Rong Riêng. Giống chôm chôm Java có diện tích lớn chiếm đến 70% diện tích trồng chôm chôm ở Nam bộ.

Chôm chôm Java có nguồn gốc từ Indonêxia trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Cây 5 tuổi có chiều cao 4,21m, đường kính tán 5,59m, đường kính gốc 13,18cm. Sau trồng 36 - 44 tháng thì ra hoa. Số cây ra hoa đạt hơn 80%, cây ra hoa vào tháng 2 - 3. Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch quả 3,5 - 4 tháng. Thu hoạch quả vào tháng 5 - 6. Năng suất với cây 5 tuổi 27,1 kg/cây. Trọng lượng quả bình quân 30,6g, dày vỏ 2,8 - 3,1mm, thịt quả dày 6,5mm, tỷ lệ phần ăn được 47,2 - 50,2%, tỷ lệ hạt 10,6%. Vỏ quả có màu đỏ sáng khi chín, thịt quả trắng trong, gai dài có màu đỏ nhạt, thịt quả ít tróc, dai, mềm. Khi chín

ăn có vị ngọt, chua nhẹ, thơm. Yêu cầu của người tiêu dùng đối với chất lượng quả chôm chôm: quả to (loại 1) vị ngọt, thịt quả dày, tróc hạt, màu sắc quả đẹp. Do vậy chôm chôm nhãn, Rong Riêng được xếp trên chôm chôm Java, nhưng vì sản lượng giống Java có nhiều và rẻ hơn nên phù hợp với yêu cầu của đông đảo người mua.

CÁC GIỐNG NHÃN

(*Dimocarpus longan* Lour)

1. Nhãn xương cơm vàng VT20NXC

Cây đầu dòng VT20NXC là giống nhãn địa phương ở Bà Rịa - Vũng Tàu do Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Long Định (nay là Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam) tuyển chọn, tuổi cây trên 40 năm, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho phép đưa vào sản xuất ở các tỉnh phía Nam từ năm 1997. Hiện nay được trồng phổ biến ở Vũng Tàu, Tiền Giang, Vĩnh Long.

Những đặc tính chủ yếu: cây có tán tròn phân cành đều, sinh trưởng khá, lá hình trứng, đuôi lá bầu tròn, phiến lá hơi vắn. Thời gian cho thu hoạch tập trung từ tháng 6 đến tháng 8. Quả khá to, trọng lượng trung bình

16 - 25g, dạng hình xuống vỏ quả dày, màu vàng da bò. Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch là 5 - 5.5 tháng. Chất lượng quả rất ngon, rất ngọt, thịt quả khô ráo, giòn, dày, độ Brix 20 - 24%, phần ăn được đạt 60 - 70%, mùi vị khá thơm, màu xanh vàng cây 15 - 20 năm tuổi năng suất trung bình 100 - 140kg/cây/năm.

2. Nhân tiêu lá bầu

Nguồn gốc: là giống địa phương huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Long Định (nay là Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam) tuyển chọn. Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và đưa phổ biến sản xuất năm 1998. Hiện được trồng ở các tỉnh Đồng Nai, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long...

Đặc điểm: tán cây tròn, phân cành đều, lá hình trứng đuôi lá bầu tròn, phiến lá phẳng màu xanh đậm. Quả hình tròn, vỏ màu vàng da bò hơi đậm khi chín. Khối lượng quả trung bình 10,2g thịt quả ráo, dai, dày, độ Brix 24,5%.

Thời gian thu hoạch tháng 3 - 5 và tháng 6 - 8. Năng suất có thể đạt 400kg/cây/năm.

3. Nhân lồng Hưng Yên

Nguồn gốc: Hưng Yên được xem là quê hương của

các giống nhãn ở miền Bắc. Kết quả điều tra nhãn 3 năm 1993 - 1995 ở 21 xã, phường thuộc 5 huyện thị của tỉnh Hải Hưng cũ của Viện Nghiên cứu Rau Quả đã bình tuyển và chọn được 17 dòng nhãn ưu tú đã được khu vực hoá năm 1996. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã công nhận 11 cây đầu dòng nhãn lồng đặc sản của Hưng Yên và từ năm 2000 Hưng Yên đã tiến hành xây dựng vườn giống nhãn lồng cây đầu dòng trên quy mô 1ha.

Đặc điểm: giống nhãn lồng Hưng Yên quả thường to hơn các giống khác (nhãn cùi, đường phèn, nhãn nước, nhãn thóc) khối lượng quả trung bình 11 - 12g/quả, quả to có thể đạt 14 - 15g. Tuy nhiên khối lượng quả to nhỏ còn phụ thuộc vào tình hình sinh trưởng của cây, tuổi cây, tùy thuộc chăm sóc và số quả trên cây, trên chùm...

Đặc điểm rõ nhất của nhãn lồng là các múi chống lên nhau ở phía đỉnh quả. Trên mặt ngoài cùi hình thành các nếp nhăn. Các múi bóng nhẵn, hạt nâu đen, độ bám giữa cùi và hạt, cùi và vỏ yếu, tỷ lệ cùi/quả đạt 62,7% cao hơn các giống nhãn khác trừ nhãn cùi điếc. Vỏ quả nhãn lồng thường dày, giòn, độ dày trung bình đạt 0,8mm. Khi chín nhãn lồng Hưng Yên ăn giòn, ngọt đậm, cùi ráo, quả trên chùm nhãn lồng thường có kích thước khá đều nhau.

4. Nhân Hương Chi

Nguồn gốc: giống nhân này từ vườn của Cụ Hương Chi ở phường Hồng Châu, thị xã Hưng Yên (Cụ đã mất cách đây hơn 35 năm) nên lấy tên cụ để đặt cho giống nhân lồng nổi tiếng mà sinh thời cụ đã chọn trồng được ở vườn nhà mình.

Đặc điểm: nhân Hương Chi thuộc dạng thấp cây, cành xoè rộng, tán xum xuê mật độ cành trên tán dày, lá màu xanh sẫm, bóng, phiến lá dạng lượn sóng. Cây có nhiều đợt hoa trong năm nên không bị mất mùa do ảnh hưởng của thời tiết xấu, do đó năm nào cũng có quả. Nhân Hương Chi thuộc nhóm nhân chính vụ, thu hoạch quả vào 5 - 25/8 khối lượng quả 11 - 13g/quả, tỷ lệ phần ăn được 66%, tỷ lệ hạt 19,8%, tỷ lệ vỏ 14,2%, độ Brix 18,5%, đường tổng số 16,6%. Cùi giòn, ngọt, sắc nước, hạt nhỏ, vỏ mỏng, mã quả đẹp.

Viện CLT và CTP qua 6 năm nghiên cứu và tuyển chọn (1994 - 2000) các giống nhân ở Hưng Yên đã tuyển chọn được cây đầu dòng nhân Hương Chi 4 (HC4) là giống nhân chín muộn (thu hoạch vào cuối tháng 8 và đầu tháng 9) và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép khu vực hoá năm 2002.

Các giống nhân chín muộn PHM 99.1.1, PHM 99.2.1 và HTML

Viện Nghiên cứu Rau Quả đã tiến hành điều tra, tuyển chọn giống nhân trong nhiều năm ở các tỉnh Hưng Yên, Yên Bái, Lào Cai và Hà Tây. Kết quả điều tra đánh giá đã tuyển chọn được một số cá thể ưu tú từ các giống đang được trồng phổ biến ở các vùng tập trung. Các dòng nhân tuyển chọn PHM 99.1.1; PHM 99.2.1 và HTML thuộc nhóm chín muộn, cho thu hoạch quả từ 21/8 đến 15/9 đạt được năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế cao hơn so với các giống nhân chính vụ trồng trên cùng một địa điểm, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tạm thời cho phép sản xuất thử trên diện rộng.

Các dòng nhân chín muộn kể trên đã góp phần vào cơ cấu giống và kéo dài thời vụ thu hoạch nhân ở các tỉnh miền Bắc, rất được bà con nông dân và những người làm vườn tiếp nhận và diện tích giống nhân muộn nhanh chóng được mở rộng ở một số vùng trồng nhân. Ví dụ: ở tỉnh Hà Tây theo báo cáo của ông Đỗ Thanh Quang chủ tịch Hội làm vườn tỉnh, riêng xã Đại Thành, huyện Quốc Oai nơi có cây nhân tổ có tuổi hơn 100 năm là cây đầu

đồng chín muộn đã nhân ra được 9000 cây trong đó có hơn 60% số cây đã cho thu hoạch quả. Năm 2005 xã Đại Thành thu khoảng 50 tấn quả, giá bán tại vườn là từ 28 - 30.000đ/kg, giá trị thu hơn 1 tỷ đồng.

5. Giống nhãn muộn PH-M99-1.1 (Phổ Hiến muộn)

Nguồn gốc: là một trong những cây đầu đồng được Viện Nghiên cứu Rau Quả tuyển chọn từ vườn nhãn nhà ông Nguyễn Văn Miên, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (là cây gieo từ hạt).

Đặc điểm: cây sinh trưởng, phát triển khỏe, phân cành thưa. Lá mỏng màu xanh nhạt, ít bóng, mép lá hơi hình sóng, phiến lá rộng. Quả có hình tròn, màu nâu sáng, trên bề mặt vỏ quả có nhiều gai nổi rõ, vỏ dày, ít bị nứt quả.

Khả năng cho năng suất cao. Năng suất trung bình cây 6 - 8 tuổi 32 - 54kg/cây. Khối lượng quả 11.76g/quả, trung bình 80 quả/kg, tỷ lệ phần ăn được 72%. Cùi quả trắng đục, dày, giòn, ráo nước thơm và ngọt đậm. Độ Brix > 18%, đường tổng số 15 - 17%, axit 0.12%, Vitamin C 41,2mg/100g, chất khô 21,78%. Thời gian thu hoạch 25/8 - 5/9. Chín muộn hơn các giống nhãn chính vụ từ 10 ngày đến 1 tháng (tùy vùng giống và từng năm).

Do có năng suất cao, chất lượng tốt và thời gian thu hoạch muộn hơn các giống nhân đại trà nên hiệu quả kinh tế của giống nhân PH-M99-1.1 cao, từ 05 đến 18 triệu đồng/ha ngay từ năm bói quả đầu tiên.

Giống nhân PH-M99-1.1 do Viện Nghiên cứu Rau Quả tuyển chọn đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tạm thời năm 2005.

6. Giống nhân muộn PH-M99-2.1 (Phố Hiến muộn)

Nguồn gốc: là một trong những cây dẫu đồng được Viện Nghiên cứu Rau Quả tuyển chọn từ các vườn nhân lồng ở xã Hồng Nam, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Đặc điểm: lá dày, màu xanh đậm, không bóng, mép lá và phiến lá hơi lượn sóng. Quả tròn có màu vàng sáng, vỏ quả nhẵn, khối lượng quả trung bình 11,1g/quả khoảng 90 quả/kg, cùi dày, giòn dễ bóc, tỷ lệ phần ăn được 64,6%, độ Brix 21,6%, hàm lượng đường tổng số 13,25%, axit 0,07%, Vitamin C 41,81%, chất khô 20,45%. Năng suất: 200kg/cây. Thích hợp cho ăn tươi và chế biến đồ hộp. Thời gian thu hoạch 20/8 - 25/8. Giống PH-M99-2.1 đã được Hội đồng Khoa học Công nghiệp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tạm thời năm 2005.

7. Giống HTM-1 (Đại Thành)

Nguồn gốc: là giống nhãn chín muộn được chọn lọc, là cây nhãn tổ khoảng 100 năm tuổi ở xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, tán hình bán cầu, lá màu xanh đậm, ít bóng, mép lá lượn sóng, phiến lá rộng và mỏng, chùm hoa to trung bình, phân nhánh dài. Quả có màu vàng sáng, vỏ mỏng, hơi bị vẹo. Khối lượng quả trung bình đạt 90 quả/kg, tỷ lệ phần ăn được 67,5%, độ Brix 21,5%, đường tổng số 17,31%, axít 0,11%, chất khô 21,92%, Vitamin C 45,7mg. Cùi dày, màu trắng trong, giòn, nhiều nước thơm được nhiều người ưa thích.

Năng suất: trung bình (trong 3 năm) là 300kg/cây (cây mẹ), cây trồng 4 năm tuổi đã cho quả và đạt trung bình 7 - 9kg/cây.

Đây là giống nhãn chín muộn nhất trong các giống nhãn ở miền Bắc. Thời gian thu hoạch từ 25/8 đến 25/9. Do có năng suất cao, chất lượng tốt, lại chín muộn hơn các giống địa phương, nên bán được giá cao gấp 2 - 3 lần so với các giống nhãn chính vụ. Ví dụ: vụ nhãn năm 2007, ở miền Bắc được mùa phổ biến. Bán tại vườn đầu

vụ 17.000 - 18.000đ/kg, sau 2/9: 20.000 - 24.000đ/kg, để muộn hơn giá lên đến 30.000đ/kg.

Giống nhãn chín muộn HTM-1 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tạm thời và cho phép sản xuất thử trên diện rộng.

CÁC GIỐNG VẢI

(*Litchi chinensis* Sonn)

1. Vải Thiều Thanh Hà

Nguồn gốc: xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hiện ở thôn Thuý Lâm xã Thanh Sơn còn có cây vải tổ trên 150 năm, hàng năm cho năng suất ổn định 300 - 400 kg, phẩm chất quả tốt.

Đặc điểm: cây sinh trưởng tốt, tán cây hình mâm xôi, cân đối, lá có màu xanh đậm. Chùm hoa nhỏ, hình cầu, cuống hoa có màu vàng xanh. Quả hình cầu, khi chín có màu đỏ tươi, gai thưa, ngắn. Khối lượng quả trung bình 20,7g (khoảng 45-55 quả/kg), tỷ lệ phần ăn được trung bình 75%. Độ Brix 18 - 21%, đường tổng số 16,24%, axit 0,28%, Vitamin C 24mg/100g. Thịt quả chắc, vị ngọt đậm, thơm. Năng suất trung bình cây 8 - 10 tuổi 8 - 10

tấn/ha (55kg/cây). Thời vụ thu hoạch ở các tỉnh miền Bắc 20/6 - 25/6, là giống chín chính vụ. Vải thiều trồng ở Đắk Lắk thu hoạch 24/5 - 5/6, chín sớm hơn miền Bắc đến gần 1 tháng. Khoảng 90% diện tích vải ở miền Bắc trồng giống vải thiều Thanh Hà.

2. Vải Hùng Long

Nguồn gốc: xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khoẻ, tán hình bán cầu, lá hình lòng máng, màu xanh đậm, mép lá phẳng, chùm hoa to, hình tháp, cuống hoa có màu nâu đen. Quả hình tròn, hơi dài khi chín có màu đỏ sẫm, gai thưa.

Khối lượng quả trung bình 23,5g (40 - 45quả/kg), tỉ lệ phần ăn được trung bình 72%, độ Brix 17 - 20%, đường tổng số 12,96%, axit 0,20%, vitamin C 10,6mg/100g, vị ngọt hơi chua nhẹ, năng suất trung bình cây 8 - 10 tuổi 10 - 15 tấn/ha (80kg/cây), thời gian thu hoạch 20/5 - 25/5, đây là giống chín sớm. Giống vải Hùng Long đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống.

3. Vải Phúc Hoà hay còn gọi là giống vải U hồng

Nguồn gốc: thôn Thái Hoà, xã Phúc Hoà, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khoẻ, tán cây hình bán cầu, phân cành thưa, lá có màu xanh hơi vàng. Chùm hoa to trung bình phân nhánh dài, cuống hoa dài có màu nâu đen. Quả hình trứng, khi chín vai quả có màu hồng đỏ tươi, phần cuối quả màu vàng hoặc xanh sáng, gai thưa trung bình. Khối lượng quả trung bình 32,5 g/quả (khoảng 30 - 35 quả/kg), tỷ lệ phần ăn được 74,5%, độ Brix 17,5%, đường tổng số 13,4%, axit 0,26%, vitamin C 26,79mg/100g. Năng suất trung bình cây 5 tuổi đạt 17,6kg/cây, 20 tuổi 120kg/cây (16 - 18 tấn/ha).

Vải Phúc Hoà là giống chín sớm. Thời gian cho thu hoạch 20/5 - 25/5 vì chín sớm nên bán được giá cao, thị trường có nhu cầu tiêu thụ lớn.

4. Vải Bình Khê

Nguồn gốc: xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khoẻ, tán cây hình bán cầu dẹt. Phiến lá rộng, mỏng, mép lá lượn sóng, màu xanh đậm. Chùm hoa to, phân nhánh thưa, dài, cuống hoa có màu nâu đen. Quả hình trứng khi chín có màu đỏ sẫm, vỏ mỏng, gai thưa, ngắn, khối lượng trung bình 33,5g (26 - 35 quả/kg), tỷ lệ phần ăn được trung bình 71,5%, độ Brix

17 - 18%, đường tổng số 14,2 - 16,7%, axit 0,21 - 0,32%, vitamin C 26,8mg/100g. Quả chín ăn có vị ngọt thanh. Năng suất trung bình cây 5 tuổi 23,9kg/cây, 30 tuổi 94,2kg/cây (12 - 15 tấn/ha). Vải Bình Khê là giống chín sớm thời gian cho thu hoạch 5/5 - 15/5, giống vải Bình Khê đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống chính thức.

5. Vải Yên Hưng

Nguồn gốc: xã Đông Mai, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, tán hình bán cầu, phiến lá dày cong lòng máng, mép lá phẳng màu xanh đậm. Độ lớn chùm hoa vào loại trung bình, phân nhánh dài, cuống hoa có màu nâu đen. Trên chùm có số lượng hoa nhiều. Tỷ lệ hoa cái và hoa lưỡng tính nhiều hơn so với giống vải Hùng Long, vải Thanh Hà.

Quả hình tim, khi chín màu đỏ vàng, gai thưa trung bình, khối lượng quả trung bình 30,1g (30 - 35 quả/kg), tỷ lệ phần ăn được 73,2%, độ Brix 17 - 18%, đường tổng số 15,2 - 16%, axit 0,34 - 0,37%, vitamin C 22mg/100g, ăn ngọt đậm, có vị chua nhẹ. Năng suất trung bình cây 5 tuổi 24,4kg/cây, 20 tuổi 89,8kg/cây, đây là giống vải chín

sớm thời gian thu hoạch từ 10/5 - 20/5. giống vải Yên Hưng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tạm thời cho phép đưa ra sản xuất thử trên diện rộng.

6. Vải Yên Phú

Nguồn gốc: xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đặc điểm: cây sinh trưởng trung bình, tán cây hình bán cầu, có lá màu xanh, hơi vàng, chùy hoa to trung bình, phân nhánh dài, cuống hoa có màu trắng hơi vàng. Quả hình tim, khi chín có màu đỏ tươi, gai thưa. Khối lượng quả trung bình 27,2 g (35 - 40quả/kg), tỷ lệ phần ăn được trung bình 74,5%, độ Brix 19 - 21%, đường tổng số 16,7%, axit 0,28%, vitamin C 29,7mg/100g, ăn có vị ngọt thanh. Năng suất trung bình cây 5 tuổi đạt 22,32kg/cây, cây 15 tuổi 85kg/cây (10 - 12 tấn/ha). Giống vải Yên Phú thuộc nhóm chín sớm. Thời gian thu hoạch 20/5 - 25/5. giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống tạm thời.

Các giống vải chín sớm: Hùng Long, Bình Khê, Yên Hưng, Yên Phú có lợi thế chín sớm hơn vải chính vụ (vải Thanh Hà 20 - 30 ngày), dễ dàng được tiêu thụ dưới dạng

quả tươi ở khắp mọi vùng trong cả nước đặc biệt là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn. Đây còn là nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoa quả hiện nay đang rất thiếu nguyên liệu.

Đặc biệt vào nửa đầu tháng 5 Trung Quốc và các nước trong vùng chưa có vải chín, việc xuất khẩu vải của ta có lợi thế cạnh tranh và có thị trường tiêu thụ rộng lớn và ổn định.

GIỐNG SẦU RIÊNG

(*Durio zibethinus* Murray)

1. Sầu riêng sữa cơm vàng hạt lép (Sầu riêng Chín Hoá)

Có nguồn gốc ở xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre là giống cây ăn quả được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống tiến bộ kỹ thuật theo quyết định số 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 29/7/2004, hiện đang được trồng nhiều ở Bến Tre, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Đắk Lắk, Lâm Đồng... với diện tích khoảng 2.564 ha ở Đồng Bằng sông Cửu Long và Đồng Nam bộ.

Cây sinh trưởng khỏe, tán dạng hình chóp, lá thuôn dài, mặt lá màu xanh đậm, bóng láng. Quả khá to (2,6 - 3,1kg/quả) dạng hình cầu cân đối, đẹp. Khi chín vỏ quả có màu vàng đồng, cơm trái màu vàng, không xơ, vị béo ngọt, có mùi thơm, không sượng, hạt lép nhiều, tỷ lệ cơm

khá cao: 28,8%. Cây ghép sau 4 năm trồng đã có quả. Năng suất khá cao và khá ổn định. Cây 20 tuổi có thể cho 300 kg/cây/năm.

Mùa thu hoạch từ tháng 5 - 6. Từ ra hoa đến thu hoạch 3,5 - 4 tháng. Xử lý đông lạnh với quả cho kết quả tốt.

2. Sầu riêng Ri-6

Sầu riêng Ri-6 có xuất xứ từ Mianma nhập vào nước ta từ năm 1988 tại xã Bình Hoà Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, là giống cây ăn quả được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống tạm thời theo quyết định số 5309 QĐ/BNN-KHCN ngày 29/11/2002. Giống Ri-6 hiện trồng khá phổ biến và cho kết quả tốt ở các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long như Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, ở miền Đông Nam Bộ: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước và một số tỉnh ở Tây Nguyên. Cây sinh trưởng khá tốt, phân cành ngang, tán hình tháp, lá hình trái xoan, mặt lá có màu xanh đậm. Quả hình ovan, trọng lượng trung bình 2,0 - 2,5kg. Vỏ quả có màu vàng khi chín, thưa gai. Cơm trái dày, có màu vàng đậm, không xơ, ráo, không sượng, vị béo ngọt, thơm hấp dẫn, hạt lép nhiều. Tỷ lệ cơm cao 32 - 34%.

3. Sầu riêng hạt lép Đồng Nai (dòng vô tính S11DL)

Nguồn gốc: ở xã Xuân Tân, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là cây trồng bằng hạt khoảng 20 tuổi. Giống này được phát hiện qua Hội thi cây sầu riêng giống tốt năm 1996 tại Trung tâm cây ăn quả Long Định (nay là Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam) được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho phép đưa vào sản xuất ở các tỉnh Nam Bộ (tháng 10 - 1997).

Cây có tán trải đều. Thời gian thu hoạch từ tháng 6 - 8 dương lịch năng suất cao và ổn định qua các năm (hơn 110 quả/cây/năm) dạng quả khá cân đối, cơm có màu vàng đều, không xơ, ráo, mịn, chắc, tỷ lệ cơm cao 29,6%. Vị béo, ngọt mùi thơm hấp dẫn.

4. Sầu riêng cơm vàng hạt lép (dòng vô tính SDN 01L)

Giống sầu riêng cơm vàng hạt lép dòng vô tính SDN01L có nguồn gốc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, tham gia Hội thi Cây Sầu Riêng giống tốt năm 1996 ở Trung tâm Nghiên cứu cây ăn quả Long Định đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống, cho phép đưa vào sản xuất ở các tỉnh Nam Bộ. (tháng 10 - 1997).

Cây được trồng bằng hạt, khoảng 10 năm tuổi, tán tròn

phân bố cành đều. Thời gian thu hoạch quả từ tháng 6 - 8, năng suất cao (hơn 80 quả/cây/năm) và ổn định qua các năm. Trọng lượng quả trung bình 1,5 - 2,0kg, dạng quả tròn khá cân đối, cơm có màu vàng đều, không xơ, ráo mịn, chắc, tỷ lệ cơm cao (27,0 - 33,0%) vị béo, ngọt, mùi thơm hấp dẫn. Tỷ lệ hạt lép cao (>50%).

5. Đồng Sầu riêng EAKV-01

Do Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên tuyển chọn ở tỉnh Đắk Lắk trong năm 1996. Đắk Lắk là vùng rất thích hợp đã phát triển sầu riêng và cũng là nơi tập trung nhiều dòng sầu riêng ngon nổi tiếng với năng suất cao, chất lượng tốt. Dòng sầu riêng số 13 trong số 24 dòng đã được chọn lọc mang mã số EAKV-01 là dòng tốt: cây trên 30 tuổi có năng suất rất cao 600-1000kg quả/năm) tỷ lệ cơm cao 30 - 40%, Cơm quả rất mềm, ít xơ, ăn ngọt, béo có mùi thơm. Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là dòng tốt cho phổ biến trong sản xuất ở các tỉnh phía Nam theo quyết định số 2767 QB/BNN-KHCN ngày 29/7/1997.

6. Sầu riêng Monthong

Sầu riêng Monthong là giống ngon nổi tiếng của Thái Lan, nhập nội vào nước ta lần đầu tiên vào năm 1991 do

Ông Trần Minh Tân trồng tại huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước. Khả năng thích nghi của Monthong khá rộng và cho quả tốt và chất lượng cao. Hiện nay được trồng ở nhiều tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đến năm 2000 diện tích Monthong ở các tỉnh phía Nam là 2500ha.

Cây trồng cho quả sớm. Cây ghép được chăm sóc tốt sau 3 năm cho quả. Cây 9 tuổi đã có 140 quả/cây/năm.

Cây sinh trưởng khá tốt, tán hình thấp, lá thuôn khá dài, mặt lá phẳng màu xanh sậm, bóng. Quả có dạng hình trụ, đáy quả nhọn, trọng lượng quả khá lớn (2,5 - 4,5kg) khi chín vỏ quả chuyển từ màu xanh thành vàng nâu. Cơm trái màu vàng nhạt, ráo, mịn, ít xơ, tỷ lệ cơm cao 29 - 33%, hạt lép nhiều ăn ngọt, thơm, ít béo. Đây là giống có thể bảo quản bằng phương pháp đông lạnh. Công nghệ này đã giúp Thái Lan xuất khẩu được một khối lượng lớn đi các nước Mỹ, Ôxtrâyliia, Canada, Nhật Bản và các nước EU.

7. Sầu riêng khổ qua xanh

Đây là giống sầu riêng nổi tiếng xưa nay ở cù lao Ngũ Hiệp, còn gọi là cù lao Năm Thôn, nằm giữa sông Tiền

thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Xuất hiện ở đây từ thập niên 60. Theo thống kê của UBND xã Ngũ Hiệp xã hiện có 1400ha sầu riêng, 200ha trồng các giống cây ăn quả khác như nhãn, cam, bưởi, chôm chôm. Ngũ Hiệp cùng với 10 xã khác ven sông Tiền như Tam Bình, Long Khánh, Long Trung, Long Tiên, Hội Xuân đã hình thành vùng sản xuất chuyên canh sầu riêng với 4600ha trong đó hiện có 3000ha đang cho trái. Theo thống kê của Phòng Nông nghiệp phát triển nông thôn Cai Lậy vụ sầu riêng chính vụ năm 2006 toàn huyện đạt năng suất bình quân 20 tấn/ha sản lượng 50 - 60 ngàn tấn trái.

Sầu riêng ở cù lao Ngũ Hiệp khoảng 70% là giống địa phương như khố qua xanh, lá quéo, hạt lép Tư tây... với phần lớn là cây trên 10 năm tuổi, còn lại các nhà vườn trồng các giống mới như sầu riêng Chín Hoá, Ri-6, Monthong.

Đặc điểm nổi bật của giống sầu riêng khố qua xanh là cây mọc khỏe, cho quả sớm (cây ghép năm thứ 3 đã cho quả) khả năng đậu quả cao: 200 - 300 quả/cây/năm thậm chí 500 - 600 quả, do đó đạt hiệu quả kinh tế lớn mặc dù quả nhỏ hơn các giống khác (1,5 - 1,8 kg/quả), tỷ lệ phân ăn được có thấp hơn: 18 - 21%.

Quả có dạng hình elip, màu quả xanh, khi chín cơm màu vàng nhạt, ăn ngọt đậm béo, có mùi thơm đậm đà, hạt to 6 - 12 hạt/quả chiếm khoảng 18.4% trọng lượng quả. Năng suất trung bình cây 9 tuổi đạt 95kg/cây, 10 năm trở lên cho năng suất phổ biến 20 - 25 tấn/ha thu hoạch chính vụ giống sầu riêng khổ qua xanh từ tháng 4 - 7 âm lịch sớm hơn sầu riêng miền Đông nên hầu như độc chiếm thị trường. Hiện nay nhà vườn đã xử lý cho sầu riêng ra hoa trái vụ và thu hoạch quả vào tháng 1 - 2 âm lịch, giá bán sầu riêng lúc này cao gấp nhiều lần so với chính vụ. Chính vì thế, nhiều hộ trồng sầu riêng ở cù lao Ngũ Hiệp có thu nhập 150 - 200 triệu đồng với 4 - 5 công sầu riêng (mỗi công = 1000m²) là chuyện bình thường.

MĂNG CỤT (GARCINIA MANGOSTANA L.)

Nhiều người đã mệnh danh cho măng cụt là “Hoàng hậu” trong các loại quả nhiệt đới vì có phẩm chất ngon và giá trị thương phẩm cao.

Hiện nay diện tích trồng măng cụt trên thế giới vẫn còn bị hạn chế. Măng cụt yêu cầu về khí hậu nghiêm ngặt, hạt khó tồn trữ, cây khó nhân giống, chậm phát

triển và lâu cho quả, ngoài ra phần ăn được của quả măng cụt lại ít nên khó cạnh tranh với các loại quả nhiệt đới khác. Ở nước ta măng cụt được trồng ở một số tỉnh như Bình Dương (Lái Thiêu), Bến Tre, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh và Thừa Thiên Huế.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khá, tán cây hơi tròn, lá có dạng hình trứng, mút lá nhọn màu xanh đậm.

Trồng bằng hạt cây bắt đầu cho quả khi cây được 7 năm tuổi ở Đồng bằng sông Cửu Long, măng cụt ra hoa vào tháng 1 - 2 dương lịch. Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch 100 - 105 ngày. Măng cụt cho năng suất khá cao và khá ổn định: khoảng 60 - 70kg/cây/năm với cây 40 năm tuổi, tùy thuộc vào sự phát triển của cây.

Quả măng cụt có trọng lượng trung bình khoảng 80g, dạng quả tròn, khi già vỏ trái có nhiều chấm nhỏ màu tím đỏ. Quả khi chín màu nâu đỏ vỏ quả dày 8 - 9mm vị ngọt, chua thanh, độ Brix 17 - 19%, tỷ lệ phần ăn được 29 - 31%.

Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam đã chọn được 4 cá thể (trên cơ sở quả to > 80g): BDMC2, BTMC3, BTMC4, BTMC6 và 04 cá thể này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng năm 2002.

VÚ SỮA LÒ RÈN

(*Chrysophyllum cainito* L)

Là một trong những giống vú sữa nổi tiếng nhất ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long được trồng đầu tiên ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay vú sữa Lò Rèn được trồng nhiều nhất ở Tiền Giang, một số tỉnh khác như Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp đều có trồng, là loại quả được thị trường trong nước ưa chuộng và để xuất khẩu.

Cây có đặc điểm sinh trưởng khỏe, tán cây dạng tròn, lá hình trứng đuôi lá nhọn, mặt lá xanh đậm bóng loáng, lưng lá màu nâu, nhám. Quả khá lớn, khối lượng trung bình 200 - 350g, dạng quả tròn. Khi chín màu xanh vàng, ở đáy quả ứng tím, vỏ mỏng, láng bóng, lõi quả nhỏ. Chất lượng quả rất ngon, thịt dai, mềm, nhiều nước có vị ngọt béo, độ Brix 15 - 18%, có vị thơm, tỷ lệ phần ăn được cao 60 - 70%.

Trồng bằng cách chiết cây cho trái sau 3 - 4 năm. Thời

gian từ khi cây ra hoa đến thu hoạch là 9 tháng. Mùa thu hoạch vú sữa ở đồng bằng sông Cửu Long vào tháng 12 - 2 dương lịch. Giống vú sữa Lò Rèn cho năng suất cao. Cây 20 tuổi đạt 350 - 400kg/năm, năng suất trung bình 26 tấn/ha.

Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, ở đồng bằng sông Cửu Long có 6 giống vú sữa, đó là: vú sữa Lò Rèn, vú sữa vàng, vú sữa nâu hay tím, vú sữa bánh xe, vú sữa vú bò. Trong đó giống vú sữa Lò Rèn chiếm trên 96% diện tích, vú sữa vàng 2% và các giống khác chỉ có 2%.

Cá thể của giống vú sữa Lò Rèn đã đạt giải nhất trong Hội thi cây vú sữa giống tốt năm 2001 do Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam tổ chức.

CÁC GIỐNG DỨA

(*Ananas comosus* L.)

1. Giống Cayen Chân mộng (còn gọi là Cayen Phú Hộ)

Giống dưa Cayen Phú Hộ được chọn tại vùng Chân Mộng (huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ) từ nguồn giống

nhập nội những năm 1930 - 1935 do người Pháp đưa vào trồng ở một số địa phương miền Bắc.

Đặc điểm của giống này là quả to, khối lượng quả 1,2 - 1,5 kg/quả năng suất cao, trung bình 59 - 60 tấn/ha, chất lượng quả tốt: đường tổng số 14,6%, axit 0,64%, độ Brix 15,2%, Vitamin C 8mg/160g, tỷ lệ nước quả: 74,1%. Khả năng chịu bệnh khá, thích hợp với các tỉnh phía Bắc. Giống Cayen Chân mộng có thể dùng để ăn tươi và thích hợp cho chế biến đồ hộp.

2. Giống Cayen Đức Trọng

Nguồn gốc: ở tỉnh Lâm Đồng do người Pháp đưa sang từ những năm 1930 - 1940, được trồng xen trong các đồn điền trồng cây lâu năm. Giống này tỏ ra thích nghi với điều kiện khí hậu đất đai tỉnh Lâm Đồng, ít bị bệnh héo khô đầu lá (bệnh Wilt). Khả năng sinh trưởng khỏe, bộ lá xum xuê, bản lá to, màu lá hơi nhạt, độ Brix 14,5%, đường tổng số 13,8%, axit 0,61% Vitamin C: 7,2mg/100g, tỷ lệ nước quả 73,4%, thích hợp cho chế biến đồ hộp và sản xuất nước quả cô đặc.

Nhược điểm là giống này có nhiều chồi cuống (5-10 chồi) trong điều kiện ra hoa tự nhiên. Hiện nay giống Cayen Đức Trọng cũng đã được trồng nhiều nơi như Tiền

Giang, ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định... cho thấy cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất khá cao (60 tấn/ha).

3. Giống Cayen Trung Quốc

Giống dưa Cayen Trung Quốc được nhập nội và chọn lọc vào những năm 1993 - 1996 từ tỉnh Quảng Tây. Quả khá to từ 1,2 - 2,7kg/quả, có nhiều quả nặng tới 3kg trung bình 1,5kg/quả. Quả hình trụ ngắn, dịch nước quả nhiều, thơm, độ Brix 15,1%, đường tổng số 14,4%, axit 0,61%, Vitamin C: 7,6mg/100g. Tỷ lệ nước quả 74,4%.

Giống Cayen Trung Quốc sinh trưởng mạnh, nhiều chồi cuống (từ 7 đến 20 chồi) trong điều kiện ra hoa tự nhiên. Khả năng chịu lạnh, chịu hạn khá, song dễ bị nhiễm bệnh Wilt nếu trồng ở các tỉnh phía Nam. Năng suất cao, trung bình 58 - 62tấn/ha, thích hợp cho sản xuất nước dưa cô đặc và làm đồ hộp.

4. Giống Cayen Thái Lan

Được nhập nội và trồng thử nghiệm ở nhiều vùng sinh thái khác nhau trên cả nước trong các năm 1998 - 2000 và một số năm sau: kết quả cho thấy giống dưa Cayen Thái Lan khá phù hợp với điều kiện khí hậu các tỉnh phía Nam hơn.

Cây sinh trưởng khá mạnh, ít chồi cuống, tỷ lệ xử lý cây ra hoa khá cao, năng suất đạt 58 tấn/ha nhiều hộ gia đình đạt 60 - 65 tấn/ha. Khối lượng quả trung bình 1,2kg, thịt quả màu vàng, độ Brix cao 14,8%, đường tổng số 14,2%, axit 0,65%, vitamin C 8,1mg/100g, tỷ lệ nước quả: 76,8%. Quả hình trụ, độ đồng đều cao, phù hợp với chế biến đồ hộp và sản xuất nước quả có đặc.

5. Dứa Kiên Giang và dứa Bến Lức (Long An)

Dân địa phương gọi là “Khán”. Một số tác giả xếp các giống này vào cùng với giống Na hoa hay gọi là Queen cổ điển - Queen classic.

Trong điều kiện miền Nam, cây sinh trưởng mạnh và quả có khối lượng trung bình 0,9 - 1,2 kg.

So sánh giữa “khán” Kiên Giang và “khán” Bến Lức có thể nhận ra một số điểm khác nhau như quả khán Kiên Giang có dạng hình trụ hơn, mắt quả to hơn và thịt quả có nhiều nước hơn.

Đây là những giống trồng khá phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ví dụ: vùng chuyên canh dứa ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có lớn hơn 5000ha dứa. Năng suất bình quân đạt 12 - 15 tấn, có hộ đạt được 27tấn/ha trên đất trước đây là đất phèn, độ pH thấp 3 - 4,

được nhà nước đầu tư cải tạo để hình thành vùng chuyên canh dứa.

6. Dứa hoa Phú Thọ

Còn được gọi là hoa Bali hoặc Queen Natal. Giống này có những đặc tính điển hình nhất của nhóm Queen như quả nhỏ (quả loại I: 500g), mắt nhỏ, lõi, gai ở rìa lá nhiều và cứng.

Giống Hoa Phú Thọ được nhập nội vào Việt Nam vào khoảng đầu thế kỷ 20, sau đó được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Ưu điểm nổi bật là thịt vàng, giòn, vị rất thơm và hấp dẫn, thường được dùng để ăn tươi hay pha trộn vào nước ép cùng các giống khác, hoặc nước ép của các loại quả khác để tạo ra mùi thơm đặc trưng.

Có thể trồng được trên nhiều loại đất, kể cả đất nghèo dinh dưỡng. Có thể duy trì năng suất đến vụ thứ 2, thứ 3 nếu áp dụng kỹ thuật chăm sóc thích hợp, dễ xử lý ra hoa trái vụ.

Hệ số nhân giống tương đối cao, dễ dàng mở rộng diện tích những nơi đất trồng và đôi trục.

Nhược điểm: quả nhỏ, năng suất không cao, khó chế biến đồ hộp và dễ gây ra hiện tượng caramel hoá (đường

bị kết tinh và cháy) khi chế biến dịch quả cô đặc nên hiệu quả kinh tế không cao.

CÁC GIỐNG XOÀI

(*Mangifera indica* L.)

1. Xoài Cát Hoà Lộc

(Cây đầu dòng CT1 và C6)

Cây đầu dòng CT1 thuộc giống xoài Cát Hoà Lộc được trồng ở phường An Thới, thành phố Cần Thơ và C6 được trồng ở xã Hoà Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đặc điểm: cây có tán dạng tròn, sinh trưởng khá, lá dạng hình lưỡi mác, đuôi lá rất nhọn và dài, mép lá gợn sóng. Thời gian thu hoạch 2 cá thể này tập trung từ tháng 3 đến tháng 5.

Thời gian từ ra hoa đến thu hoạch 3,5 - 4,0 tháng.

Quả xoài khá to, trọng lượng trung bình 450 - 600g, dạng quả thuôn dài, bầu tròn phần gần cuống. Khi già vỏ quả có nhiều chấm tròn nhỏ màu nâu và có lớp phủ bên ngoài. Khi quả chín màu vàng tươi vỏ mỏng, đỉnh quả nhọn và eo quả rất rõ. Chất lượng quả khi chín rất ngon.

Hạt mịn, rất ngọt, độ Brix 20 - 22% mùi thơm, không xơ hạt dẹt, tỷ lệ phân ăn được cao 80 - 84%.

Các cá thể CT1 và C6 thuộc giống xoài Cát Hoà Lộc đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép đưa vào sản xuất ở các tỉnh phía Nam từ năm 1997. Hiện nay diện tích trồng xoài Cát Hoà Lộc đang được mở rộng ước tính khoảng 4900ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bến Tre, Cần Thơ và một số tỉnh ở Đông Nam bộ.

2. Cây đầu dòng xoài Cát Chu CD2

Cây đầu dòng xoài Cát Chu CD2 thuộc giống xoài Cát Chu, trồng ở Tịnh Thới, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Cây có tán tròn, sinh trưởng mạnh. Lá dạng hình lưỡi mác dài, mút lá nhọn và ngắn, mép lá ít gợn sóng.

Thời gian thu hoạch quả từ tháng 3 đến tháng 5.

Từ khi ra hoa đến thu hoạch 3,5 tháng.

Quả có trọng lượng trung bình 300 - 350g, dạng quả hơi tròn, cuống nhô cao. Khi quả già có nhiều chấm to dạng bất định màu nâu trên vỏ. Khi chín vỏ quả màu vàng tươi, đỉnh quả tròn. Chất lượng quả khá ngon, thịt

quả mọng, ngọt có vị hơi chua, độ Brix 18 - 20% mùi thơm không xơ, hạt nhỏ, tròn, phần ăn được cao 78 - 89% so trọng lượng quả.

Cá thể CD2 giống xoài Cát Chu đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là cây đầu dòng và cho phép đưa vào sản xuất các tỉnh phía Nam từ năm 1997.

Diện tích trồng xoài Cát Chu đạt khoảng 7200ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang và Đồng Nai.

3. Giống xoài Khiêu Sa Voi

Nguồn gốc: nhập nội từ Thái Lan, được trồng ở nước ta từ 1996. Đây là giống xoài ăn xanh, có nhiều đặc tính tốt về khả năng sinh trưởng, năng suất và phẩm chất quả.

Xoài Khiêu Sa Voi hiện nay được trồng rải rác ở một số tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long, trại Đồng Tiến (thành phố Hồ Chí Minh).

Cây sinh trưởng mạnh, tán cây dạng hình tháp, lá dạng lưỡi mác dài, đuôi lá nhọn. Nếu được chăm sóc tốt sau trồng 30 tháng cây cho quả. Thời gian thu hoạch tập trung vào tháng 3 - 4, Áp dụng kỹ thuật xử lý cho ra hoa vụ nghịch có thể thu hoạch từ tháng 1 - 2 dương lịch. Lúc này bán rất có giá.

Thời gian từ khi cây ra hoa đến thu hoạch 105 - 110 ngày. Giống xoài Khiêu Sa Vôi cho năng suất cao: cây 5 tuổi đạt 50kg/cây và ổn định.

Quả Khiêu Sa Vôi không lớn, trọng lượng trung bình 300 - 400g quả hình thuôn dài, vỏ quả xanh đậm, quả khi già có lớp phấn trắng phủ trên vỏ. Thịt quả màu vàng nhạt, mịn, ngọt, giòn, độ Brix 8,3 - 9,0% không xơ, hạt nhỏ dài, tỷ lệ phần ăn được cao 78 - 80%.

4. Xoài Cát Mốc Bình Định

Nguồn gốc ở thôn Cầu Dài, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Đặc điểm: lá hình mũi mác, mút lá nhọn, ngắn, gốc phiến lá nhọn dài. Lá dài: $30,98 \pm 0,86\text{cm}$, rộng $6,54 \pm 0,12\text{cm}$, cuống lá dài $5,11 \pm 0,75\text{cm}$ số cặp gân lá $28,13 \pm 0,54$ mặt lá màu xanh đậm, mép lá hơi gợn sóng.

Về quả: trọng lượng trung bình 360 - 472g/quả. Khi quả già có 1 lớp phấn mịn màu mốc trắng bao phủ khi quả chín lau nhẹ lớp phấn thấy vỏ quả màu vàng tươi, hơi sẫm vỏ quả bóng rất đẹp. Thịt quả màu vàng hơi đậm, thịt chắc, ngọt đậm, ráo. Tỷ lệ ăn được 79,8%, tỷ lệ hạt 9,1% điểm đánh giá cảm quan 8,03/9,0. Hàm lượng chất khô 18,18%, đường tổng số 22,95%, axit 0,4%, vitamin

C 34,5mg/100g, hàm lượng caroten 2,0mg/100g quả. Các chỉ tiêu về chất lượng quả xoài Cát Mốc tốt tương đương với Xoài Cát Hoà Lộc ở Tiền Giang.

Năng suất: xoài Cát Mốc Bình Định có năng suất khá cao và ổn định. Theo Nguyễn Văn Lâm (2000) cây 8 tuổi đạt 172kg/cây, 10 tuổi 210 - 250 kg/cây, 15 - 20 tuổi 306 - 456kg/cây.

Do có những ưu điểm về năng suất và phẩm chất xoài Cát Mốc Bình Định đang được phát triển nhanh và rộng ở nhiều huyện trong tỉnh Bình Định và một số tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. (Theo số liệu thống kê của Viện Quy hoạch và Thiết kế Bộ Nông nghiệp, 2005), năm 2000 diện tích xoài của tỉnh Bình Định 1020ha sản lượng 1.456 tấn đến năm 2004 các số liệu tương ứng là 5.586ha và 2.730 tấn, trong đó diện tích cho thu hoạch 1.498ha.

5. Giống xoài GL1

Nguồn gốc: Từ tập đoàn nhập nội các giống xoài của nhiều nước: Trung Quốc, Ôxtrâylia, Thái Lan, Mianma, Việt Nam... Viện Nghiên cứu rau quả đã chọn được 3 giống, trong đó có GL1, GL6 đã được công nhận giống quốc gia, giống GL2 được công nhận tạm thời năm 1996.

Đặc tính: cây sinh trưởng và phát triển khoẻ, tán tròn

đều, phân cành mạnh có trung bình 4 đợt lộc trong năm chủ yếu tập trung từ tháng 4 - 6. Sau 4 năm trồng cây có chiều cao trung bình 4m, đường kính tán 4 - 4,5m. Cành tạo với thân chính một góc 45 - 60⁰, phân bố đều xung quanh tán.

Lá xanh thẫm, thuôn dài, hơi lõng máng dài 20 - 21cm rộng 5,4 - 5,5cm. Hoa nở 2 đợt: đợt 1 nở vào cuối tháng 1 đầu tháng 2 với số lượng ít, đợt 2 nở vào khoảng trung tuần tháng 4, hoa lưỡng tính khá cao 21 - 24%. Khả năng đậu quả trung bình 6%, rụng quả sinh lý xảy ra mạnh. Sau khi đậu quả tập trung chủ yếu vào tuần thứ 1 đến tuần thứ 3. Còn lại 2 - 4 quả trên chùm vào thời điểm thu hoạch. Thời gian từ nở hoa đến thu hoạch quả của GL1 120 - 130 ngày. Năm thứ 3 năng suất trung bình 5 - 8kg/cây. Cây 5 tuổi đạt 5 - 8 tấn/ha.

Quả hình thuôn dài, trọng lượng quả trung bình 220g/quả. Quả chín màu vàng sáng, thơm. Tỷ lệ phần ăn được 75,6%, thịt quả vàng đậm, không xơ, ngọt, hàm lượng chất khô 19,34%, đường tổng số 19,34%, axit 0,55, vitamin C 3,93mg/100g, caroten 2,48mg/100g.

6. Giống xoài GL2

Cây sinh trưởng khoẻ cành vươn ngang tạo thành tán

thấp và rộng, bề mặt tán thưa và thoáng. Hàng năm có 4 - 5 đợt lộc. Sau 4 năm trồng có chiều cao trung bình 3,4m. Ngoài đợt hoa chính nở rộ vào trung tuần tháng 4, còn các đợt hoa phụ vào đầu tháng 1, đầu tháng 2 và đầu tháng 7. Tỷ lệ hoa lưỡng tính trên chùm trung bình là 19%, tỷ lệ đậu quả đạt 4%, mỗi chùm khi thu hoạch có từ 2 - 5 quả. Thời gian nở hoa đến thu hoạch 120 - 140 ngày quả chín không tập trung, thu hoạch vào trung tuần tháng 4 đến đầu tháng 9. Quả to, vỏ dày khi chín vỏ quả màu xanh vàng. Trọng lượng quả trung bình 350 - 550g. Thịt quả màu vàng nhạt ngọt đậm, tỷ lệ phần ăn được 73%, năng suất cây 5 tuổi 10 - 15kg/cây. Hàm lượng chất khô 28,76%, đường tổng số 22,92%, axit 0,38%, vitamin C 2,24mg/100g, caroten 2,48mg/100g.

7. Giống xoài GL6

Khả năng sinh trưởng đạt trung bình về chiều cao và đường kính tán phân cành ít, cành có thể vươn thẳng. Tán cây thưa và thoáng, lá to, rất dày và xanh thẫm. Mặt lá gồ ghề, mép lá gợn sóng, phiến lá dài trung bình 21cm, rộng 6,5 - 7cm có 15 - 16 đôi gân lá. Mỗi năm ra 4 đợt lộc. Hoa nở tập trung vào nửa cuối tháng 4, thu quả vào trung tuần tháng 9, trên mỗi chùm có từ 1 - 3 quả. Quả hình tròn dẹt, khi chín vỏ quả xanh vàng, phớt hồng.

trọng lượng quả trung bình 750g cá biệt có quả nặng 1,5kg. Thịt quả màu vàng, có mùi thơm, vị ngọt đậm, tỷ lệ phần ăn được cao (đạt trên 75%) hàm lượng chất khô 19,37%, đường tổng số 17%, axit 0,45%, vitamin C 3,01mg/100g, caroten 2,59mg/100g. Năng suất trung bình sau trồng 3 năm 12 - 15 kg/cây.

8. Xoài Canh Nông

- Nguồn gốc: xoài Canh Nông là giống trồng phổ biến nhất ở tỉnh Khánh Hoà, chiếm gần 90% diện tích xoài của Tỉnh (theo báo cáo của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hoà, 1999). Xoài canh nông còn có nhiều tên gọi khác nhau: xoài Cam Ranh, xoài Thuý Triều, xoài Tây, xoài Nha Trang.

- Đặc điểm: cây sinh trưởng tốt ở nhiều loại đất như đất cát, đất đồi có độ dốc lớn. Tán cây hình mâm xôi. Cây 26 tuổi có chiều cao 17 - 18m, đường kính tán 18 - 19m số chồi trên 1m² tán lá 32 - 33 chồi. Lá hình mũi mác, phiến lá ít gợn sóng, mút lá nhọn chùm hoa có màu hồng xanh, số lượng hoa trên chùm trung bình 1490 hoa, tỷ lệ hoa lưỡng tính cao (44,6%), khả năng đậu quả tốt (Nguyễn Văn Lâm, 2000). Số quả thu hoạch trên chùm hoa 2,95 - 3,12 quả (Hồ Huy Cường và CTG, 2006). Quả

dạng thuôn tròn. Vỏ quả khi chín màu vàng xen những vệt xanh nhỏ, thịt quả vàng đậm, mịn vừa, hơi nhão. Khối lượng quả trung bình 320g/quả (chiều dài 10,6cm, rộng 5,5cm, chiều dày 4,9cm). Tỷ lệ phân ăn được 72,5%, hạt trung bình 13,0%, hàm lượng đường tổng số 16,4%, xenluloz 0,62%, vị ngọt, hơi chua thuộc nhóm xoài đa phối.

Năng suất của những cây xoài đã được tuyển chọn trung bình trong 3 năm 20 - 21kg/cây đạt được 18,3 - 18,7tạ/cây so với năng suất/cây trong quần thể 5,6 tạ/cây tăng 226,8 - 233,9%. Năng suất cây xoài canh nông đã được tuyển chọn đạt 41,3 - 47,4tấn/ha (Hồ Huy Cường và CTG, 2006).

Xoài Canh Nông (xoài Cam Ranh) có khả năng chịu hạn, chịu nóng, chịu trồng trên đất cát, đất dốc ra hoa đậu quả tốt, tiềm năng cho năng suất cao. Hướng sử dụng ngoài ăn tươi còn dùng để chế biến nước quả, hạt dùng làm gốc ghép rất tốt cho các giống xoài ở miền Nam.

CÂY CHUỐI (MUSA SP) VÀ CÁC GIỐNG CHUỐI Ở VIỆT NAM

Tác giả nhận thấy sẽ rất thiếu sót khi nói đến cải tạo vườn tạp mà không đề cập đến cây chuối.

Ở nước ta chuối có mặt khắp mọi nơi từ miền Nam đến miền Bắc có mặt khắp mọi vùng: đồng bằng, trung du, miền núi, gần bố rất mật thiết với đời sống. Người dân dùng để ăn tươi, làm rau làm thực phẩm, những năm thiên tai mất mùa dùng làm lương thực... nải chuối xanh bày mâm ngũ quả ngày Tết là một phong tục đẹp có tính văn hoá trong nhân dân ta.

Trồng chuối chóng có quả, là nguồn dinh dưỡng quý báu để cải thiện bữa ăn, nâng cao sức khỏe cho trẻ em người già và các lứa tuổi trong cộng đồng dân cư.

Chọn trồng các giống chuối thích hợp với khí hậu đất đai của từng địa phương nhằm cải thiện về dinh dưỡng cho người, những nơi có các giống đặc sản thì đó là nguồn thu nhập đáng kể cho mỗi hộ gia đình. Chưa nói

đến khi có hiệp định thương mại về chuối nước ta sẽ có những vùng trồng chuối chuyên canh và đời sống của người trồng chuối chắc sẽ được nâng cao hơn nhiều so với hiện nay.

NHỮNG GIỐNG CHUỐI TRỒNG PHỔ BIẾN

1. Chuối tiêu: tên gọi ở miền Bắc, ở miền Nam gọi là chuối Già.

Quả chuối tiêu dài, cong, ruột quả chia thành 3 phần dọc theo tâm Noon. Có 3 loại chuối khác nhau căn cứ vào độ cao cây để phân:

- Tiêu cao: cây cao 2,8m - 3,5m
- Tiêu vừa: cây cao 2,2m - 2,8m
- Tiêu lùn: < 2,2m.

Trong các giống trên, giống chuối tiêu vừa (còn gọi là chuối tiêu nhỏ) được trồng phổ biến nhất và dùng để xuất khẩu. Chuối tiêu thường được trồng nhiều ở các vùng bãi ven sông. Thời gian sinh trưởng 13 - 14 tháng, buồng nặng 15 - 25kg, có 8 - 9 nải, 200 - 250 quả/buồng. Quả dài 15 - 20cm đường kính quả 2,8 - 3,5cm hơi cong. Vỏ quả dày, khi chín có màu vàng, ruột quả vàng, ăn ngọt và thơm. Độ thơm ngon của quả chuối một phần phụ thuộc

vào khí hậu thời tiết khi quả chín. Chuối tiêu ở miền Bắc ngon hơn ở miền Nam, chuối chín vào mùa đông ngọt và thơm hơn mùa hè thu.

Giống chuối tiêu vừa Phú Thọ (VN1-064)

Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phú Hộ - Viện Nghiên cứu rau quả tuyển chọn từ tập đoàn các giống chuối được thu thập từ các nguồn khác nhau trong nước, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống chính thức năm 2006.

Đặc điểm: cây cao 202,7cm chu vi thân giả 56,5cm, số nải/buồng 8,94, số quả/buồng: 144,14, chiều dài quả 17,6cm, đường kính quả 3,8cm, khối lượng buồng 22,45kg, năng suất 39,87 tấn/ha. Trồng ở đất trong đê và ngoài đê xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ số quả/buồng đạt 142,4 - 149,5 quả. Khối lượng quả 147,1 - 155,2g/quả, khối lượng buồng 23,5 - 26,4kg. Năng suất đạt 42,0 - 46,5 tấn/ha.

II. Chuối tây: tên gọi ở miền Bắc, Miền Nam gọi là chuối Sứ, chuối Xiêm, miền Trung gọi là chuối mật mốc.

Đây là một trong những giống chuối được trồng khá phổ biến ở các vùng trong nước nhờ có tính thích nghi rộng, trồng được trên nhiều loại đất, tương đối chịu hạn

hơn so với chuối tiêu. Cây sinh trưởng khoẻ, thân giả cao 3,0 - 4,0m, bẹ lá có màu vàng nhạt, có phấn ở lá và cuống lá. Thời gian sinh trưởng 12 - 13 tháng, trọng lượng buồng 15 - 20kg, có 6 - 8 nải và 150 - 230 quả/buồng. Vỏ quả mỏng màu vàng đậm khi chín. Thịt quả chắc, màu vàng đậm, ăn rất ngọt, có vị chua nhẹ. Dùng để ăn tươi hay sấy khô. Người tiêu dùng ở miền Bắc thích ăn chuối tây vào mùa hè, còn mùa đông thì chuối tiêu ngon hơn, còn ở miền Nam ra chợ chuối tây (Xiêm, Sứ) lúc nào giá cũng cao hơn chuối Già (chuối tiêu).

Thành phần hoá học: *(Xem Bảng 2: Thành phần hoá học một số giống chuối, trang 254).*

III. Chuối ngự Hoà hậu: xuất xứ của giống chuối này là ở làng Đại Hoàng, tỉnh Nam Định cũ nay là xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam là giống chuối thơm ngon nổi tiếng tương truyền trước đây dùng để tiến Vua nên còn gọi là chuối ngự tiến (Còn có tên cũ theo địa danh chuối ngự Nam Định).

Đặc điểm: cây cao trung bình 261cm, thân giả gãy, chu vi thân 51,5cm với tổng số lá khi cây có hoa 31,3. Lá màu xanh vàng, mọc đứng lá dài và hẹp ngang, gốc lá lệch, cuống lá khép kín. Buồng chuối ngắn hình trụ có 5

- 8 nải, 80 - 140 quả/buồng, trọng lượng buồng 6 - 8kg. Quả chuối ngự nhỏ hơn chuối tiêu và chuối tây, chiều dài 7 - 10cm, đường kính 2,5 - 3,0cm, trọng lượng quả 34 - 68g/quả. Quả chín có vỏ màu vàng sáng rất hấp dẫn, và mỏng, thịt quả màu vàng đậm, chắc, mịn, ăn rất ngọt và có vị thơm đặc biệt.

Hàm lượng dinh dưỡng trong quả chuối ngự Đại Hoàng: nước 75%, đường tổng số 17,1%, tinh bột 1,1%, protein 1,8%, axit 0,1%, lipit 0,12%, tro 0,8%, vitamin C 90mg/100g.

Xu hướng hiện nay của người tiêu dùng là các sản phẩm quả tươi có chất lượng cao nên chuối ngự Hoà Hậu bán được giá cao hơn so với chuối tiêu và chuối tây, do đó người trồng chuối ngự rất yên tâm sản xuất.

IV. Chuối bom: khi quả chín có hương của táo nên có tên là chuối bom (pomme), giống mới nhập nội sau năm 1960 và trồng tập trung ở vùng đồi ở hai huyện Thống Nhất, Định Quán tỉnh Đồng Nai, khả năng chịu hạn tốt.

Cây cao 1,2 - 2,0m có màu nâu sẫm. Thời gian sinh trưởng 9 - 10 tháng. Buồng chuối có 5 - 8 nải, 80 - 100 quả, nặng trung bình 6 - 10kg. Quả chuối bom dài 10 - 15cm, đường kính 2,8 - 3,2cm. Vỏ quả khi chín có màu

vàng sáng, mỏng, thịt quả cứng có màu vàng đến phớt hồng, có vị thơm ngon, hơi chua hơn chuối tiêu và chuối tây rất thích hợp cho việc chế biến chuối khô.

Cây chuối bom chịu hạn tốt, có thể trồng trên đất đồi dốc đến 45⁰. Chuối bom đã đem trồng ở Phú Quỳ (Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) và ở Yên Châu (tỉnh Sơn La). Cây sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất không kém ở Đồng Nai nên rất được đồng bào các dân tộc ở Yên Châu hoan nghênh, vì ngoài lấy quả, mùa khô hạn còn dùng thân chuối để nuôi lợn.

Thành phần hoá học: quả chuối chín chứa 70 - 80% nước, 20 - 30% chất khô chủ yếu là đường. Trong đường, đường khử chiếm 55%, hàm lượng protein thấp (1,0 - 1,8%), lipid không đáng kể, axit khoảng 0,2% chủ yếu là axit malic và axit oxalic, vì thế chuối có độ chua dịu. Chuối chứa ít Vitamin (caroten, vitamin B₁, C, axit folic...) nhưng hàm lượng cân đối, ngoài ra còn có muối khoáng, pectin và hợp chất poliphenol (*Xem Bảng 2: Thành phần hoá học một số giống chuối, trang 254*).

	Chuối ngũ Nam Định	Chuối tiêu Phú Thọ	Chuối tiêu Hải Dương	Chuối Bom Đổng Nai	Chuối Sứ Đổng Tháp
Nước %	75,0	76,5	78,0	70,5	78,0
Lipit %	0,2	0,07	0,1	-	-
Protein %	1,8	1,8	1,09	-	-
Tinh bột %	1,1	0,8	0,7	1,1	2,8
Đường tổng số %	17,1	18,4	16,2	17,2	17,3
Sacarôza %	-	-	-	10,4	11,2
Fructoza %	-	-	-	3,7	2,3
Glucôza %	-	-	-	3,1	3,8
Axit %	0,1	0,15	0,1	0,23	0,14
Tro %	0,8	0,8	1,0	1,1	0,8
Vitamin C mg%	90	65	80	95	58

Bảng 2. Thành phần hoá học một số giống chuối

Nguồn: Quách Đình, Nguyễn Văn Tiếp, Nguyễn Văn Thoa 1996

CÂY TÁO TA (*Ziziphus mauritiana* Lam)

Táo là loại cây ăn quả có nhiều ưu điểm: nhanh ra quả, dù trồng bằng hạt hay bằng cây ghép, táo cũng ra quả ngay năm đầu, ít sâu bệnh hại, thích nghi được với những vùng khí hậu khắc nghiệt và trồng được trên nhiều loại đất, năng suất trên đơn vị diện tích tương đối cao, quả táo có thể ăn tươi, ướp đường, sấy khô, chế nước sirô, làm các loại rượu có tác dụng bồi bổ cơ thể vì chứa nhiều chất dinh dưỡng. Cùi táo sấy khô và nhân hạt táo dùng làm thuốc bổ và an thần. Hoa táo có nhiều mật, chất lượng mật táo cũng cao, không kém mật vài nhãn.

Ở miền Bắc sau khi thu hoạch quả xong vào cuối tháng 2, táo được dọn dẹp cành. Khi đó dưới gốc người ta có thể trồng xen một vụ đỗ, hoặc trồng rau vừa tốt cho đất vừa có thu nhập thêm. Mật khác khi cần chuyển đổi giống người ta có thể đốt đau và ghép cái tạo giống mới thay cho giống cũ.

Các giống táo:

Dựa vào thời gian quả chín rộ có thể chia các giống táo thành 3 nhóm: chín sớm, chín vụ giữa, chín vụ muộn.

I. NHÓM CHÍN SỚM

Táo Má hồng: do Viện Nghiên cứu CLT - CTP chọn lọc từ gây đột biến hạt táo Gia Lộc bằng xử lý hoá chất. Được công nhận giống Quốc gia tháng 1/1998.

Đặc điểm: tán hình dù, gọn, lá thưa, màu xanh đậm hình thoi, đầu lá nhọn. Quả hình tròn có vỏ màu tím hồng chín rộ vào giữa tháng 11 đầu tháng 12. Khi chín vị ngọt dòn. Táo Má hồng thuộc nhóm quả nhỏ. Khối lượng quả 15 - 20g, trung bình 52 quả/kg. Ưu điểm nổi bật là tán gọn có thể trồng dày được.

II. NHÓM CHÍN VỤ GIỮA

Quả chín rộ trong tháng 12 đầu tháng 1, trong nhóm này có các giống: Gia Lộc, đào Tiên, đào Vàng.

1. Giống Gia Lộc

Là giống nhập nội được trồng đầu tiên ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Viện CLT - CTP phân lập và chọn lọc từ tập đoàn giống táo nhập nội. Năm 1978 giống táo mới này được đặt tên là Táo xoan sớm và được trồng ở Gia Lộc - Hải Dương nên có tên là táo Gia Lộc.

Đặc điểm: thân cành lá sinh trưởng khoẻ, tán cây có dạng hình dù lan rộng, tán thường có tầng. Lá xanh nhạt,

to, bầu, mút lá bằng hoặc lõm. Có khả năng cho 2 vụ quả trong một năm.

Vụ 1: ra hoa tháng 5, nở rộ đậu quả tháng 6, quả chín vào tháng 8 có những năm ra hoa sớm hơn vào tháng 4, nở rộ và đậu quả tháng 5, thu hoạch quả vào tháng 7 năng suất thấp vì thường gặp mưa gió to.

Vụ 2: ra hoa tháng 7 - 9, nở rộ đậu quả tháng 8, thu quả tháng 11 rộ tháng 12. Quả dạng trái xoan, màu vàng da cam, hơi chua (hàm lượng axit 0,74%), nặng 25 - 30g. Cây 3 - 5 tuổi cho 120 - 180kg quả. Ngoài việc dùng để ăn tươi đây là giống táo chủ lực làm nguyên liệu cho chế biến.

2. Giống Đào tiên

Giống do Viện CLT - CTP chọn ra từ kết quả đột biến hạt bằng hoá chất từ táo Thiện Phấn ngọt.

Đặc điểm: tán hình dù, gọn, lá xanh đậm, hình thoi mút lá nhọn. Táo ra hoa rải rác từ tháng 5, hoa nở rộ và đậu quả vào tháng 9, thu hoạch quả tháng 12 - tháng 1 năm sau. Quả dạng tròn, vỏ dày, khi chín vị ngọt, thịt quả giòn, khối lượng trung bình 30 - 35g/quả.

3. Giống Đào vàng

Chọn từ quần thể xử lý gây đột biến đỉnh sinh trưởng

cây táo Gia Lộc bằng Colchicine 0,6%. Các giống H₁₂, H₃₂, táo đào tiên, táo má hồng và táo đào vàng đều do Giáo sư Viện sĩ Vũ Tuyên Hoàng và tập thể cán bộ môn Rau Quả Viện Cây Lương thực - Cây thực phẩm tạo ra, đã được công nhận giống Quốc gia tháng 1/1998.

Đặc điểm: cây sinh trưởng khỏe, tán gọn có thể trồng dày, thân cây màu nâu cao 2,5 - 3,0m, đường kính tán 5,2 - 5,5m, lá to, bầu, mút lá bằng màu xanh đậm. Quả có hình oval, to khi chín vỏ vàng da cam hàm lượng chất khô kém Gia Lộc, hàm lượng axit thấp hơn, đường tổng số và đường khử cao hơn nên ăn quả ngọt hơn. Quả ăn giòn ngọt, có vị thơm đặc trưng. Trung bình 25 - 35 quả/kg.

III. NHÓM CHÍN MUỘN

Quả chín rộ từ giữa tháng 1 đến cuối tháng 2. Thuộc nhóm này có các giống H₁₂, H₃₂, Đào muộn, Thiện phiên, Thái Lan, táo Xuân.

I. Táo H₁₂

Được chọn từ đột biến mầm của giống táo Thái Lan quả tròn ghép lên gốc táo Thiện Phiên. Từ năm 1978 táo H₁₂ đã đưa vào sản xuất được trồng ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung là giống táo chủ lực trong trà táo chín

muộn được trồng phổ biến ở các vùng trồng táo thâm canh mang lại hiệu quả kinh tế khá tốt. Quả dạng hình tròn, khi chín màu xanh vàng, vị ngọt đậm và thơm, thịt quả hay bị bột. Khối lượng quả 20 - 25g, trung bình 40 - 50 quả/kg. Cây 4 - 5 tuổi đạt năng suất quả 80 - 150kg/cây.

2. Táo H₃₂

Được chọn từ quần thể lai tự nhiên giữa giống Thái Lan và Thiện Phiến. Táo H₃₂ được đưa vào sản xuất từ năm 1978.

Đặc điểm: tán cây dạng hình dù, lá hình thoi, đầu nhọn, màu xanh. Hoa nở rộ và đậu quả vào tháng 9, thu hoạch quả vào tháng 1, thu rộ vào tháng 2 - 3. Khối lượng quả 30 - 35g/quả, quả dạng hình tròn, khi chín có màu vàng xanh vị ngọt, hơi chua. Cây 4 - 5 tuổi năng suất đạt 90 - 160kg/cây.

3. Táo Đào muộn

Kết quả do xử lý đột biến năm 1986 lên đỉnh sinh trưởng giống táo Thiện Phiến bằng dung dịch Nitrozomethyl urê 0,02%, bằng phương pháp chọn dòng từ năm 1987 đến năm 1989 tiến hành chọn lọc và phân lập dòng. Đầu năm 1990 ổn định và sinh trưởng và đặc

tính kinh tế. Giống đào muộn được Bộ Nông nghiệp và CNTP công nhận giống Quốc gia 1994.

Đặc điểm: tán cây cao 2.5 - 3.0m, đường kính tán 6.2 - 6.7m. Bắt đầu ra hoa 10/8 - 25/8, hoa rộ 5/9 - 20/9, hoa kết thúc 19/9 - 30/10. Thu hoạch quả bắt đầu từ 5/1 - 20/1, thu rộ 25/1 - 20/2, tận thu 5/3 - 20/3. Táo đào muộn cho thời gian thu hoạch quả kéo dài 2.5 tháng và muộn đến 20/3 hàng năm, là một trong những giống táo chín muộn nhất hiện nay.

Khối lượng quả giống đào muộn trung bình 40 - 45g, 25 - 30 quả/kg, quả thu được trên cây 4 - 5 tuổi 130 - 140kg, năng suất 40 - 50 tấn/ha, mã quả màu vàng tươi, đẹp, phẩm chất ngon. Tỷ lệ phần ăn được 96,1%, đường tổng số 8,72%, đường khử 4,5%, tinh bột 7,84%, axit 0,54%, vitamin C 6,8mg/100g. Hàm lượng chất khô 13,5%.

Giống táo đào muộn có khả năng thích ứng rộng, khả năng chống bệnh sương mai và phấn trắng khá. Trồng táo đào muộn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

4. Giống Thiện Phiến

Nguồn gốc: là giống táo địa phương, có 2 dạng: vỏ quả vàng sáng, vị chua, thịt quả bị bột, trung bình 50 - 67

quả/kg, thường dùng hạt táo này để làm gốc ghép cho các giống táo ngon khác.

- Táo Thiện Phiến ngọt: quả hình tròn hơi dẹt, khi chín vỏ quả vàng trắng, vỏ hơi nứt thành vệt nhỏ li ti, ăn ngọt, có vị chua cùi giòn, trung bình 35 - 45 quả/kg.

Do ưu thế về phẩm chất của các giống táo mới, diện tích trồng táo Thiện Phiến ngọt chỉ còn ở vùng gốc, khả năng mở rộng trồng mới khó khăn.

5. Táo Thái Lan quả dài

Nguồn gốc: giống của Thái Lan nhập vào miền Nam trước ngày giải phóng ở trại cây ăn trái Bến Gỗ, Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Đặc điểm: cây cao cành lá vươn thẳng, lá dài, quả dài dính quả nhon như hình quả trám, quả rất to, trọng lượng trung bình 35 - 40 g/quả. Ở miền Nam trung bình 25 - 28 quả/1kg.

Quả chín ăn giòn, ngọt có mùi thơm nhẹ. Chăm sóc tốt cho năng suất cao. Táo Thái Lan quả dài trồng ở một số tỉnh miền Bắc như Nghệ An, Hà Tĩnh mùa đông kém chịu rét, nhiều sâu bệnh làm cho quá rụng nhiều nên không mở rộng được vùng trồng.

6. Táo Thái Lan quả tròn

Nguồn gốc: giống táo Thái Lan quả dài.

Đặc điểm: cành vươn thẳng, lá tròn, quả tròn, quả chín ăn rất giòn, ngọt, có vị chua ăn không ngon bằng giống quả dài song năng suất cao hơn, mùa thu hoạch kéo dài hơn gần đến 1 tháng so giống quả dài.

Cả hai giống táo Thái Lan này trồng chủ yếu ở Nam Bộ trong điều kiện khí hậu miền Nam sinh trưởng và phát triển tốt 1 năm có thể đốn 2 lần để thu hai lứa quả.

Lần thứ nhất đốn vào tháng 2 - 3 thu quả vào tháng 6, 7, 8. Đợt này sản lượng quả cao nhưng chất lượng trung bình vì quả chín vào mùa mưa. Lần đốn thứ hai vào tháng 9, 10 cho thu hoạch vào tháng 12, 1, 2 thu hoạch vào mùa khô sản lượng tuy có thấp nhưng chất lượng khá hơn. Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam (2001) diện tích táo ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ khoảng 150ha.

7. Táo Xuân 21

Nguồn gốc: táo Xuân 21 là giống táo mới do Viện Sinh học Nông nghiệp, trường Đại học Nông nghiệp I chọn lọc và thuần hoá từ giống Thanh Táo của Đài Loan nhập nội từ năm 1998.

Đặc điểm: cơ bản giống như táo xuân, có sức sinh trưởng mạnh, cây vươn dài, lông dài lá to. Ưu điểm nổi

hạt của táo Xuân 21 là quả to 20 - 30 quả/kg, mã quả đẹp vỏ trơn bóng, chín vàng hạt nhỏ, thịt quả dày, vị ngọt, giòn, có vị thơm, ăn ngon và có năng suất rất cao, ước tính mỗi sào Bắc Bộ có thể thu được 2,0 - 2,5 tấn quả. Táo Xuân 21 mỗi năm có thể thu hoạch 2 vụ: vụ đầu chín vào tháng 9 - 10, vụ 2 (vụ chính) chín vào dịp Tết Nguyên đán (cuối tháng 1 đầu tháng 2 dương lịch) nên mới có tên là táo Xuân.

GIỐNG HỒNG GIÒN MCI

Nguồn gốc: từ Nhật Bản, nhập nội và trồng khảo nghiệm ở Mộc Châu năm 2001. Đến năm 2007, đã được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn công nhận giống tạm thời (tháng 9 - 2007) và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho phép sản xuất thử ở huyện Mộc Châu (tỉnh Sơn La) và các vùng có điều kiện sinh thái tương tự.

Đặc điểm: cây sinh trưởng và phát triển tốt phù hợp với điều kiện khí hậu vùng cao (ở Mộc Châu có độ cao so với mức nước biển trung bình 900m), Tán cân đối, Hàng năm rụng lá sớm và ra hoa sớm (15/3 - 5/4), tỷ lệ đậu quả cao 8,9%. Thu hoạch quả vào 15/8 đến 15/9. Trọng lượng quả trung bình 232g, quả lớn có thể đạt 246g. Quả chín vỏ quả màu vàng cam, bóng mịn hấp dẫn, thịt quả màu vàng nhạt, tỷ lệ phần ăn được cao

89.5%, hàm lượng chất khô 17.87%, đường tổng số 11.95%; axít 0.08%, hàm lượng tannin hoà tan 0.02%, caroten tổng số 0.045 mg/chất tươi, không hạt hoặc chỉ có một hạt. Quả chín ăn giòn, ngọt, ăn được ngay không cần qua các biện pháp xử lý khử chất như ngâm, giấm sau thu hoạch.

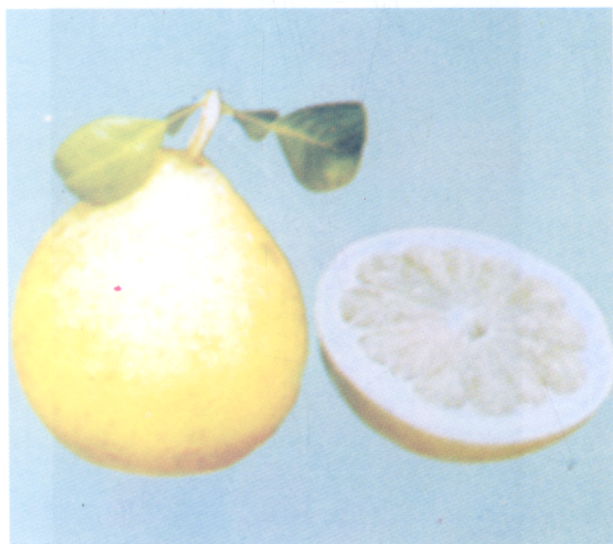
Sau trồng 3 năm đã có quả (12 quả/cây). Năm thứ 4, 5, 6 số quả trên cây tăng dần từ 53 quả - 134 quả -185 quả/cây. Năng suất đạt được từ 4.90 tấn/ha (năm thứ 4) lên 19.51 tấn/ha (năm thứ 6).

Vì chín sớm và ăn giòn, ngọt, phẩm chất tốt phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng nên bán được giá cao trên thị trường (giá hồng Thạch Thất 2.000đ/kg ở Mộc Châu trong khi đó giá hồng MCI bán được 17.000đ/kg) do đó người trồng hồng có thu nhập cao.

Điểm cần lưu ý: giống hồng giòn MCI không phải nơi nào cũng trồng được mà cây đòi hỏi có một độ lạnh thích hợp trong năm mới ra hoa kết quả được. Số liệu quan trắc một số tiểu vùng ở một số tỉnh miền núi trong 10 năm (Lê Đức Khánh - Hà Minh Trung, 2006) độ lạnh (CU) trung bình đo được ở Mộc Châu là 281,3 đơn vị lạnh, còn ở Trùng Khánh (Cao Bằng) là 291,3; Nguyên Bình (Cao Bằng) là 236,7; Bắc Sơn (Lạng Sơn) 217,5; Ngân Sơn (Bắc Cạn) 244,4; Mù Cang Chải (Yên Bái) 227,5; Bắc Hà (Lao Cai) 321,7...



Các giống cam



Bưởi Năm Roi



Quýt Hồng lai vung



Chôm chôm Java



Nhãn cùi Hưng Yên



Vải Yên Phú



Vải thiều Sóc Sơn



Ghép cải tạo giống
mới chín sớm



Giống xoài Gl6

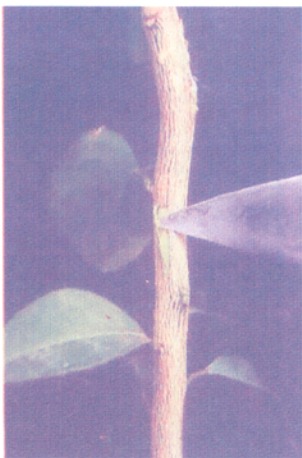


Bao quả xoài - Vườn của viện Nghiên cứu rau quả

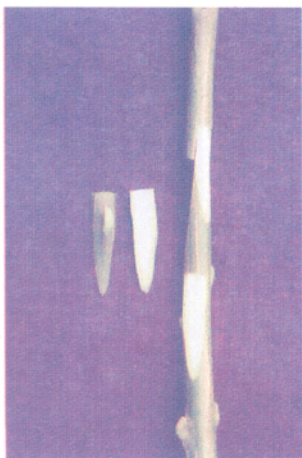


Trình tự thao tác ghép đoạn cành

Trình tự thao tác ghép mắt chữ T trên cây bưởi



1. Vạch chữ T và tách vỏ về hai bên



2. Mắt ghép chữ T và cành cho mắt ghép.



3. Chèn mắt ghép vào chữ T



4. Quấn kín mỗi ghép



5. Cắt ngọn gốc ghép để mầm nảy chồi

Trình tự thao tác ghép mắt nhỏ có gỗ trên cây bưởi



1. Cắt vát trên gốc ghép



2. Mắt ghép kèm một chút gỗ



3. Đặt mắt vào miệng ghép



4. Quấn kín mỗi ghép



5. Cắt ngọn gốc ghép để mầm nảy chồi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *Chương trình phát triển 10 triệu tấn quả đến năm 2010 - Hà Nội 1999.*
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam - 2006: *Sổ tay sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP.* Nhà xuất bản Nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh.
3. Lê Thái Bạt: *Một số đặc điểm đất vùng Tây Bắc và hướng sử dụng trong nông nghiệp.* Luận án PTS Khoa học Nông nghiệp 1991.
4. Ngô Hồng Bình (Chủ biên): *Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả vùng duyên hải miền Trung.* NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2005.
5. Nguyễn Minh Châu và CTG: *Điều tra thu thập, bảo tồn, đánh giá và sử dụng nguồn gen cây ăn quả ở miền Nam Việt Nam.* Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cây ăn quả 2000 - 2001. Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam. NXB Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh 2001, 45-51.
6. Nguyễn Minh Châu: *Chương trình phát triển cây ăn quả đến năm 2010. Tài liệu tập huấn Công nghệ sau thu hoạch trái cây SOFRI 15 - 26/5/2000 tr.1 - 15.*

7. Phạm Văn Côn: *Cây hồng- Kỹ thuật trồng và chăm sóc*. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2001.

8. Vũ Thiện Chính: *Khả năng phát triển một số cây ăn quả chủ yếu vùng Đông Bắc - Bắc Bộ*. Luận án Phó Tiến sĩ Nông nghiệp. Hà Nội 1999.

9. Đặng Ngọc Dinh (Chủ biên): *Phát triển kinh tế xã hội vùng gò đồi Bắc Trung Bộ*. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội - 1999.

10. Hồ Huy Cường, Phan Thanh Hải, Lê Văn Luy, Hà Văn Tứ: *Kết quả tuyển chọn giống xoài ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Kết quả nghiên cứu cây ăn quả vùng duyên hải miền Trung 2002 - 2005*. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2006, tr.29 - 38.

11. Bùi Quang Đáng: *Ảnh hưởng của biện pháp cắt cành sau thu hoạch đến khả năng hình thành và sinh trưởng của lộc, ra hoa, đậu quả và năng suất của giống xoài GL6 trồng ở miền Bắc Việt Nam*. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc san kỷ niệm 15 năm thành lập Viện nghiên cứu Rau Quả (3/3/1990 - 3/3/2005), tr.87 - 89.

12. Hoàng Văn Đức: *Miệt vườn ở đồng bằng sông Cửu Long*. Người làm vườn. Số 5 - số 6 - 1989 (trang 9 - 11; 6 - 8).

13. Vũ Mạnh Hải: *Góp thêm luận cứ cho việc hoạch định vùng trồng một số cây ăn quả ở miền Bắc*. Kết quả nghiên cứu khoa học về Rau Quả (1998 - 2000). Viện Nghiên cứu Rau Quả. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2000, tr.308 - 310.

14. Vũ Công Hậu: *Trồng cây ăn quả ở Việt Nam* NXB Nông nghiệp TP Hồ Chí Minh - 1996.

15. Vũ Công Hậu: *Vườn cây ở miền Đông Nam Bộ. Người làm vườn. Số 6 - 1989, 9.*

16. Dương Hồng Hiền: *Miệt vườn đồng bằng sông Cửu Long. Người làm vườn. Số 1 - 1991, 12 - 13.*

17. Nguyễn Văn Khanh - Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. Trung tâm Khuyến nông: *Báo cáo khoa học kết quả nghiên cứu đề tài "Xây dựng các giải pháp kỹ thuật cải tạo vườn tạp trong các hộ gia đình nông dân Hà Nội". Mã số: 01C - 05. Hà Nội 5-2002.*

18. Nguyễn Văn Kê: *Cây thanh long (Hylocereus undatus, Haw). NXB Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh - 2000.*

19. Lê Đức Khánh, Hà Minh Trung: *Kỹ thuật trồng cây ăn quả ôn đới (Mận, hồng, đào). NXB Giao thông Vận tải - 2006.*

20. Nguyễn Văn Lâm 2000: *Kết quả nghiên cứu bước đầu về một số giống xoài phổ biến ở Bình Định. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Rau Quả (No.3, Tr.6 - 8, Hà Nội).*

21. Hoàng Lâm và CTV: *Xây dựng mô hình thâm canh cây nhãn ở tỉnh Hưng Yên. Kết quả nghiên cứu khoa học về Rau Quả (1998 - 2000) - Viện Nghiên cứu Rau Quả. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2000. Tr.98 - 102.*

22. Hoàng Chung Lâm và CS: *Nghiên cứu tuyển chọn, xác định bộ giống thích hợp cho các vùng nguyên liệu và phương pháp nhân giống dưa Cayen. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc san kỷ niệm 15 năm thành lập Viện nghiên cứu Rau Quả (3/3/1990 - 3/3/2005), tr.60 - 63.*

23. Phạm Văn Lâm 2006: *Các biện pháp phòng chống dịch hại cây trồng Nông nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.*

24. Phan Liêu: *Đất Đồng Nam Bộ. Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1992.*

25. Vũ Khắc Nhượng: *Cải tạo vườn tạp góp phần xây dựng nền nông nghiệp bền vững. Thông tin chuyên đề về NN và CNTP số 3/1996. Tiến tới một nền nông nghiệp bền vững.*

26. Nhật Quang: *Những khả năng xây dựng VAC ở vùng đất cát ven biển. Người làm vườn. Số 4 - 1991.*

27. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang: *Báo cáo kết quả bình chọn cây dầu đồng vải thiều và hồng Nhân hậu. Bản tin trồng trọt giống - công nghệ cao. Cục Trồng trọt Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn số 3 - 2006.*

28. Trần Kông Tấu: *Tài nguyên đất. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2002.*

29. Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc: *Khi hậu Việt Nam. NXB Khoa học và kỹ thuật - 1993.*

30. Trịnh Văn Thịnh: *Kinh tế vườn: đặc điểm, loại hình, triển vọng. Người làm vườn. Số 2 - 1991, 9 - 10.*

31. Tạ Minh Tuấn, Bùi Xuân Khôi: *Sơ kết và nhận xét về chương trình hỗ trợ cải tạo vườn tạp tại Tiền Giang. Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Số 6-1997, 262 - 263.*

32. Phạm Quang Tú: *Lưu giữ tập đoàn gen và bình tuyển giống chuối. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc san kỷ niệm 15 năm thành lập Viện nghiên cứu Rau Quả (3/3/1990 - 3/3/2005), tr.96 - 98.*

33. Trần Thế Tục (Chủ biên), Cao Anh Long, Phạm Văn Côn, Hoàng Ngọc Thuận, Đoàn Thế Lư: *Giáo trình cây ăn*

quả - Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 1998.

34. Trần Thế Tục: Một số ý kiến về phát triển cây ăn quả vùng núi và trung du phía Bắc đến năm 2000 và 2010. Khoa học kỹ thuật Rau Hoa Quả, Viện Nghiên cứu Rau Quả, Số 2(6) - 1998, 3 - 7.

35. Trần Thế Tục, Nguyễn Thị Thuận: Một số kết quả điều tra, khảo sát giống xoài cát Hoà Lộc. Khoa học kỹ thuật Rau Hoa Quả, Viện Nghiên cứu Rau Quả số 4 - 1997, 8 - 11.

36. Trần Thế Tục, Phạm Minh Cường, Lê Đình Danh: Kết quả điều tra tuyển chọn giống hồng cho vùng Trung du miền núi phía Bắc. Khoa học kỹ thuật Rau Hoa Quả, Viện nghiên cứu Rau Quả, Số 3(7) - 1998, 22 - 25.

37. Trần Thế Tục, Ngô Hồng Bình: Cây xoài và kỹ thuật trồng. NXB Lao động Xã hội - 2001.

38. Trần Thế Tục, Vũ Mạnh Hải: Kỹ thuật trồng dưa. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 1996.

39. Trần Thế Tục: Sổ tay người làm vườn. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 1992.

40. Trần Thế Tục: Cây nhãn và kỹ thuật trồng và chăm sóc. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2000.

41. Trần Thế Tục: Cây hồng xiêm và kỹ thuật trồng. NXB Lao động - Xã hội - 2003.

42. Trần Thế Tục, Đoàn Thế Lư: Cây đu đủ và kỹ thuật trồng. NXB Lao động - Xã hội - 2004.

43. Trần Thế Tục, Phạm Văn Côn: Cây táo và kỹ thuật trồng. NXB Lao động - Xã hội, 2004.

44. Trần Thế Tục: *Kỹ thuật trồng xoài, na, hồng xiêm, đu đủ*. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 1998.

45. Trần Thế Tục, Hoàng Ngọc Thuận: *Chiết, ghép giâm cành tách chồi cây ăn quả*. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 1994.

46. Trần Thế Tục: *Khả năng và triển vọng phát triển bưởi Phúc Trạch (Citrus grandis Osbeck) ở huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc san kỷ niệm 15 năm thành lập Viện nghiên cứu Rau Quả (3/3/1990 - 3/3/2005), tr.69 - 72.*

47. Trần Thế Tục, Vũ Mạnh Hải, Đỗ Đình Ca: *Các vùng trồng cam quýt chính ở Việt Nam. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc san kỷ niệm 15 năm thành lập Viện nghiên cứu Rau Quả (3/3/1990 - 3/3/2005) tr.13 - 15.*

48. Trần Thế Tục: *Một số suy nghĩ về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cây ăn quả trong thời gian 1990 - 1999 của Viện Nghiên cứu Rau Quả. Kết quả nghiên cứu khoa học về Rau Quả (1998 - 2000). NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2000, tr.186 - 191.*

49. Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Năm 1992: *Đề án: "Cải tạo vườn tạp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1993 - 1997 và 1997 - 2000"*.

50. Nguyễn Danh Văn: *100 câu hỏi đáp về phòng trừ sâu bệnh hại cây ăn trái*. NXB Trẻ - 2004.

51. Liễu Thượng Văn: *Vườn Huế. Tạp chí Sông Hương. Số 112, tháng 6-1998.*

52. Trần Như Ý (Chủ biên) Đào Thanh Văn, Nguyễn Thế Huân: *Giáo trình Cây ăn quả - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. NXB Nông nghiệp Hà Nội - 2000.*

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
	LỜI GIỚI THIỆU	5
	LỜI NÓI ĐẦU	7
	VƯỜN Ở VIỆT NAM VÀ CÁC LOẠI HÌNH VƯỜN	11
	TỔNG QUAN VỀ SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ VÀ NHU CẦU CẢI TẠO VƯỜN TẬP Ở NƯỚC TA	25
I.	Tổng quan về sản xuất một số cây ăn quả chủ yếu ở nước ta	25
II.	Tính cấp thiết của việc cải tạo vườn tạp	31
	NHỮNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÓ THỂ ÁP DỤNG ĐỂ CẢI TẠO VƯỜN TẠP	37
	ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU, ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN CÂY ĂN QUẢ Ở CÁC VÙNG TRONG NƯỚC VÀ HƯỚNG CHỌN LỰA CÁC GIỐNG TỐT, CÓ ƯU THẾ CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG ĐỂ CẢI TẠO VƯỜN TẠP	61

I.	Đồng bằng Sông Hồng	61
II.	Vùng Đông Bắc	65
III.	Vùng Tây Bắc	71
IV.	Bắc Trung Bộ	77
V.	Duyên hải Nam Trung Bộ	85
VI.	Tây Nguyên	90
VII.	Đông Nam Bộ và các tỉnh cực Nam Trung Bộ	94
VIII.	Đồng bằng Sông Cửu Long	100
	CHỌN GIỐNG CÂY ĂN QUẢ CHO TỪNG VÙNG SINH THÁI	108
I.	Chọn cây ăn quả thích hợp với điều kiện khí hậu	108
II.	Chọn cây ăn quả thích hợp với từng loại đất	113
	NHỮNG VIỆC CẦN CHÚ Ý KHI CẢI TẠO VƯỜN TẠP	116
	CẢI TẠO VƯỜN XOÀI	126
	CẢI TẠO VƯỜN NHẪN	135

CÁI TẠO VƯỜN VẢI THIỂU	146
CÁI TẠO VƯỜN HỒNG	159
PHÂN CHIA LỢI ÍCH KHI THAM GIA CÁI TẠO VƯỜN TẠP	177
PHỤ LỤC 1: Các giống mới (Cây ăn quả) đã được Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận	181
CÁC GIỐNG BUỒI	181
CÁC GIỐNG CAM	191
CÁC GIỐNG QUÝT	198
CHÔM CHÔM	208
CÁC GIỐNG NHẪN	211
CÁC GIỐNG VẢI	219
GIỐNG SẦU RIÊNG	225
MĂNG CỤT	231
VÚ SỮA LÒ RÈN	233
CÁC GIỐNG ĐUỐI	234
CÁC GIỐNG XOÀI	239
CÂY CHUỐI VÀ CÁC GIỐNG CHUỐI VIỆT NAM	248

CÂY TÁO TA	255
GIỐNG HỒNG GIÒN MCI	263
PHỤ LỤC 2: Hướng dẫn một số cách ghép (uơm) cây ăn quả	266
TÀI LIỆU THAM KHẢO	274

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

**KỸ THUẬT
CẢI TẠO VƯỜN TẠP**
GS.TSKH Trần Thế Tục

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Cao Doanh

Biên tập: GS.TSKH TRẦN THẾ TỤC
Trình bày bìa: NGUYỄN HỒNG THÁI
Sửa bản in: PHS THÁI DƯƠNG., JSC
Vi tính: PHS THÁI DƯƠNG., JSC

In: 1.000 bản, khổ 13 x 19 cm tại XN in Trung tâm
Thông tin Thương mại - 46 Ngô Quyền - Hà Nội;
Số giấy phép xuất bản: 132-2007/CXB/391-06/NN
In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2008.

Kỹ thuật

Cải tạo Vườn tạp



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT HÀNH SÁCH VÀ VĂN HÓA PHẨM

THÁI DƯƠNG

SỐ 2, 310/78/79 NGUYỄN VĂN CỬ - BỒ ĐỀ - LONG BIÊN - HÀ NỘI

Điện thoại: (04) 8726234; Fax: (04) 8726587

Email: info@sachthaiduong.com.vn

Website: <http://www.sachthaiduong.com.vn>

SỐ 79, 38 NGÔ SỸ LIÊN - VĂN MIẾU - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI



Giá: 35 000đ